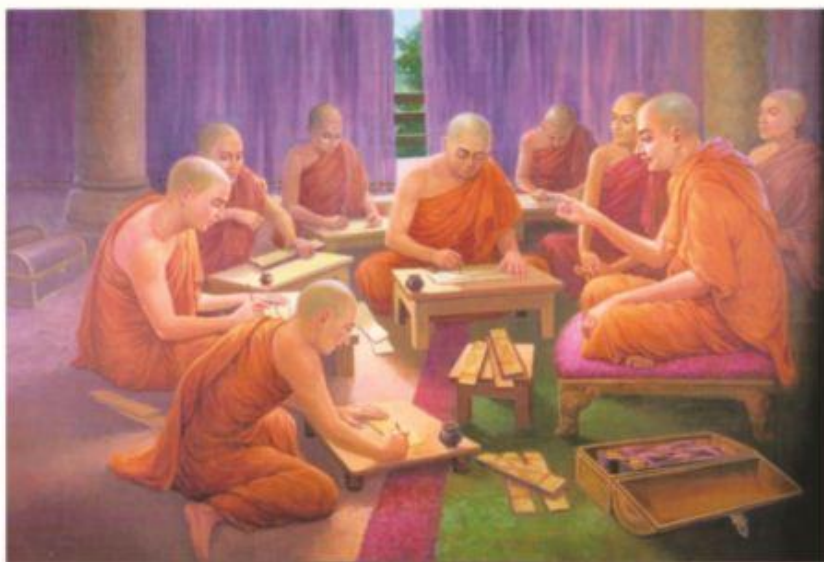


PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

KINH NHẬT TỤNG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

PHẦN I - KINH NHẬT TỤNG NGUYÊN THỦY (TIẾNG VIỆT) 9

LỄ BÁI TAM BẢO	10
NHẬT TỤNG TRONG TUẦN	24
KINH TỤNG NGÀY THỨ 2	25
KINH TỤNG NGÀY THỨ 3	40
KINH TỤNG NGÀY THỨ 4	52
KINH TỤNG NGÀY THỨ 5	67
KINH TỤNG NGÀY THỨ 6	80
KINH TỤNG NGÀY THỨ 7	88
KINH TỤNG NGÀY CHỦ NHẬT	96
HỒI HƯỚNG	106

PHẦN II - KINH NHẬT TỤNG NGUYÊN THỦY (TIẾNG PĀLĪ)

.....	118
LỄ BÁI TAM BẢO	119
KINH NHẬT TỤNG TRONG TUẦN	128
KINH TỤNG NGÀY THỨ 2	129
KINH PHẬT LỰC (<i>Buddhajayamaṅgalagāṭhā</i>)	129
KINH HUÂN TẬP CÔNG ĐỨC (<i>Nidhikaṇḍasuttam</i>)	131
KINH TƯ NIỆM XỨ (<i>Satipaṭṭhānasutta</i>)	134
KINH TỤNG NGÀY THỨ 3	154
HẠNH PHÚC KINH (<i>Maṅgalasuttārambho</i>)	154
KINH HỒI HƯỚNG VONG LINH	158
KINH LỄ BÁI SÁU PHƯƠNG (<i>Siṅgalovadasutta</i>)	160
KINH TỤNG NGÀY THỨ 4	175
KINH CHÂU BÁU (<i>Ratanasutta</i>)	175
KINH THẮNG HẠNH (<i>Jayaparitta</i>)	179
KINH GIẢI VỀ LỬA PHIỀN NÃO	181
KINH TỤNG NGÀY THỨ 5	185
KINH TỬ BI (<i>Karaṇīyamettasutta</i>)	185
KHANDHAPARITTA GĀTHĀ	187
KỆ SÁM HỒI PHỤ MẪU (<i>Mātāpitupaṇāmagāthā</i>)	188
LỜI CHỈ GIÁO TÓM TẮT (<i>Bhāsitovādasāṅkhepa</i>)	189

KINH TỤNG NGÀY THỨ 6	193
KINH ĐÁO BỈ NGẠN (<i>Dasapāramī</i>)	193
KINH CHUYỀN PHÁP LUÂN (<i>Dhammacakkappavattanasutta</i>)	195
KINH TỤNG NGÀY THỨ 7	200
KINH DUYÊN SINH (<i>Paṭiccasamuppāda</i>)	200
KINH GIRIMĀNANDA (<i>Girimānandasutta</i>)	202
KINH TỤNG NGÀY CHỦ NHẬT	207
KINH VẠN PHÁP TỔNG TRÌ (<i>Dhammasaṅgīnī</i>)	207
KINH VÔ NGÃ TƯỚNG (<i>Anattalakkhaṇasutta</i>)	210
HỒI HƯỚNG	215
PHẦN III - KINH CẦU SIÊU	224
PHẦN IV - CÁC NGHI LỄ THÔNG THƯỜNG.....	242
NGHI LỄ THỌ TRÌ TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI	243
PHÉP THỌ TRÌ TAM QUY	245
PHÉP THỌ TRÌ NGŨ GIỚI.....	247
CHÚC NGƯỜI MỚI QUY Y	249
PHÉP THỌ BÁT QUAN TRAI GIỚI	250
KỆ TỤNG KHI NHIỀU PHẬT	254
THỈNH PHÁP SƯ'	255
THỈNH TỤNG KINH CẦU AN	258
TÁC BẠCH DÂNG THỰC PHẨM CÙNG DƯỜNG	259
TÁC BẠCH CẦU SIÊU	260
NGHI LỄ SÁM HỐI.....	261
SÁM NGUYỆN.....	265

LỜI GIỚI THIỆU

Nghi lễ giúp đời sống của Tu sĩ trở nên trang nghiêm và thanh tịnh. Phật giáo thiếu nghi lễ thì thiếu sống động và tôn nghiêm. Vì thế, nghi lễ là một bộ phận không tách rời khỏi những hoạt động của Phật giáo. Nghi lễ Phật giáo đã có ngay vào thời kỳ của đức bốn sư còn sinh tiền. Ngài đã từng dạy những nghi lễ xuất gia, nghi lễ sám hối, nghi lễ tụng giới bốn v.v... Có những vị xuất gia vào thời Phật, tu thiền trong rừng bị phi nhân phá, Phật dạy kinh Từ bi Karaniya đến chư tỳ khưu, bài kinh đó ngày nay chư tăng Phật giáo Nguyên thủy vẫn còn tụng đọc.

Kinh tụng Phật giáo Nguyên thủy đa phần trích từ những bài kinh Tiểu tụng, kinh Tập, tất cả đều có xuất xứ, nguyên do đức Phật dạy kinh này. Kinh tụng Phật giáo Nguyên thủy, chúng ta thường thấy xuất hiện ba phần chính. Thứ nhất, lễ bái Tam bảo, tán dương ân đức Phật Pháp Tăng; thứ hai, những bài Kinh tụng có nguồn gốc từ Pali, trích trong Tiểu tụng và Kinh tập; thứ ba, phần hồi hướng.

Điểm ưu việt kinh tụng Phật giáo Nguyên thủy đều thống nhất nghi lễ phổ thông tụng bằng ngôn ngữ cổ điển Ấn Độ bằng tiếng Pali. Nên chư tăng Phật giáo Nguyên thủy trên thế giới đều cử hành nghi thức tụng bằng tiếng Pali giống nhau. Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia của Phật giáo Nguyên thủy cử hành nghi thức bằng song ngữ, tức là tiếng Pali và địa phương ngữ.

Ở Việt Nam, Nghi lễ tụng niệm dành cho Chư tăng và Cư sĩ phải nói là Hòa thượng Hộ Tông là người có công dịch những kinh tụng chư tăng và kinh nhật tụng cư sĩ để đáp ứng nhu cầu cần thiết khi Phật giáo Nguyên thủy mới du nhập. Về sau kinh nhật tụng được biên soạn để đáp ứng nhu cầu Phật tử, có Hòa

thượng Pháp Tri; Hòa thượng Siêu Việt, Hòa thượng Hộ Giác; Thượng tọa Tăng Định; Hòa thượng Viên Minh; Hòa thượng Bửu Trí và Chùa Huyền Không Huế cũng xuất bản kinh tụng theo bản dịch mới. Gần đây, Đại đức Đức Hiền biên soạn Tuyển tập kinh tụng Nam Tông, giới thiệu kinh tụng theo hai dạng, bản dịch cũ và bản dịch mới.

Kinh Nhật tụng Phật giáo Nguyên thủy ra đời dựa vào những tài liệu trên để biên soạn. Giúp người đọc tụng những thời khóa công phu dễ dàng, tiện lợi. Thời khóa công phu gồm có 3 phần: Lễ bái Tam bảo, Kinh nhật tụng trong tuần và Hồi hướng. Ngày nào cũng có bài kinh mới để đọc và chiêm nghiệm triết lý của đạo phật trong đời sống. Kinh nhật tụng trong tuần là tham khảo tài liệu nghi lễ của Thái Lan và Miến Điện. Đồng thời, cũng giới thiệu thêm một số bài kinh hay, dài đã được Hòa thượng Hộ Tông và Hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ lâu, nhưng ít tụng niệm. Nay chúng tôi cũng đưa vào để tụng đọc trong tuần để làm phong phú và đa dạng nghi lễ Nhật tụng Phật giáo Nguyên thủy. Những bài kinh đó là, Kinh Niệm xứ, Kinh lễ bái Lục phương, kinh Vô ngã tướng, kinh Chuyển pháp luân v.v....

Hy vọng Kinh Nhật tụng Phật giáo Nguyên thủy sẽ giúp cho quý vị thời khóa công phu đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Kính chúc Quý vị thân tâm an lạc.

Thủ Đức, ngày 24 tháng 5 năm 2013

Đại đức Tiến sĩ Siêu Minh

Chú ý Cách tụng

1. Tụng Phần Lễ bái Tam Bảo và Phần Hồi hướng phải đọc đầy đủ theo các bài đã in. Phần kinh tụng trong tuần chú ý tụng theo thứ tự trong tuần, ví dụ như ngày thứ 2, đọc những bài kinh như sau: kinh Phật lực, kinh Huân tập công đức, Kinh Niệm xứ.
2. Thời gian tụng tùy theo hoàn cảnh. Nếu ở chùa tụng theo thời gian đã quy định trước.
3. Phương pháp đọc: Văn xuôi, dấu chấm và dấu phẩy phải ngừng. Văn thơ, cuối mỗi câu phải ngừng. Đặc biệt, những bài kinh sau đây: Kinh Chuyển pháp luân, Kinh Vô ngã Tướng kinh, Kinh Girimananda, Tứ niệm xứ, Lễ bái lục phương, vì dài nên đọc chập, liên tục, khi hết hơi thì dừng. Đọc tương tự như kinh văn Pālī.
4. Phần II, nếu phật tử chưa quen đọc Tiếng Pālī thì đọc tiếng Việt cũng được.
5. Hành giả Xuất gia và Tại gia hành trì đúng theo những bài kinh trong quyển kinh Nhật tụng này sẽ có những lợi ích như sau: Có sức khỏe tốt, trí tuệ phát sanh. Chư thiên và Phi nhơn hộ trì, ít bệnh hoạn, có nhiều phước lộc, ngừa tai nạn.

Kính chúc Quý vị thân khỏe, tâm an và hanh thông mọi sự.

QUỖI GỎI CHẤP TAY LỄ PHẬT- PHÁP- TĂNG

- ***Araham sammāsambuddho Bhagavā Buddhama bhagavantama abhivādemi.***

Nhất tâm đảnh lễ đức thế Tôn bậc A la hán, Chánh đẳng, chánh giác, ngài là thiên nhân từ phụ, bi trí vẹn toàn. (1 lạy)

- ***Svākhato Bhagavatā dhammo dhammama namassāmi***

Nhất tâm lễ bái Giáo pháp do đức Thế tôn khéo thuyết giảng, đạo chuyển mê khai ngộ, thiết thực hiện tiền, vượt thời gian. (1 lạy)

- ***Suppaṭipanno Bhagavato sāvakaṅgho sanghamama namāmi.***

Nhất tâm kính lễ chư Thánh hiền tăng đệ tử của đức Thế tôn, các ngài là bậc hoằng truyền chánh pháp, xứng đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường. (1 lạy)

PHẦN I - KINH NHẬT TỤNG NGUYÊN THỦY (TIẾNG VIỆT)

LỄ BÀI TAM BẢO

THỈNH CHƯ THIÊN

Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi trời Dục giới, cùng Sắc giới; Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi không liền, hoặc nơi hư không; ngự nơi cồn bãi đất liền, hoặc các châu quận; ngự trên cây cối rừng rậm hoặc ruộng vườn; Chư Dạ-Xoa, Càn-Thác-Bà cùng Long Vương dưới nước trên bờ, hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội họp lại đây. Lời nào là kim ngôn cao thượng của Đức Thích Ca Mâu Ni, mà chúng tôi tụng đây, xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.

Xin các ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp bảo.
 Xin các ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp bảo.
 Xin các ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp bảo.
 (lay)

LỄ DÂNG CÚNG TAM BẢO

Con xin dâng các lễ vật này, nhứt là nhang đèn để cúng Phật - Pháp - Tăng Tam bảo, ngưỡng cầu cho các bậc ân nhân, nhứt là cha mẹ con, và con đều được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự bình an lâu dài. (lay)

~~~~~

Con đem hết lòng thành kính, làm lễ Đức Bhagavā đó. Ngài là bậc Á-Rá-Hãn cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.  
 (đọc 3 lần, 1 lay)

## LỄ BÀI PHẬT BẢO

Đức Phật tham thiên về số tức quan, ngồi trên bồ đoàn, dưới bóng cây Bồ Đề quý báu, và đắc thắng toàn bọn Ma Vương, mà thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài là bậc tối thượng hơn cả chúng sanh, con đem hết lòng thành kính, mà làm lễ Ngài. (lạy)

Chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá khứ, Chư Phật sẽ thành Chánh Giác trong kiếp vị lai, Chư Phật đang thành Chánh Giác trong kiếp hiện tại này.

Con đem hết lòng thành kính, mà làm lễ Chư Phật trong Tam Thế ấy. (lạy)

## Ân Đức Phật

Hồng danh Phật nhiệm mầu Ứng Cúng  
Chánh Biến Tri, Minh Hạnh đủ đầy  
Ôn đức Thiện Thệ cao dày  
Bậc Thế Gian Giải chỉ bày chơn tâm  
Vô Thượng Sĩ đoạn mầm ách phược  
Bậc trọn lành Điều Ngự Trượng Phu  
Trời, người quy phục Đạo Sư  
Phật, Thế Tôn hiển Chơn Như độ đời. (lạy)

## Lời Bỏ Cáo Quy Y Phật Bảo

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có Đức Phật là quý báu, nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đừng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chơn thật này. (lạy)

## Sám Hối Phật Bảo

Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ vi trần dưới chân Đức Phật, là Đấng Chí Tôn Chí Thánh. Các tội lỗi mà con đã vô ý, phạm đến Phật bảo, cúi xin Phật bảo xá tội lỗi ấy cho con. (lạy)

~~~~~

LỄ BÁI PHÁP BẢO

Các pháp đúng theo đạo Bát chánh, là con đang đi của bậc Thánh nhân, là con đang chánh, dẫn người hữu chí nhập niết-bàn được. Pháp bảo là pháp trừ diệt các sự lao khổ, và các điều phiền não, là pháp chỉ dẫn chúng sanh, thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi, con đem hết lòng thành kính, mà làm lễ pháp ấy. (lạy)

Các pháp của chư Phật đã có trong kiếp quá khứ. Các pháp của chư Phật sẽ có trong kiếp vị lai. Các pháp của chư Phật đang giáo truyền trong kiếp hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính, mà làm lễ các pháp trong tam thế ấy. (lạy)

Ân Đức Pháp Bảo

Pháp Bất Diệt: Cha Lành khéo dạy
 Là danh ngôn hỷ luận, nghĩ bàn
 Vượt thời gian, vượt không gian
 Thiết thực hiện tại, hoát nhiên tỏ tường.
 Pháp hướng thượng, đến rồi thấy rõ
 Là si mê, xả bỏ vọng trần
 Trí nhân ngộ tánh chân nhân
 Tự mình chứng nghiệm pháp thân diệu thường (lạy).

Lời Bố Cáo Quy Y Pháp Bảo

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có Pháp bảo là quý báu, nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đặng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chơn thật này. (lay)

Sám Hối Pháp Bảo

Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai hạng Pháp bảo, là pháp học và pháp hành. Các tội lỗi mà con đã vô ý, phạm đến Pháp bảo, cúi xin Pháp bảo xá các tội lỗi ấy cho con. (lay)

~~~~~

## **LỄ BÁI TĂNG BẢO**

Chư Thánh Tăng đã được trong sạch quý báu, là bậc đáng cho người dâng lễ cúng dường, vì lục căn của các Ngài đã thanh tịnh, lòng tham muốn đã dứt trừ, là Tăng đã thoát ly trần tục, con đem hết lòng thành kính, mà làm lễ chư Thánh Tăng ấy. (lay)

Chư Tăng đã đắc đạo cùng quả trong kiếp quá khứ. Chư Tăng sẽ đắc đạo cùng quả trong kiếp vị lai. Chư Tăng đang đắc đạo cùng quả trong kiếp hiện tại này, con đem hết lòng thành kính, mà làm lễ chư Thánh Tăng trong Tam Thế ấy. (lay)

## **Ân Đức Tăng Bảo**

Bậc Diệu Hạnh, Thanh văn đệ tử  
 Bậc Chánh Chơn, Pháp lữ Tăng già  
 Bậc Mô Phạm cõi ta bà  
 Thân tâm trực hạnh, lìa xa luân hồi.  
 Thành đạo quả: Bốn đôi, tám chúng  
 Đệ tử Phật, Ứng Cúng tôn nghiêm  
 Cung nghinh, kính lễ một niềm  
 Thánh đức cao cả, phước điền dày sâu. (lạy)

## **Lời Bồ Cáo Quy Y Tăng Bảo**

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có đức Tăng là quý báu, nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đừng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chân thật này. (lạy)

## **Sám Hối Tăng Bảo**

Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai bậc Tăng bảo, là Phạm Tăng và Thánh Tăng, các tội lỗi mà con đã vô ý, phạm đến Tăng bảo, cúi xin Tăng bảo xá tội lỗi ấy cho con. (lạy)

~~~~~

LỄ BÁI XÁ LỢI

Con xin thành kính làm lễ tất cả Bảo Tháp, Ngọc Xá lợi, đại thọ Bồ-đề, và kim thân Phật đã tạo thờ trong khắp mọi nơi.

~~~~~

## KỆ LỄ BÁI PHẬT TÍCH

Con thành tâm đánh lễ Đức Phật Tổ Gotama,  
 Cái-thể đại hùng anh, biển khổ đau đã băng qua.  
 Còn nêu trong tam giới, chỗ quy-ngưỡng của quần sanh,  
 Phiền não đoạn trừ xong, giác ngộ tâm đến Vô - sanh.

Thành tâm con đánh lễ những Thánh-tích Sakya,  
 Lưu dấu tại trần gian đủ năm nơi Phật trải qua:

- Một là trên bãi cát kế mé sông Nammāda;
- Hai, ở tận đầu non Suvanna - mālīka;
- Ba là trên đỉnh núi Suvanna Pabbata;
- Bốn là trên thượng đỉnh núi Sumana-konta;
- Năm, ở trong thành đô hiệu Yonakapurī.

Con thành tâm đánh lễ năm dấu chân Đức Mâu-ni;  
 Châu báu khắp trần gian xét kỹ ra thật khôn bì.

## LỄ TAM THẾ PHẬT

- 1- Con đem hết lòng thành kính, làm lễ 28 vị Chánh biến tri, 12 ngàn vị Chánh biến tri, và 500 ngàn vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành kính, làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh biến tri, mà những điều rủi ro, và sự tai hại, thấy đều diệt tận.
- 2- Con đem hết lòng thành kính, làm lễ 55 vị Chánh biến tri, 24 ngàn vị Chánh biến tri, và 1 triệu vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành kính, làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh biến tri, mà những điều rủi ro, và sự tai hại, thấy đều diệt tận.
- 3- Con đem hết lòng thành kính làm lễ 109 vị Chánh biến tri, 48 ngàn vị Chánh biến tri, và 2 triệu vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành kính, làm lễ pháp bảo và Tăng bảo của các vị Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực của bậc Chánh biến tri, mà những điều rủi ro, và sự tai hại, thấy đều diệt tận. (*lay*)

## DÂNG HOA CÚNG PHẬT

- Dâng hoa cúng đến Phật-đà,  
 Nguyện mau giải thoát sanh già khổ đau.  
 Hoa tươi nhưng sẽ úa sầu,  
 Tám thân tứ đại khỏi sao điêu tàn.
- Dâng hoa cúng đến Đạt-ma,  
 Nguyện mau giải thoát sanh già khổ đau.  
 Hoa tươi nhưng sẽ úa sầu,  
 Tám thân tứ đại khỏi sao điêu tàn.
- Dâng hoa cúng đến Tăng-già,  
 Nguyện mau giải thoát sanh già khổ đau.  
 Hoa tươi nhưng sẽ úa sầu,  
 Tám thân tứ đại khỏi sao điêu tàn (*lay*).

~~~~~

TAM QUI

- Đệ tử qui y Phật
 đấng thiên nhơn Điều Ngự, bi trí vẹn toàn.
- Đệ tử qui y Pháp
 đạo chuyển mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc.
- Đệ tử qui y Tăng
 bậc hoằng trì Chánh Pháp, vô thượng phước điền.

Lần thứ hai: đệ tử qui y Phật, Pháp, Tăng - Tam Bảo

Lần thứ ba: đệ tử qui y Phật, Pháp, Tăng - Tam Bảo
 (*lay*).

~~~~~

## QUÁN TƯỚNG TỨ VẬT DỤNG

### \* Quán tưởng yếu tố tứ vật dụng

- Y phục này dùng làm phương tiện  
Đó chỉ là tứ đại sở sanh  
Người dùng y cũng là duyên đại  
Phi chúng sanh thọ giả tánh không.
- Vật thực này dùng làm phương tiện  
Đó chỉ là tứ đại sở sanh  
Người thọ thực cũng là duyên đại  
Phi chúng sanh thọ giả tánh không.
- Chỗ ở này dùng làm phương tiện  
Đó chỉ là tứ đại sở sanh  
Người trú ngụ cũng là duyên đại  
Phi chúng sanh thọ giả tánh không.
- Dược phẩm này dùng làm phương tiện  
Đó chỉ là tứ đại sở sanh  
Người dùng thuốc cũng là duyên đại  
Phi chúng sanh thọ giả tánh không.

### \* Quán tưởng sự đáng chán của tứ vật dụng

- Người dùng y phải thường quán tưởng  
Y phục này vốn chẳng gồm đâu  
Khi xúc chạm vào thân uế trực  
Liền trở nên đáng ghét biết bao.
- Người thọ thực phải thường quán tưởng  
Vật thực này vốn chẳng gồm đâu

Khi xúc chạm vào thân uế trực  
 Liền trở nên đáng gớm biết bao.

- Người trú ngụ phải thường quán tưởng  
 Liêu cốc này vốn chẳng gớm đâu  
 Khi xúc chạm vào thân uế trực  
 Liền trở nên đáng gớm biết bao.
- Người dùng thuốc phải thường quán tưởng  
 Dược phẩm này vốn chẳng gớm đâu  
 Khi xúc chạm vào thân uế trực  
 Liền trở nên đáng gớm biết bao.

**\* Quán tưởng khi đang thọ dụng tứ vật dụng**

- Chon chánh quán tưởng rằng  
 Ta thọ dụng y phục  
 Để ngăn ngừa nóng lạnh  
 Hoặc xúc chạm muỗi mòng  
 Gió sương và mưa nắng  
 Cùng răn rít côn trùng  
 Và chỉ để che thân  
 Tránh những điều hồ thẹn.
- Chon chánh quán tưởng rằng.  
 Ta thọ dụng vật thực  
 Không phải để vui đùa  
 Không ham mê vô độ  
 Không phải để trang sức  
 Không tự làm đẹp mình  
 Mà chỉ để thân này  
 Được bảo trì mạnh khỏe

Để tránh sự tổn thương  
 Để trợ duyên phạm hạnh  
 Cảm thọ cũ được trừ  
 Thọ mới không sanh khởi  
 Và sẽ không lâm lỗi  
 Ta sống được an lành.

- Chọn chánh quán tưởng rằng  
 Ta thọ dụng liêu thất  
 Để ngăn ngừa nóng lạnh  
 Hoặc xúc chạm muối mòng  
 Gió sương và mưa nắng  
 Cùng rắn rít côn trùng  
 Để giải trừ nguy hiểm  
 Do phong thổ tứ thời  
 Và chỉ với mục đích  
 Sống độc cư an tịnh.
- Chọn chánh quán tưởng rằng  
 Ta thọ dụng y được  
 Dành cho người bệnh dùng  
 Để ngăn các cảm thọ  
 Tàn hại đã phát sinh  
 Được hoàn toàn bình phục.

**\* Quán tưởng lại tứ vật dụng đã dùng trong ngày**

- Y phục dùng trong ngày  
 Mà ta chưa quán tưởng  
 Y phục ấy được dùng  
 Để ngăn ngừa nóng lạnh  
 Hoặc xúc chạm muối mòng

Gió sương và mưa nắng  
 Cùng rần rít côn trùng  
 Và chỉ để che thân  
 Tránh những điều hồ thẹn.

- Vật thực dùng trong ngày  
 Mà ta chưa quán tưởng  
 Vật thực ấy được dùng  
 Không phải để vui đùa  
 Không ham mê vô độ  
 Không phải để trang sức  
 Không tự làm đẹp mình  
 Mà chỉ để thân này  
 Được bảo trì mạnh khỏe  
 Để tránh sự tổn thương  
 Để trợ duyên phạm hạnh  
 Cảm thọ cũ được trừ  
 Thọ mới không sanh khởi  
 Và sẽ không làm lỗi  
 Ta sống được an lành.
- Chỗ ở dùng trong ngày  
 Mà ta chưa quán tưởng  
 Chỗ ở ấy được dùng  
 Để ngăn ngừa nóng lạnh  
 Hoặc xúc chạm muỗi mòng  
 Gió sương và mưa nắng  
 Cùng rần rít côn trùng  
 Để giải trừ nguy hiểm  
 Do phong thổ tứ thời  
 Và chỉ với mục đích

Sống độc cư an tịnh.

- Được phẩm dùng trong ngày  
Mà ta chưa quán tưởng  
Được phẩm ấy được dùng  
Để ngăn các cảm thọ  
Tàn hại đã phát sanh  
Được hoàn toàn bình phục.

## Thỉnh Chư Thiên

Ba tòa thanh tịnh bồ đề  
 Mười phương thiên chúng hội về nghe kinh  
 Pháp mầu diệt tận vô minh  
 Pháp mầu cứu khổ sinh linh vạn loài  
 Từ Dục giới vân đài sáu cõi  
 Đến thiên cung sắc giới hữu hình  
 Chư Thiên đã tạo nghiệp lành  
 Do theo phước quả thiện sanh đến giờ  
 Các Ngài ngự bên bờ đồng ruộng  
 Hoặc hư không châu quận thị phường  
 Non xanh rừng rậm đất bằng  
 Hoặc nơi quán cảnh xóm làng gần xa  
 Xin đồng thỉnh Dạ-xoa chư chúng  
 Càn-thát-bà, Long chủng nơi nơi  
 Đàm, ao, thành quách lâu đời  
 Hoặc là sông nước biển khơi trùng trùng  
 Pháp vi diệu nghìn thân nan ngộ  
 Đạo thậm thâm, kiên khổ khó vào  
 Ngày tàn tháng lụn qua mau  
 Đắm say trần cảnh vùi đầu tử sinh  
 Đây là giờ chuyển kinh vô thượng  
 Đây là giờ đọc tụng pháp âm  
 Lời vàng lý nghĩa cao thâm  
 Xin chư hiền giả lắng tâm thọ trì (lạy).

# NHẬT TỤNG TRONG TUẦN

|                                 |          |
|---------------------------------|----------|
| Kinh tụng ngày thứ 2: ... ..    | trang 26 |
| Kinh tụng ngày thứ 3: ... ..    | trang 41 |
| Kinh tụng ngày thứ 4: ... ..    | trang 53 |
| Kinh tụng ngày thứ 5: ... ..    | trang 68 |
| Kinh tụng ngày thứ 6: ... ..    | trang 81 |
| Kinh tụng ngày thứ 7: ... ..    | trang 89 |
| Kinh tụng ngày Chủ nhật: ... .. | trang 97 |

~~~~~

KINH TỤNG NGÀY THỨ 2



KINH PHẬT LỰC

1- Đức Phật cao thượng hơn các bậc trí tuệ, ngài đã cảm thắng Ma Vương, Ma Vương biến ngàn cánh tay đều cầm khí giới; cười voi Gri-mê-khá-lá đủ cả binh ma, tiếng hét la vang rền. Nhờ Pháp Thập độ, nhất là Pháp Bố thí mà đức Phật cảm thắng được Ma Vương. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

2- Đức Phật đã cảm thắng Dạ Xoa A-la-quá-cá, rất cang ngạnh, không lòng nhẫn nhục, khoe tài trợn đêm cùng đức Phật. Dạ Xoa rất hung ác, cảm đồng hơn Ma Vương đã bị Đức Chánh Biến Tri dùng Pháp Nhẫn nhục thâm phục rồi. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

3- Đức Phật đã cảm thắng voi Na-la-gí-rí đến con hung ác, dữ tợn như lửa rừng, như sấm sét, nhờ rải lòng Từ bi, mà Đức Chánh Biến Tri đã cảm thắng được voi ấy. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

4- Đức Phật dùng Pháp Thần thông cảm thắng Ăn-gú-lí-má-lá, kẻ cướp sát nhân, cắt ngón tay người xỏ làm tràng hoa, kẻ quá hung bạo, nhưng rất tinh nhuệ, cầm gươm rượt Đức Chánh Biến Tri xa ba do tuần. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

5- Đức Phật đã khử trừ lời dữ của nàng Chỉnh-cha, nàng dùng cây tròn giống dạng đũa bé trong thai, giả làm phụ

nữ mang thai. Nhờ dùng Pháp Chánh định mà đức Chánh Biến Tri đã cảm thắng nàng giữa chốn đông người. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

6- Đức Phật sáng suốt nhờ ngọn đèn tuệ, Ngài đã cảm thắng kẻ ngoại đạo Sách-chá-cá, là kẻ không ngay thật, chỉ ưa thích sự nâng cao lời nói mình, như người dựng cột phượng, kẻ rất si mê, chẳng khác người mù. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

7- Đức Phật dạy Đại đức Mục-kiền-liên, biến làm Long Vương, để thâm phục rồng chúa Nan-đô-bá-nanh-đa, là rồng tà kiến, có nhiều thần thông. Nhờ dạy Đại đức Mục-kiền-liên, mà Đức Chánh Biến Tri đã thâm phục được rồng chúa ấy. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

8- Đức Phật đã cảm thắng Đại Phạm Thiên Bá-ká tự cho mình là cao thượng, vì đức trong sạch, có thần thông và chấp hỷ tà kiến. Nhờ Giác tuệ, mà Đức Chánh Biến Tri đã cảm thắng được Đại Phạm Thiên ấy. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

Những người có trí tuệ, không biếng nhác, thường ngày hằng tụng hoặc niệm tám kệ ngôn, tán dương oai lực của Đức Chánh Biến Tri, thì sẽ tránh khỏi vô số nạn tai, và sẽ chứng quả niết-bàn, là nơi an vui độc nhất.

~~~~~

## KINH HUÂN TẬP CÔNG ĐỨC

Người chôn giấu tài sản  
 Nơi hang sâu mực nước  
 Dụng tâm lúc hữu sự  
 Bị Pháp nước luật vua  
 Hay gặp phải cường hào  
 Đem chuộc thân giữ mạng  
 Hoặc trang trái nợ nần  
 Hoặc phòng con đói kém  
 Sự cất giấu như vậy  
 Là thường tình thế gian  
 Vị tất đã an toàn.

Dù chôn sâu giấu kín  
 Có khi bị thất thoát  
 Vì tài chủ lãng quên  
 Hay Long chủng dòi dòi  
 Dạ-xoa đoạt mang đi  
 Hay bị kẻ thừa tự  
 Sanh lòng tham đánh cắp  
 Hoặc hết phước làm chủ  
 Tài sản tự biến mất.

Ai bố thí trì giới  
 Phòng hộ và tự chế  
 Gọi cất giữ tài sản  
 Bảo đảm và an toàn.

Ai cúng dường đèn tháp  
 Năng phụng dưỡng mẹ, cha

Hậu đãi bậc huynh trưởng  
 Hay khách khứa láng giềng  
 Khéo cất giữ như vậy  
 Không ai chiếm đoạt được.

Khi mạng sống chấm dứt  
 Bao của tiền bỏ lại  
 Chỉ mang theo phước đức  
 Phước là tài sản thật  
 Không thể bị chiếm đoạt.

Bậc trí tạo phúc nghiệp  
 Thứ tài sản đáng quý  
 Khiến trời người các cõi  
 Được mãi nguyện hài lòng.

Người màu da tươi sáng  
 Giọng nói đẹp lòng người  
 Dung mạo nhìn dễ mến  
 Có phong cách đoan trang  
 Người quyền quý cao sang  
 Bậc vương triều tôn chủ  
 Bậc chuyển luân thánh chúa  
 Bậc thiên vương cõi trời  
 Tất cả quả lành này  
 Do công đức đã tạo.

Những hạnh phúc trần gian  
 Cùng thiên lạc cõi trời  
 Quả niết-bàn vô thượng

Tất cả quả lành này  
Do công đức đã tạo.

Người có được bạn lành  
Thuần thực trong thiền định  
Đạt chánh trí giải thoát  
Tất cả quả lành này  
Do công đức đã tạo.

Bốn tuệ giác phân tích  
Của Thánh, đệ tử Phật  
Hay độc giác toàn giác  
Tất cả quả lành này  
Do công đức đã tạo.

Bởi lợi lạc to lớn  
Của phước hạnh đã làm  
Nên thiện nhân hiền trí  
Tán thán và khuyến khích  
Sự cất giấu tài sản  
Bằng tích lũy phước lành (*lạ*).

~~~~~

KINH TỨ NIỆM XÚ

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Thế Tôn ngự giữa dân chúng xứ Ku-ru tại đô thị Kam-ma-sa-đam-ma. Tại đây, đức Phật dạy các Tỳ Khuru: Này các Tỳ Khuru, đây là con đường độc nhất dẫn đến thanh tịnh, vượt khỏi sầu não, đoạn tận khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ niết bàn. Đó là bốn niệm xứ.

Bốn niệm xứ ấy là gì?

- Này các Tỳ Khuru, người tu tập lấy thân quán thân với tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm khắc phục ham muốn âu lo.
- Người tu tập lấy thọ quán thọ với tinh tấn, tỉnh giác; chánh niệm khắc phục ham muốn âu lo.
- Người tu tập lấy tâm quán tâm với tinh tấn, tỉnh giác; chánh niệm khắc phục ham muốn âu lo.
- Người tu tập lấy pháp quán pháp với tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm khắc phục ham muốn âu lo.

Quán thân - niệm hơi thở: Này các Tỳ Khuru, thế nào là quán thân trên thân? Người tu tập đi vào rừng vắng, hay dưới cội cây hoặc nơi nhà trống, ngồi kiết già với lưng thẳng hướng sự chú ý ngay trước mặt. Vị ấy thở ra, thở vào với sự tỉnh thức. Khi thở vô dài vị ấy sáng suốt nhận biết: đang thở vô dài; khi thở ra dài vị ấy sáng suốt nhận biết: đang thở ra dài. Khi thở vô ngắn vị ấy sáng suốt nhận biết: đang thở vô ngắn; khi thở ra ngắn vị ấy sáng suốt nhận biết: đang thở ra ngắn. Vị ấy thực tập: cảm giác toàn thân tôi sẽ thở vô; vị ấy thực tập: cảm giác toàn thân tôi sẽ thở ra; vị ấy thực tập: an tịnh toàn thân tôi sẽ thở ra; vị ấy thực tập: an tịnh toàn

thân tôi sẽ thở vô; vị ấy thực tập: an tịnh toàn thân tôi sẽ thở ra; vị ấy thực tập: an tịnh toàn thân tôi sẽ thở vô. Cũng như người thợ tiện thành thạo khi quay dài hay ngắn đều biết rõ, người tu tập cũng vậy.

Quán thân - đại oai nghi: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập khi đi, sáng suốt ghi nhận: đang đi; khi đứng, sáng suốt ghi nhận: đang đứng; khi ngồi, sáng suốt ghi nhận: đang ngồi; khi nằm, sáng suốt ghi nhận: đang nằm. Thân thể trong tư thế ra sao biết rõ như thế.

Quán thân - tiểu oai nghi: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mặc y kép hay thượng y hoặc khi mang bát, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nhem, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm.

Quán thân - quán thể trực: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập quán sát thân này từ bàn chân đến ngọn tóc. Toàn thân bao bọc bởi da, chứa đầy những vật bất tịnh khác nhau. Trong thân này gồm: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mồ da, nước miếng, nước mũi, nhót, nước tiểu. Này các Tỳ Khuru ví như một người có mắt mở ra bao đựng các thứ hạt có thể phân biệt rõ: đây là gạo, đây là lúa, đây là

đậu, đây là mè". Tương tự như vậy, người tu tập quán sát thân này chứa đựng những thứ bất tịnh khác nhau.

Quán thân - **quán tứ đại**: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập quán sát về vị trí và sự sắp đặt của tứ đại. Vị ấy chánh niệm: trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại. Như một người đồ tể rành nghề có thể phân một con bò thành từng phần riêng biệt, người tu tập có thể nhận rõ vị trí của tứ đại trong thân này.

Quán thân - **quán tử thi**: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập nhìn thấy một tử thi quăng bỏ trong bãi tha ma một ngày, hai ngày, ba ngày trong trạng thái căng phồng, biến thành màu xanh đen, nát thối. Vị ấy quán: thân này tự tánh là vậy, bản chất là vậy, không thể vượt ngoài tánh chất ấy.

Quán thân - **quán tử thi bị hủy thể**: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập nhìn thấy một tử thi quăng bỏ trong bãi tha ma bị các loài cầm thú quạ, điều hâu, kên kên, chó, dã can hay côn trùng đục khoét để ăn. Vị ấy quán: thân này tự tánh là vậy, bản chất là vậy, không thể vượt ngoài tánh chất ấy.

Như vậy, vị ấy quán thân bằng nội thân hay ngoại thân hoặc cả hai. Vị ấy quán tánh sanh khởi trên thân, quán tánh hoại diệt trên thân hoặc cả hai tánh sanh diệt trên thân. Vị ấy quán niệm sự hiện hữu của thân với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy không ý lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời. Này các Tỳ Khuru, như vậy là người tu tập lấy thân quán thân.

Quán thân - **quán hài cốt**: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập nhìn thấy một tử thi quăng bỏ trong bãi tha

ma chỉ còn là một bộ xương với chút ít máu thịt còn sót lại với các sợi gân còn kết nối. Hoặc một bộ xương không còn thịt còn chút máu được các sợi gân kết nối. Hoặc một bộ xương không còn máu thịt, không còn các sợi gân kết nối. Hoặc rải rác từng phần xương tay, xương chân, xương ống, xương đùi, xương hông, xương sống, sọ đầu. Vị ấy quán: thân này tự tánh là vậy, bản chất là vậy, không thể vượt ngoài tánh chất ấy.

Quán thân - quán hải cốt mục rã: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập nhìn thấy một tử thi quăng bỏ trong bãi tha ma chỉ toàn xương trắng màu vỏ ốc... Hoặc đã biến dạng theo thời gian vài ba năm ... Hoặc mục nát thành bột ... Vị ấy quán: thân này tự tánh là vậy, bản chất là vậy, không thể vượt ngoài tánh chất ấy. Như vậy vị ấy quán thân bằng nội thân hay ngoại thân hoặc cả hai. Vị ấy quán tánh sanh khởi trên thân, quán tánh hoại diệt trên thân hoặc cả hai tánh sanh diệt trên thân. Vị ấy quán niệm sự hiện hữu của thân với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy không ý lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời. Này các Tỳ Khuru, như vậy là người tu tập lấy thân quán thân.

Quán thọ: Này các Tỳ Khuru, thế nào là quán thọ trên thọ? Này các Tỳ Khuru, người tu tập khi cảm thọ lạc, sáng suốt biết rõ: cảm thọ lạc; khi cảm thọ khổ, sáng suốt biết rõ: cảm thọ khổ; khi cảm thọ không lạc không khổ, sáng suốt biết rõ: cảm thọ không lạc không khổ. Khi cảm thọ lạc thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ lạc thuộc vật chất; Khi cảm thọ lạc không thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ lạc không thuộc vật

chất. Khi cảm thọ khổ thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ khổ thuộc vật chất; Khi cảm thọ khổ không thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ khổ không thuộc vật chất. Khi cảm thọ không lạc không khổ thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ không lạc không khổ thuộc vật chất; khi cảm thọ không lạc không khổ không thuộc vật chất, sáng suốt biết rõ: cảm thọ không lạc không khổ không thuộc vật chất. Như vậy, vị ấy quán thọ bằng nội thọ hay ngoại thọ hoặc cả hai. Vị ấy quán tánh sanh khởi trên thọ, quán tánh hoại diệt trên thọ hoặc cả hai tánh sanh diệt trên thọ. Vị ấy quán niệm sự hiện hữu của thọ với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy không ý lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời. Này các Tỳ Khuru, như vậy là người tu tập lấy thọ quán thọ.

Quán tâm: Này các Tỳ Khuru, thế nào là quán tâm trên tâm? Này các Tỳ Khuru, người tu tập khi ham muốn, biết rõ: tâm ham muốn. Khi sân hận, biết rõ: tâm sân hận. Khi si mê, biết rõ: tâm si mê. Khi tâm tham nhiễm, biết rõ: tâm tham nhiễm. Khi tâm tán loạn, biết rõ: tâm tán loạn. Khi tâm quảng đại, biết rõ: tâm quảng đại. Khi tâm hạn hẹp, biết rõ: tâm hạn hẹp. Khi tâm cao thượng, biết rõ: tâm cao thượng. Khi tâm tập chú, biết rõ: tâm tập chú. Khi tâm không định, biết rõ: tâm không định. Khi tâm giải thoát, biết rõ: tâm giải thoát. Khi tâm ràng buộc, biết rõ: tâm ràng buộc. Như vậy, vị ấy quán tâm bằng nội tâm hay ngoại tâm hoặc cả hai. Vị ấy quán tánh sanh khởi trên tâm, quán tánh hoại diệt trên tâm hoặc cả hai tánh sanh diệt trên tâm. Vị ấy quán niệm sự

hiện hữu của tâm với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy không ỷ lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời. Nay các Tỳ Khuru, như vậy là người tu tập lấy tâm quán tâm.

Quán pháp - quán năm pháp ngăn ngại: Nay các Tỳ Khuru, thế nào là quán pháp trên pháp? Nay các Tỳ Khuru, người tu tập quán pháp qua năm ngăn ngại. Nay các Tỳ Khuru, khi người tu tập tâm có ham muốn, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm có ham muốn; tâm không có ham muốn, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có ham muốn. Với sự ham muốn vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ. Với sự ham muốn đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ. Với sự ham muốn đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ. Khi tâm có sân hận, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm có sân hận; tâm không có sân hận, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có sân hận. Với sự sân hận vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ. Với sự sân hận đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ. Với sự sân hận đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ. Khi tâm có hôn trầm thụy miên, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm có hôn trầm thụy miên; tâm không có hôn trầm thụy miên, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có hôn trầm thụy miên. Với sự hôn trầm thụy miên vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ. Với sự hôn trầm thụy miên đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ. Với sự hôn trầm thụy miên đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ. Khi tâm có loạn động, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm có loạn động; tâm không có loạn động, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có loạn động. Với sự loạn động

vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ. Với sự loạn động đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ. Với sự loạn động đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ. Khi tâm có nghi hoặc, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm có nghi hoặc; tâm không có nghi hoặc, vị ấy sáng suốt biết rõ: nội tâm không có nghi hoặc. Với sự nghi hoặc vốn không có nay sanh khởi, vị ấy biết rõ. Với sự nghi hoặc đã sanh khởi nay đoạn diệt, vị ấy biết rõ. Với sự nghi hoặc đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết rõ. Như vậy, vị ấy tu tập quán pháp qua năm triền cái.

Quán pháp - **quán năm thủ uẩn**: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập quán pháp qua năm thủ uẩn. Vị ấy quán sát: đây là sắc, đây là tập khởi của sắc, đây là sự đoạn diệt của sắc; đây là thọ, đây là tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ; đây là tưởng, đây là tập khởi của tưởng, đây là sự đoạn diệt của tưởng; đây là hành, đây là tập khởi của hành, đây là sự đoạn diệt của hành; đây là thức, đây là tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức. Như vậy, vị ấy tu tập quán pháp qua năm thủ uẩn.

Quán pháp - **quán sáu xứ**: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập quán pháp qua sáu nội và ngoại xứ. Vị ấy sáng suốt biết rõ: do duyên hai thành tố mắt và cảnh sắc, kiết sử sanh khởi. Do duyên hai thành tố tai và âm thanh, kiết sử sanh khởi. Do duyên hai thành tố mũi và mùi hương, kiết sử sanh khởi. Do duyên hai thành tố lưỡi và các vị, kiết sử sanh khởi. Do duyên hai thành tố thân và cảnh xúc, kiết sử sanh khởi. Do duyên hai thành

tổ ý và cảnh pháp, kiết sử sanh khởi. Với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy sáng suốt biết rõ. Với kiết sử đã sanh nay đoạn diệt, vị ấy sáng suốt biết rõ. Với kiết sử đã đoạn diệt tương lai không sanh khởi, vị ấy sáng suốt biết rõ. Như vậy, là người tu tập quán pháp qua sáu nội và ngoại xứ.

Quán pháp - quán bảy giác chi: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập quán pháp qua bảy giác chi. Này các Tỳ Khuru, khi tâm có niệm giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có niệm giác chi; khi tâm có trạch pháp giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có trạch pháp giác chi; khi tâm có tinh tấn giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có tinh tấn giác chi; khi tâm có hỷ giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có hỷ giác chi; khi tâm có tịnh giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có tịnh giác chi; khi tâm có định giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có định giác chi; khi tâm có xả giác chi vị ấy biết rõ: nội tâm có xả giác chi. Với các giác chi vốn không có nay sanh khởi, vị ấy sáng suốt biết rõ. Với các giác chi đã sanh nay được viên thành, vị ấy sáng suốt biết rõ. Như vậy, là người tu tập quán pháp qua bảy giác chi.

Quán pháp - quán bốn thánh đế: Lại nữa, này các Tỳ Khuru, người tu tập quán pháp qua bốn thánh đế. Này các Tỳ Khuru, người tu tập sáng suốt biết rõ đây là khổ; sáng suốt biết rõ đây là nhân sanh khổ; sáng suốt biết rõ đây là sự chấm dứt khổ; sáng suốt biết rõ đây là con đường dẫn đến diệt khổ. Như vậy vị ấy quán pháp bằng pháp. Vị ấy quán tánh sanh khởi trên pháp, quán tánh hoại diệt trên pháp hoặc cả hai tánh sanh diệt trên pháp. Vị ấy quán niệm sự hiện hữu của pháp với hy vọng

hướng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy không ý lại, chấp trước bất cứ vật gì ở đời. Nầy các Tỳ Khuru, như vậy là người tu tập lấy pháp quán pháp.

Quả chứng: Nầy các Tỳ Khuru, người nào tu tập bốn niệm xứ trong bảy năm như vậy có thể chứng một trong hai quả ngay trong đời hiện tại: một là vô lậu chánh trí nếu không thì quả bất hoàn. Nầy các Tỳ Khuru, không nhất thiết phải tu tập đến bảy năm, một người có thể chứng quả trong thời gian tu tập bốn niệm xứ trong sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm hoặc bảy tháng, sáu tháng, năm tháng, bốn tháng, ba tháng, hai tháng, một tháng, nửa tháng thậm chí bảy ngày có thể chứng đắc một trong hai quả vô lậu chánh trí hoặc quả bất hoàn. Nầy các Tỳ Khuru, đây là con đường độc nhất dẫn đến thanh tịnh, vượt khỏi sầu não, đoạn tận khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ niết bàn. Đó là quán niệm bốn lãnh vực. Đức Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỳ Khuru hoan hỷ tín thọ lời Ngài.

KINH TỤNG NGÀY THỨ 3



BỒ CÁO HẠNH PHÚC KINH

Xin thạnh táat cau chổ thieân ngöi trong hồ khoáng theá giôùi, hoaëc ngoaøi hồ khoáng theá giôùi naøy, laø baäc ñaõ coù loøng an tòngh vaø ñaõ qui y Tam baâu, laø baäc naêng tìm caàu haïnh phuùc. Xin thạnh táat cau chổ thieân ngöi treân Tu-di sơn vôông, tinh anh baêng vaøng roàng cao thöông. Xin thạnh táat cau chổ thieân laø baäc hieàn trieát, ñoàng cu hoãi nôï ñây, ñaêng nghe lôøi vaøng cuûa Ñöc Thích Ca Maâu Ni, laø phaùp voâ thöông, laøm cho phaùt sanh ñieàu phuùc laïc.

Söi phöôùc baàu maø chuùng con ñaõ laøm, coù theá giuùp thaønh töü caùc thöù quaü. Caàu xin ñaï xoa, chổ thieân cuøng phaïm thieân trong cau theá giôùi ta baø ñieàu hoan hæ thoï laõnh phöôùc aáy. Táat cau ñaï xoa, chổ thieân cuøng phaïm thieân, khi ñaõ thoï laõnh phöôùc aáy, xin ñoàng taâm hoan hæ trong Phaät phaùp, xin döùt loøng deã duôi vaø tuøy phöông tieän hoã trì Phaät phaùp. Caàu xin Phaät phaùp haèng ñöôïc söùuøng minh vaø chuùng sanh haèng ñöôïc taán hoaù. Caàu xin táat cau chổ thieân hoã trì Phaät phaùp vaø tieáp ñaï chuùng sanh. Caàu xin cho táat cau chuùng sanh ñieàu ñöôïc an vui, ñöôïc voâ-khoã-cuï, laø ngöôøi coù thieän taâm, luôn cau thaân baêng cuøng quyean thuoác.

Táat cau nhaân loaïi cuøng chổ thieân trong möôøi ngaøn theá giôùi ta baø, haèng mong caàu vaø coá gaéng tìm xeùt trong möôøi hai naêm, nhöông ñieàu haïnh phuùc vaãn chöa tìm thaáy, tieáng xoân xao

thaáu ñéán coõi trôøi Phaïm thieân trong khi aáy. Nõùc phaät coù giaêng giaûi kinh haïnh phuùc laøm cho caùc toãi loãi ñeàu phaûi tieâu dieät. Chuùng sanh nhieàu khoâng xieát keã, ñaõ nghe vaø ñaõ ñöôïc dòùt khoûi caùc söï thoáng khoả.

KINH HẠNH PHÚC

Như vậy tôi nghe
 Một thời Thế Tôn
 Ngự tại Kỳ Viên tịnh xá
 Của trưởng giả Cấp-cô-độc
 Gần thành Xá-vệ
 Khi đêm gần mãn
 Có một vị trời
 Dung sắc thù thắng
 Hào quang chiếu diệu
 Sáng tỏ Kỳ-viên
 Đến nơi Phật ngự
 Đảnh lễ Thế Tôn
 Rồi đứng một bên
 Cung kính bạch Phật
 Bằng lời kệ rằng:

“Chư thiên và nhân loại
 Suy nghĩ điều hạnh phúc,
 Hằng tâm cầu mong đợi
 Một đời sống an lành.
 Xin ngài vì bi mẫn,
 Hoan hỷ dạy chúng con

Về phúc lành cao thượng”.
 Thế Tôn tùy lời hỏi
 Rồi giảng giải như vậy:

“Không gần gũi kẻ ác
 Thân cận bậc trí hiền
 Đánh lễ người đáng lễ
 Là phúc lành cao thượng.

Ở trú xứ thích hợp
 Công đức trước đã làm
 Chơn chánh hướng tự tâm
 Là phúc lành cao thượng.

Đa văn, nghề nghiệp giỏi
 Khéo huấn luyện, học tập
 Nói những lời chơn chất
 Là phúc lành cao thượng.

Hiếu thuận bậc sanh thành
 Dưỡng dục vợ và con
 Sở hành theo nghiệp chánh
 Là phúc lành cao thượng.

Bố thí, hành đúng Pháp
 Giúp ích hàng quyến thuộc
 Giữ chánh mạng trong đời
 Là phúc lành cao thượng.

Xả ly tâm niệm ác
 Chế ngự không say sưa
 Trong pháp không phóng dật
 Là phúc lành cao thượng.

Biết cung kính khiêm nhường
 Tri túc và tri ân
 Đúng thời nghe chánh pháp
 Là phúc lành cao thượng.

Nhẫn nhục lời nhu hòa
 Yết kiến bậc sa-môn
 Tùy thời đàm luận pháp
 Là phúc lành cao thượng.

Tự chủ, sống phạm hạnh
 Thấy rõ lý Thánh đế
 Giác ngộ quả niết-bàn
 Là phúc lành cao thượng.

Khi xúc chạm việc đời
 Tâm không động, không sầu
 Tự tại và vô nhiễm
 Là phúc lành cao thượng.

Những sở hành như vậy
 Không chỗ nào thối thất
 Khắp nơi được an toàn
 Là phúc lành cao thượng”./.

KINH HỒI HƯƠNG VONG LINH

Bổ cáo:

Vua Bim Bí Sá Rá
 Nằm mộng thấy thân nhân
 Bị quả khổ đói lạnh
 Đến bạch hỏi Thế Tôn
 Đức Điều Ngự bi mẫn
 Chỉ dạy cách tạo phước
 Hồi hướng các vong linh
 Thoát ly mọi khổ ách.

Chánh kinh:

Các hương linh quá vãng
 Thường đến nhà thân nhân
 Đứng ngoài vách tựa cửa
 Ngã đường hay cổng thành
 Trông chờ hưởng phước thí
 Nhưng vì kém phước duyên
 Hương linh bị quên lãng
 Thân nhân tạo phước lành
 Do công đức bố thí
 Nên phát nguyện bằng lời:
Idaṃ vo ñāṭṭhaṃ hotu
Sukhiṭā hontu ñātayo
 Nguyện thân nhân quá vãng
 Thượng hưởng công đức này
 Được thọ sanh lạc cảnh

Những thân nhân quá vãng
 Vân tập các đạo tràng
 Nhận được phước hồi hướng
 Thường thốt lời cảm kích
 Mong ân nhân của mình
 Được trường thọ phúc lạc
 Người đã tạo công đức
 Chắc chắn được quả lành

Trong cõi khổ nga quỷ
 Không có các sinh kế
 Trồng trọt hoặc chăn nuôi
 Bán buôn hay trao đổi
 Chúng sanh cảnh giới này
 Hằng mong đợi phước báu
 Do thân nhân hồi hướng

Như nước trên gò cao
 Chảy xuống vùng đất thấp
 Phước lành đã hồi hướng
 Có diệu năng cứu khổ
 Như trăm sông tuôn chảy
 Cùng hướng về đại dương
 Nguyên công đức đã tạo
 Thấu đến chư hương linh

Khi người nhớ ân trước
 Do tình nghĩa thân bằng
 Do tương duyên quyến thuộc
 Hãy cúng dường trai Tăng
 Hồi hướng phước đã tạo

Sự khổ sâu thương cảm
 Trước tử biệt sanh ly
 Không có lợi ích gì
 Cho thân nhân quá vãng

Cách trai Tăng hợp đạo
 Gọi Đắc-khí-na-đa-ná (*Dakkhiṇādāna*)
 Cúng dường vô phân biệt
 Đến đại chúng Tăng Già
 Bạc phạm hạnh giới đức
 Bạc vô thượng phước điền
 Được vô lượng công đức
 Là thắng duyên tế độ
 Hương linh trong cảnh khổ.

Do thiện sự đã làm
 Do hồi hướng đã nguyện
 Do Tăng lực đã cầu
 Xin tựu thành phúc quả (*lay*).

KINH LỄ BÁI SÁU PHƯƠNG

Sīṅgalovadasutta

Tôi nghe như vậy,

Một thời đức Thế Tôn trú tại chùa Trúc-Lâm gần thành Vương-Xá. Vào buổi sáng Ngài đắp y mang bát đi khát thực. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn trông thấy thanh niên Sin-gá-lá lễ bái sáu phương đông, nam, tây, bắc, trên, dưới. Ngài hỏi, tại sao làm thế?

Sin-gá-lá trả lời: Khi thân phụ lâm chung, nhắn nhủ phải thường lễ bái sáu phương.

Đức Thế Tôn dạy rằng: Cách thức lễ bái sáu phương trong đạo lý thánh hiền không giống như vậy.

Thanh niên Sin-gá-lá thỉnh cầu đức Phật giảng dạy đạo lý ấy.

Đức Phật dạy rằng: Này gia chủ,

Phương đông được hiểu là cha mẹ.

Phương nam được hiểu là thầy tổ.

Phương tây được hiểu là người hôn phối.

Phương bắc được hiểu là bạn bè.

Phương dưới được hiểu là người giúp việc.

Phương trên được hiểu là sa môn.

Này gia chủ, đối với phương đông tức cha mẹ, người con nên làm năm việc:

Một là phụng dưỡng cha mẹ. Hai là làm công việc thay cha mẹ. Ba là gìn giữ gia phong. Bốn là khéo quản trị tài sản thừa kế. Năm là tạo phước hồi hướng.

Đáp lại, đối với con, cha mẹ nên làm năm việc: Một là ngăn con không làm điều ác. Hai là dạy con làm việc

lành. Ba là hướng dẫn nghề nghiệp. Bốn là tác thành gia thất. Năm là trao tài sản thừa kế khi thích hợp.

Đó là cách lễ bái phương đông tức đạo nghĩa cha mẹ con cái. Làm như vậy được an lạc không gì lo lắng.

Này gia chủ, đối với phương nam tức thầy tổ, người học trò nên làm năm việc: Một là giữ lòng kính trọng. Hai là quan tâm săn sóc. Ba là chăm chỉ học hành. Bốn là đáp ứng khi cần. Năm là hấp thụ những gì được truyền dạy.

Đáp lại, đối với trò, thầy nên làm năm việc: Một là dạy trò những chuyên môn của mình. Hai là dùng phương pháp dễ hiểu. Ba là không giấu nghề. Bốn là giới thiệu tiến thân. Năm là bố trí an toàn cho trò.

Đó là cách lễ bái phương nam tức đạo nghĩa thầy trò. Làm như vậy được an lạc không gì lo lắng.

Này gia chủ, đối với phương tây tức người hôn phối thì người chồng nên làm năm việc: Một là đối xử hoà ái. Hai là không bạc đãi khinh khi. Ba là một dạ thủy chung. Bốn là giao quyền nội chính. Năm là tùy khả năng mua sắm tư trang cho vợ.

Đáp lại, đối với chồng, người vợ nên làm năm việc: Một là quán xuyến công việc gia đình. Hai là cư xử với hai họ một cách đồng đều. Ba là một lòng tiết hạnh. Bốn là gìn giữ tài sản. Năm là cần mẫn trong bốn phận.

Đó là cách lễ bái phương tây tức đạo nghĩa vợ chồng. Làm như vậy được an lạc không gì lo lắng.

Này gia chủ, đối với phương bắc tức bạn bè nên làm năm việc: Một là rộng rãi. Hai là nhã nhặn. Ba là quan

tâm lợi ích của bạn. Bốn là đồng cam cộng khổ. Năm là thành thật.

Đáp lại, đối với một bạn tốt, nên làm năm việc: Một là cảnh giác bạn trước những cám dỗ. Hai là giữ hộ tài sản khi bạn sa ngã. Ba là làm nơi nương tựa cho bạn lúc sa cơ. Bốn là không bỏ bạn lúc nguy biến. Năm là cư xử tốt với người thân của bạn.

Đó là cách lễ bái phương bắc tức đạo nghĩa bạn bè. Làm như vậy được an lạc không gì lo lắng.

Này gia chủ, đối với phương dưới tức người giúp việc thì người chủ nên làm năm việc: Một là không giao việc quá sức. Hai là trả thù lao tương xứng. Ba là chăm sóc khi đau yếu. Bốn là chia sót món ngon vật lạ. Năm là không bắt làm việc quá giờ.

Đáp lại, đối với chủ, người giúp việc nên làm năm việc: Một là thức trước chủ. Hai là ngủ sau chủ. Ba là không lấy những thứ không cho. Bốn là siêng năng làm việc. Năm là giữ tiếng tốt cho chủ.

Đó là cách lễ bái phương dưới tức đạo nghĩa chủ tớ. Làm như vậy được an lạc không gì lo lắng.

Này gia chủ, đối với phương trên tức sa môn thì người cư sĩ nên làm năm việc: Một là cử chỉ thân thiện. Hai là lời nói thân thiện. Ba là tư tưởng thân thiện. Bốn là luôn mở rộng cửa đón tiếp. Năm là cúng dường tứ sự.

Đáp lại, đối với cư sĩ, sa môn nên làm năm việc: Một là hướng dẫn cư sĩ xa điều ác. Hai là hướng dẫn cư sĩ làm việc lành. Ba là luôn cư xử với tâm từ ái. Bốn là giảng giải đạo lý tường tận. Năm là chỉ đường an vui đời sau.

Đó là cách lễ bái phương trên tức đạo nghĩa tăng tục. Làm như vậy được an lạc không gì lo lắng.

Nghe đức Thế Tôn dạy như vậy, thanh niên Sin-gá-lá bày tỏ niềm hoan hỷ: Thật vi diệu, bạch đức Thế Tôn, Chánh Pháp được giảng dạy như người lật lên những gì bị úp xuống, phơi bày những gì bị che phủ, chỉ đường cho người lạc lối, đem ánh sáng vào chỗ tối.

Con xin qui y Phật, con xin qui y Pháp, con xin qui y Tăng. Xin Ngài nhận biết cho con là đệ tử từ nay cho đến trọn đời.

~~~~~

## KINH TỤNG NGÀY THỨ 4



## KINH CHÂU BÁU

### *Bố báo*

Chúng ta nên đem lòng từ thiện, đối với tất cả chúng sanh, như Đại Đức Ānanda, đã suy tưởng đầy đủ đến các công đức của Phật, từ khi mới phát nguyện thành bậc Chánh Đăng Chánh Giác, là tu 10 pháp Pāramī<sup>1</sup>, 10 pháp Upapāramī<sup>2</sup>, 10 pháp Paramatthapāramī<sup>3</sup>,

Năm pháp đại thí<sup>4</sup>,

Ba pháp hành<sup>5</sup>.

Tư cách giảng sanh vào lòng mẹ trong kiếp chót.

Tư cách ra đời.

Tư cách xuất gia.

Tư cách tu khổ hạnh.

Tư cách cảm thắng Ma Vương.

Tư cách chứng quả Chánh Biến Tri trên bờ đoàn.

Chín Pháp Thánh.

Suy tưởng xong rồi, Đại Đức Ānanda, tụng kinh châu báu cả đêm, trọn đủ 3 canh, tại trong 3 vòng thành Vesālī. Tất cả chư Thiên trong mười muôn triệu thế giới Ta Bà, đều được thọ lãnh oai lực kinh châu báu<sup>6</sup>. Kinh châu báu đã làm cho 3 điều kinh sợ phát sanh, là Bệnh tật, Phi nhân, và sự Đói khát trong thành Vesālī, được mau tiêu diệt. Chư Thiên này, nay chúng tôi tụng kinh châu báu ấy.

<sup>1</sup> Ba-la-mật.

<sup>2</sup> Thượng Ba-la-mật.

<sup>3</sup> Thắng Ba-la-mật.

<sup>4</sup> Thí con, thí vợ, thí của, thí chi thể, thí sanh mạng.

<sup>5</sup> Hành cho lợi kỳ, cho lợi thân quyến, cho lợi chúng sanh.

<sup>6</sup> Âm chỉ cho bài Kinh Châu Báu (Ratanasuttam).

*Chánh kinh :*

Chúng thiên nhân các cõi  
 Dù thiên tiên địa tiên  
 Đã vân tập nơi đây  
 Mong khởi lòng hoan hỷ  
 Thành kính nghe lời này  
 Rồi với tâm bi mẫn  
 Năng hộ trì nhơn loại  
 Vốn đem ngày hồi hướng  
 Phước lành đến chư thiên

Những vật quý trong đời  
 Chốn này hay nơi khác  
 Cả châu báu cõi trời  
 Không gì sánh bằng được  
 Với Như Lai Thiện Thệ  
 Do vậy chính đức Phật  
 Là châu báu thù diệu  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Pháp bất tử tối thượng  
 Ly dục diệt phiền não  
 Phật Thích-Ca-Mâu-Ni  
 Chứng pháp ấy trong thiên  
 Không gì sánh bằng được  
 Pháp thiên vi diệu ấy  
 Do vậy chính Chánh Pháp  
 Là châu báu thù diệu

Mong với chân ngôn này  
Tự thành muôn hạnh phúc

Con đường thanh lọc tâm  
Là tu tập thiền định  
Chứng hiện tại lạc trú  
Đức Phật hằng ngợi khen  
Không gì so sánh được  
Do vậy chính Chánh Pháp  
Là châu báu thù diệu  
Mong với chân ngôn này  
Tự thành muôn hạnh phúc

Thánh tám vị bốn đôi  
Là những bậc ứng cúng  
Đệ tử đáng Thiện Thệ  
Được trí giả tán thán  
Cúng dường đến các ngài  
Hưởng vô lượng công đức  
Do vậy chính Tăng chúng  
Là châu báu thù diệu  
Mong với chân ngôn này  
Tự thành muôn hạnh phúc

Bậc tu hành thiếu dục  
Với ý chí kiên trì  
Khéo chọn chánh phụng hành  
Lời dạy đức Điều Ngự  
Chứng đạt quả giải thoát  
Thể nhập đạo bất tử

Lạc trú quả tịch tịnh  
 Do vậy chính Tăng chúng  
 Là châu báu thù diệu  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Ví như cột trụ đá  
 Khéo chôn chặt xuống đất  
 Dầu bốn hướng cuồng phong  
 Cũng không thể lay động  
 Ta nói bậc chân nhân  
 Liều ngộ tứ Thánh đế  
 Cũng tự tại bất động  
 Trước tám pháp thế gian  
 Do vậy chính Tăng chúng  
 Là châu báu thù diệu  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Bậc Thánh Tu-đà-huờn  
 Chứng tri lý Thánh đế  
 Được đức Gô-ta-ma  
 Khéo thuyết giảng tường tận  
 Các ngài dù phóng dật  
 Thì cũng không bao giờ  
 Tái sanh kiếp thứ tám  
 Do vậy chính Tăng chúng  
 Là châu báu thù diệu  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Nhờ chúng đạt chánh trí  
 Đoạn trừ ba kiết sử  
 Thân kiến và hoài nghi  
 Luôn cả giới cấm thủ  
 Thoát khỏi bốn đọa xứ  
 Bạc nhập lưu không tạo  
 Sáu bất thiện trọng nghiệp  
 Do vậy chính Tăng chúng  
 Là châu báu thù diệu  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Bạc Thánh Tu-đà-huòn  
 Dù vô tâm phạm lỗi  
 Bằng thân, lời hay ý  
 Cũng không hề che giấu  
 Được xưng danh hiền Thánh  
 Do vậy chính Tăng chúng  
 Là châu báu thù diệu  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Đức Thế Tôn thuyết giảng  
 Pháp đưa đến niết-bàn  
 Tịnh lạc và thù thắng  
 Lợi ích chúng hữu tình  
 Ví như mưa đầu hạ  
 Khiến ngàn cây đâm chồi  
 Do vậy chính đức Phật

Là châu báu thù diệu  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Đức Phật bậc vô thượng  
 Liễu thông pháp vô thượng  
 Ban bố pháp vô thượng  
 Chuyên đạt pháp vô thượng  
 Tuyên thuyết pháp vô thượng  
 Do vậy chính đức Phật  
 Là châu báu thù diệu  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Nhân quá khứ đã đoạn  
 Mầm tương lai không gieo  
 Với tâm không ái chấp  
 Trong sanh hữu đời sau  
 Bởi tham muốn đã đoạn  
 Các chủng tử không còn  
 Ví như ngọn đèn tắt  
 Bậc trí chứng niết-bàn  
 Do vậy chính Tăng chúng  
 Là châu báu thù diệu  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Chúng thiên nhân các cõi  
 Dù thiên tiên, địa tiên  
 Đã vân tập nơi đây

Hãy chí thành đánh lễ  
Đức Phật bậc như lai  
 Được chư thiên nhân loại  
 Đánh lễ và cúng dường  
 Mong với chân ngôn này  
 Tự thành muôn hạnh phúc

Chúng thiên nhân các cõi  
 Dù thiên tiên, địa tiên  
 Đã vân tập nơi đây  
 Hãy chí thành đánh lễ  
Chánh Pháp đạo như chân  
 Được chư thiên nhân loại  
 Đánh lễ và cúng dường  
 Mong với chân ngôn này  
 Tự thành muôn hạnh phúc

Chúng thiên nhân các cõi  
 Dù thiên tiên địa tiên  
 Đã vân tập nơi đây  
 Hãy chí thành đánh lễ  
Tăng chúng bậc như đức  
 Được chư thiên nhân loại  
 Đánh lễ và cúng dường  
 Mong với chân ngôn này  
 Tự thành muôn hạnh phúc.

## KINH THẮNG HẠNH

Đấng Đại Bi cứu khổ  
 Vì lợi ích chúng sanh  
 Huân tu ba la mật  
 Chứng Vô thượng chánh giác  
 Mong với chân ngôn này  
 Tựu thành muôn hạnh phúc

Đấng Pháp Vương vô thượng  
 Đã chiến thắng Ma Vương  
 Trên bờ đoàn bất bại  
 Địa cầu liên hoa đĩnh  
 Nơi chư Phật đặng quang  
 Khiến dòng họ Thích Ca  
 Tăng trưởng niềm hoan hỷ  
 Nguyên chiến thắng vẻ vang  
 Nguyên khai hoàn như vậy

Khi nghiệp thân, khẩu, ý  
 Chân chánh và thanh tịnh  
 Chính là ngày cát tường  
 Là giờ phút hanh thông  
 Là thời khắc hưng vượng  
 Cúng dường bậc phạm hạnh  
 Là tế tự nhiệm mầu

Ai nói làm suy nghĩ  
 Sáng suốt và thuần thiện  
 Thì bốn nguyện viên thành  
 Được vô lượng an lạc

Nguyên đàn-na tín thí  
 Gia đình cùng quyến thuộc  
 Được thiếu bệnh ít khổ  
 Thường hạnh phúc an vui  
 Tinh tiến tu Phật đạo  
 Sở nguyện được viên thành (*lay*).

## LỄ BÁI CHƯ PHẬT

Nhất tâm đánh lễ:  
 Nam mô đại trí Dīpaṅkaro Phật  
 Nam mô đại hùng Taṇhaṅkaro Phật  
 Nam mô đại uy Medhaṅkaro Phật  
 Nam mô cứu thế Saraṇaṅkaro Phật  
 Nam mô vô thượng sư Koṇḍañño Phật  
 Nam mô thượng nhân Maṅgalo Phật  
 Nam mô thường hoan hỷ Sumano Phật  
 Nam mô thường an lạc Revato Phật  
 Nam mô viên đức Sobhito Phật  
 Nam mô siêu nhân Anomadassī Phật  
 Nam mô phổ quang Padumo Phật  
 Nam mô điều ngự Nārado Phật  
 Nam mô đại đạo sư Padumuttaro Phật  
 Nam mô vô tỷ Sumedho Phật  
 Nam mô vô thượng tôn Sujāto Phật  
 Nam mô vô thượng sĩ Piyadassī Phật  
 Nam mô đại bi Atthadassī Phật  
 Nam mô vô lượng quang Dhammadassī Phật  
 Nam mô lưỡng túc tôn Siddhattho Phật

Nam mô vô thượng trí Tisso Phật  
 Nam mô vô thượng giác Pusso Phật  
 Nam mô đại lực Vipassī Phật  
 Nam mô thiên nhân sư Sikhī Phật  
 Nam mô đại từ Vessabhū Phật  
 Nam mô cứu khổ Kakusandho Phật  
 Nam mô vô nhiễm Konāgamano Phật  
 Nam mô đại hạnh Kassapo Phật  
 Nam mô Thích tử đại giác Gotamo Phật.

## KINH GIẢI VỀ LỬA PHIỀN NÃO

### ĀDITTAPARIYĀYASUTTA

Tôi là A-nan-đa được nghe lại như vậy: Một thuở nọ đức Thế Tôn là đấng Giáo chủ, ngự trong nước Gá-da-si-sá (Gayāsīsa) gần sông Gá-da (Gayā) cùng một ngàn thầy Tỳ khuru.

Đức Thế Tôn dạy các thầy Tỳ khuru trong nước Gá-da-si-sá ấy phải chăm chỉ nghe lời này:

Này các Thầy Tỳ khuru! Tất cả vật đều là nóng.

Này các Thầy Tỳ khuru! Tất cả vật đều là nóng, ấy là cái chi?

Này các thầy Tỳ khuru!

**Mắt** là vật nóng. Các sắc là vật nóng. Thức nương theo mắt là vật nóng. Sự tiếp xúc của mắt là vật nóng. Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ, không vui, phát sanh do sự tiếp xúc của mắt. Sự biết rõ cảnh giới ấy, cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi? Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết; Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

**Tai** là vật nóng. Các tiếng là vật nóng. Thức nương theo tai là vật nóng. Sự tiếp xúc của tai là vật nóng. Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của tai. Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi? Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết;

Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

**Mũi** là vật nóng. Các mũi là vật nóng. Thức nung theo mũi là vật nóng. Sự tiếp xúc của mũi là vật nóng. Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ, không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của mũi. Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi? Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết; Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

**Lưỡi** là vật nóng. Các vị là vật nóng. Thức nung theo lưỡi là vật nóng. Sự tiếp xúc của lưỡi là vật nóng. Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của lưỡi. Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi? Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết; Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

**Thân** là vật nóng. Sự đụng chạm do thân thể là vật nóng. Thức nung theo thân thể là vật nóng. Sự tiếp xúc của thân là vật nóng. Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của thân. Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi? Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự

chết; Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

Ý là vật nóng. Các Pháp là cảnh giới phát sanh trong tâm là vật nóng. Thức nương theo ý là vật nóng. Sự tiếp xúc của ý là vật nóng. Sự biết rõ cảnh giới là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của ý. Sự biết rõ cảnh giới ấy cũng là vật nóng.

Nóng do lẽ chi? Như Lai gọi nóng do lửa Tình, do lửa Sân, do lửa Si, nóng do sự sanh, sự già yếu và sự chết; Nóng do sự trái ý, do sự uất ức, do sự khổ trong thân, do sự khổ trong tâm, do các sự khó chịu trong tâm.

Này các Thầy Tỳ khưu! Các bậc Thinh-Văn cao thượng, khi đã nghe thấy như thế ắt sanh lòng chán nản trong mắt, chán nản các sắc, chán nản trong thức nương theo mắt, chán nản sự tiếp xúc của mắt. Chán nản sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của mắt.

Chán nản trong tai, chán nản các giọng nói (hoặc âm thanh), chán nản trong thức nương theo tai, chán nản sự tiếp xúc của tai. Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của tai.

Chán nản trong mũi, chán nản các mùi, chán nản trong thức nương theo mũi, chán nản sự tiếp xúc của mũi. Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của mũi.

Chán nản trong lưỡi, chán nản trong các vị, chán nản trong thức nung theo lưỡi, chán nản trong sự tiếp xúc của lưỡi. Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của lưỡi.

Chán nản trong thân thể, chán nản các sự đụng chạm, chán nản trong thức nung theo thân thể, chán nản sự tiếp xúc của thân thể. Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là thọ lãnh điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của thân thể.

Chán nản trong ý, chán nản các pháp, chán nản trong thức nung theo ý, chán nản sự tiếp xúc của ý. Chán nản đến sự biết rõ cảnh giới, là điều vui, điều khổ, hoặc không khổ không vui, phát sanh bởi sự tiếp xúc của ý.

Khi đã chán nản như vậy rồi thì dứt khỏi tình dục, Tâm cũng giải thoát khỏi trầm luân nhờ dứt khỏi tình dục. Khi Tâm giải thoát khỏi trầm luân thì Tuệ của bậc Thánh-Văn cao thượng ấy cũng phát sanh phân minh và biết rằng tâm của ta đã giải thoát khỏi trầm luân rồi. Các bậc Thánh-Văn cao thượng cũng rõ như vậy: Sự sanh của ta đã dứt, Pháp cao thượng ta đã đắc, phận sự nên làm ta cũng đã làm, ngoài ra ta chẳng còn phận sự gì khác nữa. Đức Thế Tôn là đấng Giáo-Chủ, diễn giải kinh này rồi. Các thầy Tỳ khưu ấy đều phát sanh lòng hoan hỷ.

Khi đức Thế Tôn giảng giải về Pháp có mẹo mực này, Tâm 1000 thầy Tỳ khưu đều được giải thoát các nghiệp, nhờ dứt khỏi lòng ngã chấp.

## KINH TỤNG NGÀY THỨ 5



## KINH TỪ BI

Người hăng mong an tịnh  
 Nên thể hiện pháp lành  
 Có khả năng, chất phác  
 Ngay thẳng và nhu thuận  
 Hiền hoà, không kiêu mạn.

Sống dễ dàng, tri túc  
 Thanh đạm, không rộn ràng  
 Lục căn luôn trong sáng  
 Trí tuệ càng hiển minh  
 Chuyên cần, không quỵen niệm.

Không làm việc ác nhỏ  
 Mà bậc trí hiền chê  
 Nguyên thái bình an lạc  
 Nguyên tất cả sinh linh  
 Tròn đầy muôn phúc hạnh.

Chúng sanh dù yếu mạnh  
 Lớn nhỏ hoặc trung bình  
 Thấp cao không đồng đẳng  
 Hết thấy chúng hữu tình  
 Lòng từ không phân biệt.

Hữu hình hoặc vô hình  
 Đã sinh hoặc chưa sinh  
 Gần xa không kể xiết  
 Nguyên tất cả sinh linh

Tròn đầy muôn phúc hạnh.

Đừng lừa đảo lẫn nhau  
 Chớ bắt mẫn điều gì  
 Đừng mong ai đau khổ  
 Vì tâm niệm sân si  
 Hoặc vì nuôi oán tưởng.

Như mẹ giàu tình thương  
 Suốt đời lo che chở  
 Đứa con một của mình  
 Hãy phát tâm vô lượng  
 Đến tất cả sinh linh.

Từ bi gieo cùng khắp  
 Cả thế gian khổ hải  
 Trên dưới và quanh mình  
 Không hẹp hòi oan trái  
 Không hờn giận oán thù.

Khi đi, đứng, ngồi, nằm  
 Bao giờ còn thức tỉnh  
 Giữ niệm từ bi này  
 Thân tâm thường thanh tịnh  
 Phạm hạnh chính là đây.

Ai xả ly kiến thủ  
 Có giới hạnh nghiêm trì  
 Đạt chánh tri viên mãn  
 Không ái nhiễm dục trần  
 Thoát ly đường sanh tử./ (lạy)

## KINH RẢI TÂM TỪ ĐẾN CÁC LOÀI RẮN

Ta hãy có từ tâm, với Ví-ru-pác-khá,  
 Ta hãy có từ tâm, với Ê-ra-pá-thá,  
 Ta hãy có từ tâm, với Chấb-da-pút-tá,  
 Ta hãy có từ tâm, với Kan-ha-gô-tá-má-ká,

Ta hãy có từ tâm, với các loài không chân,  
 Ta hãy có từ tâm, với các loài hai chân,  
 Ta hãy có từ tâm, với các loài bốn chân,  
 Ta hãy có từ tâm, với các loài nhiều chân.

Mong rằng loài không chân, không có làm hại ta,  
 Mong rằng loài hai chân, không có làm hại ta,  
 Mong rằng loài bốn chân, không có làm hại ta,  
 Mong rằng loài nhiều chân, không có làm hại ta.

Mọi chúng sanh hữu tình, toàn thể mọi sinh vật,  
 Mong chúng thấy hiền thiện, chớ đi đến điều ác.

Đức Phật là vô lượng,  
 Đức Pháp là vô lượng,  
 Chúng Tăng là vô lượng.

Có lượng là các loài bò sát, các loài rắn, các con bò cạp,  
 các con một trăm chân, các loài nhện giăng tơ, các con  
 thằn lằn cùng các loài chuột.

Ta đã làm sự hộ trì,  
 Ta đã làm sự che chở,  
 Mong rằng các loài hữu tình sẽ bỏ đi.

Ta đánh lễ Đức Thế Tôn,  
 Ta đánh lễ bảy vị Chánh Giác.

## LỄ BÀI PHỤ MẪU

Kính thưa cha mẹ tường tri  
 Nghĩ suy con sợ lỗi nhĩ ơn trên  
 Từ con hình thể có nên  
 Mẹ cha bảo dưỡng kè bên không rời  
 Nặng nề cực nhọc lắm ôi!  
 Chăm nom con trẻ kẻ thôi sao cùng  
 Con xin đánh lễ cúc cung  
 Nghiêng mình phủ phục mong dung tội rày.  
 Khi con la khóc rày tai  
 Từ bi mẹ hát thương thay nãi nùng  
 Tân dịch, đại tiểu tiện cùng  
 Các vật uest trọc ung dung lau chùi  
 Giặt rửa cha mẹ vẫn vui  
 Chẳng hề nhòm gớm những mùi thối tha.  
 Từ bi thay! Lòng mẹ cha  
 Ôn tầy trời đất, khó mà đáp xong  
 Cầu cho cha mẹ thấy đồng  
 Đắc thành Phật quả thoát vòng tai ba.

## KÊ NIỆM ÂN PHỤ MẪU

Lạy cha mẹ nguồn ân cao cả  
 Dẫu muôn thân vạn thuở khôn đền  
 Từ ấu thơ làm lỗi gây nên  
 Nay khôn lớn chưa tròn hiếu tử  
 Ân nghĩa nặng thịt xương huyết nhũ  
 Công sâu dày chín tháng cưu mang  
 Dưỡng bào nhi ăn uống kiêng khem  
 Lúc đi đứng nằm ngồi giữ ý  
 Nỗi thống khổ làm sao kể xiết  
 Tự chống chèo vượt cạn qua sông  
 Trào lệ vui tiếng khóc bên lòng  
 Yêu con trẻ nâng như trứng mỏng.

Lạy cha mẹ nghĩa sâu vô tận  
 Suối cam lồ tắm mát đời con  
 Lắm âu lo bất trắc không sờn  
 Bao dơ ứ nhọc nhằn cam chịu  
 Nuốt mặn đắng chua cay tủi hận  
 Ôi suốt đời vất vả lo toan  
 Mới cảm đau ương yếu se mình  
 Đã hót hải cầu Trời, khẩn Phật  
 Tình mẹ cha thấm dòng sữa mật  
 Nuôi đời con đến lúc nên người  
 Buổi khó khăn khô nhạt cầm hơi  
 Miếng ngon ngọt dành phần con trẻ  
 Năm canh đêm thức chùng con ngủ  
 Sáu khắc ngày tần tảo ngược xuôi  
 Đủ áo cơm nở mặt với đời

Cho ăn học đua đòi sĩ diện.

Lạy cha mẹ ơn thiêng hiển hiện  
 Suối bi từ vô lượng nhân gian  
 Nhiều khi con hư hỏng hoang đàng  
 Lắm lúc lại hỗn hào tai ngược  
 Quay mặt đi dao bào cắt ruột  
 Đánh con đau lòng lại thêm đau  
 Ôi thâm ân giáo dưỡng sâu màu  
 Đèn sách sáng lòng con chưa đủ sáng  
 Nay nhờ Phật tâm minh trí rạng  
 Đuốc thiên lương hiểu đạo soi đường  
 Mẹ cha là sen báu ngát hương  
 Là thanh nhạc chim trời Đào-lợi  
 Là bầy báu phúc lành cao vợi  
 Là trăng sao sáng đẹp tuyệt vời  
 Là suối tình muôn thuở về xuôi  
 Là biển rộng Thái sơn cao ngất.

Mong báo đáp ân tày trời đất  
 Nguyện cúc cung hết dạ sớm hôm  
 Khi ốm đau tận tụy thuốc thầy  
 Lúc hữu sự ân cần công của  
 Giữ hòa khí cháu con thuận thảo  
 Gìn gia phong hợp đạo nghĩa nhân  
 Giúp mẹ cha bố thí cúng dường  
 Tu tín giới tham thiền niệm Phật .

Lạy cha mẹ bậc thầy trước nhất  
 Là tiên nhân từ ái trong nhà  
 Con nghiêm cung phủ phục thiết tha  
 Mọi lầm lỡ thành tâm sám hối  
 Từ tám bé muôn lầm vạn lỗi  
 Đến khi con khôn lớn nên người  
 Chuyện nghĩa ân thù tạc với đời  
 Việc hiếu đạo chừng như bốn phận  
 Có ai sống không niệm ân hận  
 Ai chưa thương biết quý tình thương  
 Đời phù du muôn vạn nẻo đường  
 Con giống ruồi thung huyền luống tuổi  
 Nhờ Phật dạy biết điều lầm lỗi  
 Đã tri ân xin nguyện báo ân  
 Dẫn cho con làm được muôn phần  
 Chưa đáp đủ ân cha nghĩa mẹ.

Xin minh chứng tác lòng con trẻ  
 Sống chánh chơn y pháp phụng hành  
 Con hôm nay hội đủ duyên phần  
 Hiếu và đạo tinh cần tu tập  
 Vầng nhật nguyệt tam thiên toả khắp  
 Vết vô minh hôn ám bao đời  
 Cầu cho sanh loại muôn nơi  
 Thọ trì hiếu hạnh rạng ngời nhân luân.

## KỆ SÁM HỒI PHỤ MẪU

Cúi đầu kính lạy mẹ cha  
 Ngưỡng mong mở lượng hải hà bao dung  
 Tội con bất hiếu muôn ngàn  
 Ấu thơ cho đến thành nhân vẫn còn  
 Một đời tần tảo lo toan  
 Gian truân bao độ lòng son chẳng sòn  
 Bút nào tả hết yêu thương  
 Lời nào nói đủ đoạn trường gian lao  
 Tóc xanh cho đến bạc màu  
 Vì con tất cả nghĩ đâu phần mình  
 Phật xưa rằng đáng sinh thành  
 Là trời Phạm Đế đức lành bao la  
 Thiện thần ngự trị trong nhà  
 Cổ nhân thánh đức chói lòa ngàn sau  
 Bạc thầy tiên khởi thanh cao  
 Dạy con từng bước đi vào lớn khôn  
 Dù hai vai công song đường  
 Trăm năm chưa đủ đáp ơn sâu dày  
 Con từ thơ dại đến nay  
 Xét ra lỗi đạo lầm sai lắm điều  
 Những mong mình được nuôi chiểu  
 Biết đâu cha mẹ bao nhiêu ưu phiền  
 Lời răn của đáng từ nghiêm  
 Ít khi tạc dạ trọn niềm kính tin  
 Ấm no chỉ biết phần mình  
 Mẹ cha mòn mỏi chút tình đợi mong  
 Tình cha nghĩa mẹ biển đông  
 Tình con đáp lại giọt sương đầu cành

Nhớ công giáo dưỡng sanh thành  
Sáu thời cung dưỡng ba canh phụng thờ  
Từ nay cho đến trọn đời  
Sống theo hiếu đạo nương nhờ Phật ân.  
Ngưỡng cầu minh chứng lòng con  
Nghĩêng mình kính lễ sắt son một niềm  
Cầu cha mẹ trọn phước duyên  
Nghĩêng mình kính lễ vô biên nguyện cầu.  
Nguyện đem hiếu đạo làm đầu  
Nghĩêng mình kính lễ ân sâu đáp đền.

## LỜI CHỈ GIÁO TÓM TẮT

Tôi xin tôn kính.

Người nào tu hành hằng ở theo lẽ chánh, hằng hành theo điều chánh, người ấy gọi là người hết lòng thành kính, sùng bái đức Như Lai, bằng cách cao thượng, vì đã được hành theo Chánh pháp.

Tư cách chẳng làm tất cả điều dữ. Tư cách làm những việc lành. Tư cách làm cho tâm mình trong sạch. Những tư cách ấy là Giáo-Pháp của Chư Phật. Sự nhịn nhục là Pháp thiêu hủy cao thượng, Chư Phật đã giải rằng: Niết-bàn là đức cao thượng, bậc xuất gia mà làm khó chúng sanh, thì chẳng phải bậc xuất gia, chẳng phải bậc Sa-Môn.

Tư cách không phi báng kẻ khác. Tư cách không làm khổ kẻ khác. Tư cách thu thúc trong Giới Bỏ. Sự biết tiết độ trong thực phẩm. Tư cách nằm ngồi trong nơi thanh vắng. Tư cách cố gắng trong sự tu tâm. Những điều ấy là Giáo Pháp của Chư Phật.

Tất cả các Pháp lành ấy, hằng được tăng tiến, do nhờ sự nhịn nhục; Sự nhịn nhục là nguyên nhân phát sanh Giới và Định. Sự nhịn nhục dứt trừ được nguồn cội tất cả tội lỗi, người nhịn nhục gọi là người đã trừ tuyệt gốc rễ tội lỗi, nhứt là tội phi báng, mắng nhiếc, cãi lầy.

Sự nhịn nhục là khí cụ của bậc Trí tuệ. Sự nhịn nhục là pháp thiêu hủy của người có pháp thiêu hủy. Sự nhịn nhục là khí lực của người hành giả. Sự nhịn nhục là đức đem đến điều lợi ích cùng sự an vui. Người nhịn nhục hằng có bằng hữu, có tài lợi, có sự an vui. Người nhịn nhục là nơi yêu mến vừa lòng của Chư Thiên và tất cả nhân loại. Người nhịn nhục làm được nhiều điều lợi ích cho mình và cho kẻ khác. Người nhịn nhục là người đi trên đường về cõi Trời và Niết-bàn.

Người nhịn nhục là người thật hành theo Giáo Pháp của Phật, người nhịn nhục là người sùng bái Đức Phật bằng cách cao

thượng. Phẩm cách sanh ra làm người, chúng sanh khó mà sanh ra được. Phẩm cách chứng quả Phật, chúng sanh khó mà chứng được.

Phẩm cách gặp thời kỳ, là sanh ra gặp Đức Phật, gặp Phật Pháp, chúng sanh khó mà gặp được. Pháp của bậc Thiện Trí Thức, chúng sanh rất khó mà học được. Phẩm cách được chứng quả của Chư Phật, đem đến sự an vui, cách giảng giải về Pháp của bậc Thiện Trí Thức, đem đến sự an vui. Sự hòa hợp của Chư Tăng, đem đến sự an vui, sự cố gắng của những người hòa hợp, đem đến sự an vui. Sự yên tĩnh của người vui trong chỗ thanh vắng, là người đã được nghe Pháp, đã suy tưởng thấy Pháp, đem đến sự an vui.

Cách không làm khó, cách thu thúc đối với chúng sanh, đem đến sự an vui. Phẩm hạnh tránh xa tình dục, là cách thoát khỏi tình dục, đem đến sự an vui tuyệt đối. Cách làm cho tiêu tan ngã mạn, đem đến sự an vui. Cách luân hồi lại làm người là việc khó. Sự nuôi mạng sống của tất cả chúng sanh là việc khó, sự được nghe Phật Pháp, là việc khó. Cách được chứng quả của Chư Phật là việc khó.

Người đã nghe Phật Pháp mà được hành theo giáo lý của Chư Phật, thì chẳng bị đọa vào ác đạo, trọn 10 ngàn kiếp. Đức Phật lớn hơn tất cả các bậc Trí tuệ, Ngài làm trọn cả 5 phận sự:

1. Trong buổi mai, Ngài ngự đi trì bình khất thực.
2. Trong buổi chiều, Ngài thuyết pháp độ sanh.
3. Trong lúc hoàng hôn, Ngài giáo hóa các hàng Tỳ khưu.
4. Trong canh khuya, Ngài đáp lời vấn của Chư Thiên.
5. Trong canh năm, Ngài xem xét đến chúng sanh, coi hạng nào nên giác ngộ, cùng không nên giác ngộ.

Đức Bồ-Tát giáng sanh vào lòng Phật mẫu trong năm Dậu, Ngài sanh ra trong năm Tuất, Ngài lên ngôi Vua trong năm Sửu, Ngài xuất gia trong năm Mão. Ngài chứng quả Phật trong năm Dậu, Ngài chuyển “Pháp-Luân” trong năm Ất, Ngài nhập Niết-bàn trong năm Tỵ. Phật Pháp đủ chẵn 5 ngàn năm trong năm Tỵ.

Ngài giảng sanh vào lòng Phật mẫu trong ngày thứ năm, sanh ra trong ngày thứ sáu, được chứng quả Phật trong ngày thứ tư, nhập Niết-bàn trong ngày thứ ba. Ngài giảng sanh vào lòng Phật mẫu trong ngày Rằm tháng Sáu, đản sanh trong ngày Rằm tháng Tư, được chứng quả Chánh-Biến-Tri trong ngày Rằm tháng Tư, Ngài nhập Niết-bàn trong ngày Rằm tháng Tư.

Khi Đức Chánh-Biến-Tri là bậc cao thượng, là nơi xu hướng của tất cả chúng sanh đã nhập Niết-bàn, Ngài để lại trong thế gian, những Kim thân, Bảo tháp, cây Bồ-Đề, Xá-Lợi tháp và 8 muôn 4 ngàn Pháp môn, đặng chúng sanh ức niệm và hành theo cho đặng hạnh phúc cao thượng.

Người nên hết lòng ghi nhớ, những lời giáo huấn của đức Chánh-Biến-Tri, nên xu hướng theo, nên hành theo những điều mà đức Chánh-Biến-Tri đã chỉ dẫn, hành theo cho được kết quả hữu lậu, cùng quả vô lậu, tôi xin hết lòng hoan hỷ ghi nhớ những điều như thế.

## KINH TỤNG NGÀY THỨ 6



## KINH THẬP ĐỘ

Đường tu **bổ thí** đứng đầu  
 Vị tha là tánh vô cầu là tâm  
 Không vì thương ghét sơ thân  
 Bàn tay ban bố nào phân biệt gì  
 Hy sinh ngoại vật tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

Thiện nhân **giới hạnh** nghiêm trì  
 Nói làm suy nghĩ luôn khi giữ gìn  
 Nuôi ý lực dưỡng tâm lành  
 Cắt dây kiết phược phá thành mê si  
 Hy sinh ngoại vật tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

**Xuất gia** vốn hạnh ly trần  
 Quyết ra nhà lửa bỏ thân luân hồi  
 Lợi danh quyền thuộc xa rời  
 Độc cư thanh tịnh sống đời xả ly  
 Hy sinh ngoại vật tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

Đèn tâm **trí tuệ** sáng ngời  
 Bồi vô lượng kiếp vụn bồi huệ căn  
 Phân minh thiện ác giả chân

Điều hay chuộng học bạn lành tương tri  
 Hy sinh ngoại vật tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

Chính do nghị lực **tinh cần**  
 Vượt qua bể ái chứng thân đại hùng  
 Kiên trì giữa cuộc lao lung  
 Càng nhiều chướng nghịch thêm công tu tri  
 Hy sinh ngoại vật, tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

Đức tu **nhẫn nại** vạn năng  
 Nuốt điều cay đắng nuôi phần tinh anh  
 Chông gai khéo tạo tâm thành  
 Xưa nay nguyện lớn hành trình gian nguy  
 Hy sinh ngoại vật tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

Thiện hiền **chân thật** không ngoa  
 Quý gìn lẽ thật như là bảo châu  
 Chân tâm ấy đạo nhiệm màu  
 Nói làm nhất quán cho dù hiểm nguy  
 Hy sinh ngoại vật tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

Bởi do **chí nguyện** dẫn đường  
 Biết nơi cứu cánh mà nương lối về  
 Bờ kia là đạo bồ đề  
 Tự lòng đã quyết bến mê phải lìa  
 Hy sinh ngoại vật tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

Hạnh lành **từ ái** bao la  
 Chúng sanh bốn loại chan hoà tình thương  
 Lòng như cam lộ suối nguồn  
 Rải ban phúc lạc lệ tuôn khắp nơi  
 Hy sinh ngoại vật tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

An nhiên **hành xả** giữa đời  
 Khen chê đặt thất khổ vui thường tình  
 Điều tâm giữ ý quân bình  
 Trong cơn bão loạn biết gìn chánh tri  
 Hy sinh ngoại vật tứ chi  
 Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  
 Phật xưa pháp độ vẹn toàn  
 Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

Từ trong bể khổ cuộc đời  
 Đại hùng lập nguyện cứu người cứu thân  
 Ba la mật hạnh vẹn toàn  
 Dám quên mạng sống quyết tâm thực hành

Nhờ ân Thiện Thệ Cha Lành  
Muôn loài vượt thoát tử sanh luân hồi.

## KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ngự tại Lộc Uyển, I-Si-Pa-Ta-Na gần thành Ba-Ra-Na-Si. Đức Phật giảng cho năm thầy Tỳ khuru nghe như vậy:

Nầy các Tỳ khuru, có hai cực đoan mà bậc xuất gia phải tránh:

- Một là lợi dưỡng vốn hạ liệt, tục luy, phàm phu, không thánh hiện, không lợi lạc.
- Hai là khổ hạnh cũng không thánh thiện, không lợi lạc, lại khổ đau.

Từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thực hành Trung Đạo chứng đạt pháp nhãn, tuệ giác, tịnh trí, thắng trí, giác ngộ, niết bàn. Nầy các Tỳ khuru, Trung Đạo đó là gì? Chính là thánh đạo tám chi phần: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là thánh đạo được Như Lai liễu ngộ với pháp nhãn, tuệ giác, tịnh trí, thắng trí, giác ngộ, niết bàn.

Nầy các Tỳ khuru, đây là diệu đế về sự khổ: sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ ưu não là khổ, ghét phải gần là khổ, thương phải xa là khổ, muốn không được là khổ. Tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Nầy các Tỳ khuru, đây là diệu đế về nhân sanh khổ: khát ái dẫn đến tái sanh, cùng với hỷ và tham, tầm cầu dục lạc đó đây. Chính là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Nầy các Tỳ khuru, đây là diệu đế về diệt khổ: yểm ly đoạn diệt

các dục, chấm dứt hệ lụy, không còn dư y, hoàn toàn giải thoát mọi thăng thục. Này các Tỳ khuru, đây là điều để về con đường dẫn đến diệt khổ: chính là thánh đạo tám chi phần tức chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

- "Đây là sự thật về khổ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Khổ để cần được lãnh hội" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Khổ để đã được lãnh hội" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

- "Đây là sự thật về nhân sanh khổ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Tập để cần được đoạn diệt" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Tập để đã được đoạn diệt" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

- "Đây là sự thật về diệt khổ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Diệt đế cần được chứng ngộ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Diệt đế đã được chứng ngộ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

- "Đây là sự thật về con đường diệt khổ" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Đạo đế cần được tu tập" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

"Đạo đế đã được tu tập" là điều mà Như Lai chưa từng được nghe nay khởi lên với sự thấy, biết, hiểu, xác chứng và thấu triệt.

Này các Tỳ khuru, cho đến khi nào bốn diệu đế này chưa được Như Lai hoàn toàn giác ngộ với ba luân, mười hai chuyển thì Như Lai không tự nhận cùng thiên giới, ma vương giới, phạm thiên giới, hội chúng sa môn, bà la môn, chư thiên và nhân loại rằng ta đã chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Này các Tỳ khuru, chính khi bốn diệu đế này được Như Lai hoàn toàn giác ngộ với ba luân, mười hai chuyển nên Như Lai tự nhận cùng thiên giới, ma vương giới, phạm thiên giới, hội chúng sa môn, bà la môn, chư thiên và nhân loại rằng ta đã chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Và nhận thức này khởi lên trong

Như Lai: sự giải thoát của ta không lay chuyển. Đây là kiếp chót, không còn luân hồi nữa.

Đức Thế Tôn thuyết giảng như vậy, năm thầy Tỳ khuru hoan hỷ tín thọ. Khi pháp thoại này được tuyên thuyết, Tôn giả Kiều Trần Như - Kon Đan Nha khởi sanh pháp nhãn thanh tịnh vô cấu hiểu rằng: phạm vật gì do nhân tập khởi tất cả pháp ấy đều bị hoại diệt.

Khi đức Phật chuyển Pháp luân này thì chư thiên trên địa cầu reo mừng: Pháp luân vi diệu! Những điều này chưa bao giờ được giảng dạy bởi bất cứ ai dù là sa môn, bà la môn, chư thiên, ma vương, phạm thiên nay được Thế Tôn tuyên thuyết tại vườn Lộc Uyển, ở I-Si-Pa-Ta-Na gần thành Ba-Ra-Na-Si. Được nghe vậy chư thiên cõi Tứ thiên vương, Đạo lợi, Dạ ma, Đâu suất, Hoá lạc, Tha hoá tự tại cùng các cõi phạm thiên đồng thanh vui mừng.

Trong phút chốc cả mười ngàn thế giới chấn động. Một hào quang vô lượng vượt xa hào quang của chư thiên chiếu diệu cùng khắp thế giới.

Ngay khi ấy đức Phật lên tiếng:

Kiều-Trần-Như – Kon-Đan-Nha đã liễu ngộ,

Kiều-Trần-Như – Kon-Đan-Nha đã liễu ngộ.

Từ ấy Tôn giả Kiều-Trần-Như – Kon-Đan-Nha được gọi là An-Nha-Kon-Đan-Nha. (*lay*)

**KINH TỤNG NGÀY THỨ 7**



## THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI

**Vô minh** bất giác là duyên  
 Sinh **hành** tạo tác chẳng yên chút nào  
**Thức** tâm dao động lao xao  
 Kiếm tìm **danh sắc** thai bào thọ sanh  
 Tháng ngày giọt máu lớn nhanh  
**Sáu căn** đầy đủ tượng thành ấu nhi  
 Nghiệp tâm nuôi lớn từng kỳ  
 Chào đời mở mắt biết đi đứng rồi  
**Sáu trần** đối tượng mớm mồi  
**Xúc** sanh cảm **thọ**, biết mùi biết hương  
 Vui buồn, khổ lạc, ghét thương  
 Thế là sân dục tìm đường nổi lên  
**Ái** hà, dòng nước triền miên  
 Lạc thì cố **thủ**, khổ liền cố xua  
 Đầy lòng, trăm chuyện chán, ưa  
 Ngàn muôn xấu, tốt chẳng vừa góp thân  
 Hạt mầm ba cõi ần sâu  
 Tạo thành nghiệp **hữu** dẫn đầu tái sanh  
 Có **sanh**, **già lão** sẵn dành  
 Rồi tìm sự chết, mỗi manh có rồi  
 Là **sầu**, **bi**, **não** không thôi  
 Là **ưu**, hận, **khổ** luân hồi trường miên  
 Nếu **vô minh** biết đoạn triền  
 Chánh niệm, tỉnh giác thường xuyên giữ gìn  
 Đâu còn tạo tác, búa vìn  
**Hành** diệt, **thức** diệt, tuệ nhìn sáng trong  
**Danh sắc** tìm kiếm tiêu vong  
**Căn trần xúc** đối giữa lòng nhẹ sao

Lắng nghe cảm **thọ** thế nào  
 Buồn vui, thương ghét chẳng sao động mình  
 Tham sân thấy rõ sự tình  
**Ái** hà, dòng chảy phiêu linh cạn rồi  
 Đâu còn **thủ** giữ giống môi  
 Đâu còn gieo **hữu** sáu nơi, ba đường  
 Không **sanh, già lão** chẳng vương  
 Đâu còn sự **chết** tìm đường ghé thăm  
**Khổ sầu** từ đó biệt tăm  
 Bao nhiêu **ưu não** tí tẩn chẳng còn  
 Thế là **khổ uẩn** tiêu mòn  
 Toàn bộ duyên khởi, khoen tròn lìa tan  
 Đâu còn sanh tử buộc ràng  
 Giác ngộ, giải thoát thên thang cỡi bờ.

## KINH GÍ-RÍ-MA-NAN-ĐÁ

Một thời, Thế Tôn trú ở thành Sá-vệ (*Sāvatthi*), tại Kỳ-Viên tịnh xá (*Jetavana*), khu vườn của ông Cấp-Cô-Độc (*Anāthapiṇḍika*). Lúc bấy giờ, Tôn giả Gí-rí-ma-nan-đá bị bệnh, khổ đau, trầm kha. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

Tỳ khuru Gí-rí-ma-nan-đá, bị bệnh, khổ đau, trầm kha. Lành thay, nếu Thế Tôn đi đến Tỳ khuru Gí-rí-ma-nan-đá, vì lòng từ mẫn. Nay Ānanda, nếu Thầy đi đến Tỳ khuru Gí-rí-ma-nan-đá và đọc lên mười pháp tướng, thời sự kiện này có thể xảy ra: Tỳ khuru Gí-rí-ma-nan-đá sau khi được nghe mười pháp tướng, bệnh của Tỳ khuru có thể được thuyên giảm ngay lập tức! Thế nào là mười?

Tướng vô thường, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng nguy hại, tướng đoạn tận, tướng từ bỏ, tướng đoạn diệt, tướng nhàm chán, tướng pháp hành, tướng niệm hơi thở.

Và này Ānanda, thế nào là tướng vô thường?

Ở đây, này Ānanda, Tỳ khuru đi đến ngôi rừng, hay đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: "Sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường." Như vậy vị ấy trú, tùy quán vô thường, trong năm thủ uẩn này. Nay Ānanda, đây gọi là tướng vô thường.

Và này Ānanda, thế nào là tướng vô ngã?

Ở đây, này Ānanda, Tỳ khuru đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: "Mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã; tai là vô ngã, các tiếng là vô ngã; mũi là vô ngã, các hương là vô ngã; lưỡi là vô ngã, các vị là vô ngã; thân là vô ngã, xúc là vô ngã; ý là vô ngã, các pháp là vô ngã." Này Ānanda, đây gọi là tướng vô ngã.

Và này, Ānanda thế nào là tướng bất tịnh?

Ở đây, này Ānanda, Tỳ khuru quán sát thân này từ bàn chân trở lên, từ đỉnh tóc trở xuống, được da bao bọc, đầy những vật bất tịnh sai biệt như: "Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu". Như vậy, vị ấy trú quán bất tịnh trong thân này. Này Ānanda, đây gọi là tướng bất tịnh.

Và này Ānanda, thế nào là tướng nguy hại?

Ở đây, này Ānanda, Tỳ khuru đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: "Nhiều khổ là thân này, nhiều sự nguy hại. Như vậy trong thân này, nhiều loại bệnh khởi lên. Ví như bệnh đau mắt, bệnh đau về tai, bệnh đau mũi, bệnh đau lưỡi, bệnh đau thân, bệnh đau đầu, bệnh đau vành tai, bệnh đau miệng, bệnh đau răng, bệnh ho, bệnh suyễn, bệnh sổ mũi, bệnh sốt, bệnh già yếu, bệnh đau yếu, bệnh đau bụng, bất tịnh, kiết lỵ, bệnh đau bụng, bệnh thổ tả, bệnh

hủi, bệnh ung nhọt, bệnh ghẻ lở, bệnh ho lao, bệnh trúng gió, bệnh da, bệnh ngứa, bệnh da đóng vảy, bệnh hắc lào lang ben, bệnh ghẻ, bệnh huyết đảm, bệnh đái đường, bệnh trĩ, bệnh mụn nhọt, bệnh ung nhọt ung loét, các bệnh khởi lên do mật, bệnh khởi lên từ đàm, niêm dịch, các bệnh khởi lên từ gió; bệnh do hòa hợp các thể dịch sinh ra; các bệnh do thời tiết sinh ra, các bệnh do làm việc quá độ sanh, các bệnh do sự trùng hợp các sự kiêng; các bệnh do nghiệp thuần thực, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện". Như vậy, vị ấy sống, quán sự nguy hại trong thân này. Nay Ānanda, đây gọi là các tướng nguy hại.

Và nay Ānanda, thế nào là tướng đoạn tận?

Ở đây, nay Ānanda, Tỳ khuru, không có chấp nhận dục tâm đã sanh, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng; không có chấp nhận sân tâm đã sanh, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng; không có chấp nhận hại tâm... đã sanh...; không có chấp nhận các ác bất thiện pháp tiếp tục khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng. Nay Ānanda, đây được gọi tướng đoạn tận.

Và nay Ānanda, thế nào là từ bỏ?

Ở đây, nay Ānanda, Tỳ khuru đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, suy xét như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, Niết bàn.

Và nay Ānanda, thế nào là tướng đoạn diệt?

Ở đây, này Ānanda, Tỳ khuru đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, suy xét như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, Niết bàn".

Và này Ānanda, thế nào là tướng không ưa thích trong tất cả thế giới?

Ở đây, này Ānanda, phàm ở đời có những chấp thủ phương tiện, tâm quyết định, thiên kiến, tùy miên nào, Tỳ khuru từ bỏ chúng, không ưa thích, không chấp thủ. Này Ānanda, đây gọi là tướng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới. Và này các Tỳ khuru, thế nào là tướng vô thường trong tất cả hành?

Ở đây, này Ānanda, Tỳ khuru bức phiền, xấu hổ, nhàm chán đối với tất cả hành. Này Ānanda, đây gọi là tướng vô thường trong tất cả hành.

Và này Ānanda, thế nào là tướng niệm hơi thở?

Ở đây, này Ānanda, Tỳ khuru đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thở vô; chánh niệm, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài". Thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài", Hay thở vô ngắn, vị ấy rõ biết "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra," vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở

ra", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Ngày Ānanda, đó là niệm hơi thở.

Này Ānanda, nếu Thầy đi đến Tỳ khuru Gí-rí-ma-nan-đá và đọc lên mười pháp tướng này, sự kiện này có xảy ra: Tỳ khuru Gí-rí-ma-nan-đá, sau khi nghe mười pháp tướng này, bệnh của vị ấy được thuyên giảm ngay lập tức".

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi học thuộc từ Thê Tôn mười pháp tướng này, đi đến Tỳ khuru Gí-rí-ma-nan-đá, sau khi đến, nói lên với Tỳ khuru Gí-rí-ma-nan-đá mười pháp tướng này. Và Tỳ khuru Gí-rí-ma-nan-đá, sau khi nghe mười pháp tướng này, bệnh của Tỳ khuru được thuyên giảm ngay lập tức.

## KINH TỤNG NGÀY CHỦ NHẬT



## KINH VẠN PHÁP TỔNG TRÌ

*Bố cáo :*

Xưa Phật dạy Thắng Pháp  
 Về bản thể chân đế  
 Nhờ nghe Vi Diệu Tạng  
 Phật Mẫu chứng thánh quả  
 Nay đệ tử chúng con  
 Trì tụng Ma-Ti-Ka  
 Nguyên uy đức vô cùng  
 Độ chúng sanh thoát khổ

*Chánh kinh :*

Bản thể pháp gồm bốn  
 Tâm, tánh, sắc, niết bàn  
 Phân biệt theo chức năng  
 Đồng dị tùy thể loại.

Có thiện, có bất thiện  
 Có không thiện không ác  
 Người trí thông lẽ đạo  
 Không rơi vào biên kiến.

Có pháp tương ưng khổ  
 Có pháp tương ưng lạc  
 Có phi khổ phi lạc  
 Ở đời có cả ba.

Có pháp vốn là nhân  
 Có pháp vốn là quả  
 Có pháp không nhân quả  
 Vượt quan kiến thường tình.

Do chấp thủ mà sanh  
 Lại sanh ra chấp thủ  
 Không thủ sanh sanh thủ  
 Không thủ không sanh thủ.

Có pháp là phiền não  
 Lại sanh ra não phiền  
 Phi phiền sanh phiền não  
 Có tâm cảnh vô phiền.

Pháp có tâm có tứ  
 Pháp có tứ không tâm  
 Có pháp không tâm tứ  
 Cùng hiện hữu ở đời.

Pháp đi chung với hỷ  
 Pháp đi chung với lạc  
 Pháp đi chung với xả  
 Hành giả cần quán sát.

Pháp nhờ thấy mà diệt  
 Pháp nhờ tu mà diệt  
 Có pháp ngoài cả hai  
 Bạc chân nhân biết rõ.

Có gốc rễ kiết sử  
 Đoạn diệt bởi sơ đạo  
 Hay bởi ba đạo cao  
 Không kiết sử không đoạn.

Có pháp nhân sanh tử  
 Có pháp nhân giải thoát  
 Có pháp không luân hồi  
 Cũng không hướng niết-bàn.

Có pháp thuộc hữu học  
 Có pháp thuộc vô học  
 Có pháp phi hữu học  
 Cũng không thuộc vô học.

Có pháp vốn cục bộ  
 Có pháp thuộc đáo đại  
 Có pháp không hạn cuộc  
 Do giới vực mà phân.

Pháp biết cảnh tâm thường  
 Pháp biết cảnh rộng lớn  
 Pháp biết cảnh vô lượng  
 Tâm, cảnh vốn tương ưng.

Có pháp vốn hạ liệt  
 Có pháp thuộc trung bình  
 Có pháp tánh thù thắng  
 Chức năng có sai biệt.

Pháp cố định thuộc tà  
 Pháp cố định thuộc chánh  
 Cũng có pháp bất định  
 Được trí giả nói đến.

Pháp lấy đạo làm cảnh  
 Pháp lấy đạo làm nhân  
 Pháp lấy đạo làm trưởng  
 Ba phạm trù đối tác.

Có pháp vốn đã sanh  
 Có pháp chưa sanh khởi  
 Có pháp sắp sanh khởi  
 Tác động hẳn không đồng.

Có pháp thuộc quá khứ  
 Có pháp thuộc vị lai  
 Có pháp thuộc hiện tại  
 Tam thể đồng thể tánh.

Có pháp biết quá khứ  
 Có pháp biết vị lai  
 Có pháp biết hiện tại  
 Cả ba được ghi nhận.

Có pháp thuộc nội giới  
 Có pháp thuộc ngoại giới  
 Có pháp gồm cả hai  
 Chủ thể lẫn khách thể.

Có pháp biết nội giới  
 Có pháp biết ngoại giới  
 Có pháp biết cả hai  
 Bên trong lẫn bên ngoài.

Pháp thấy và tiếp xúc  
 Pháp tiếp xúc không thấy  
 Pháp không thấy không xúc  
 Cùng là cảnh nhưng khác.

Do thể tài mà nói  
 Do chức năng mà phân  
 Do góc cạnh mà nhìn  
 Nên sanh ra đồng dị.

## VÔ NGÃ TƯỞNG KINH

Đức A-nan-đa có nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngụ trong rừng Huru, gần thành Ba-la-nại (Bārāṇasī). Đức Phật gọi năm thầy Tỳ khuru trong nơi ấy mà giảng rằng:

Này các Thầy Tỳ khuru!

Sắc thân là vô ngã, chẳng phải là của ta. Này các Thầy Tỳ khuru! Nếu sắc thân này thiệt là của ta, thì nó không phải chịu sự đau ốm. Lại nữa, người đời có thể nói: Xin cho sắc thân của ta như thế này, xin đừng cho sắc thân của ta như thế kia. Này các Thầy Tỳ khuru! Sắc thân thiệt là vô ngã, nên nó hằng chịu sự đau ốm. Lại nữa, người đời không có thể nói: Xin cho sắc thân của ta như thế này, xin đừng cho sắc thân của ta như thế kia.

Thọ chẳng phải là của ta. Này các Thầy Tỳ khuru! Nếu Thọ thiệt là của ta. Thọ ấy cũng không phải chịu sự đau khổ. Lại nữa, người đời có thể nói: Xin cho Thọ của ta như thế này, xin đừng cho thọ của ta như thế kia. Này các Thầy Tỳ khuru! Thọ thiệt là vô ngã, nên nó hằng chịu sự đau khổ. Lại nữa, người đời không có thể nói: Xin cho thọ của ta như thế này, xin đừng cho thọ của ta như thế kia.

Tướng chẳng phải là của ta. Này các Thầy Tỳ khuru! Nếu Tướng thiệt là của ta, Tướng ấy cũng không phải chịu sự đau khổ. Lại nữa, người đời có thể nói: Xin cho Tướng của ta như thế này, xin đừng cho tướng của ta như thế kia. Này các Thầy Tỳ khuru! Tướng thiệt chẳng phải là của ta, nên nó hằng phải chịu sự đau khổ. Lại

nữa, người đời không có thể nói: Xin cho tướng của ta như thế này, xin đừng cho tướng của ta như thế kia.

Hành chẳng phải là của ta: Này các Thầy Tỳ khưu! Nếu Hành thiết là của ta, hành ấy cũng chẳng phải chịu sự đau khổ. Lại nữa, người đời có thể nói: Xin cho Hành của ta như thế này, xin đừng cho hành của ta như thế kia. Này các thầy Tỳ khưu! Hành thiết chẳng phải là của ta, nên nó hằng phải chịu sự đau khổ. Lại nữa, người đời không có thể nói: Xin cho Hành của ta như thế này, xin đừng cho hành của ta như thế kia.

Thức chẳng phải là của ta. Này các Thầy Tỳ khưu! Nếu thức thiết là của ta. Thức ấy cũng chẳng phải chịu sự đau khổ. Lại nữa, người đời có thể nói: Xin cho Thức của ta như thế này, xin đừng cho thức của ta như thế kia. Này các Thầy Tỳ khưu! Thức thiết chẳng phải là của ta, nên nó hằng chịu sự đau khổ. Lại nữa, người đời không có thể nói: Xin cho thức của ta như thế này, xin đừng cho thức của ta như thế kia.

Này các Thầy Tỳ khưu!

Các người cho Sắc thân là thường hay vô thường? Bạch Đức Thế Tôn, sắc thân là vô thường. Vật chi là vô thường, vật ấy khổ hay vui? Bạch đức Thế Tôn, vật ấy là khổ. Vật chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng? Bạch đức Thế Tôn, chẳng nên.

Này các Thầy Tỳ khưu!

Các người cho Thọ là thường hay vô thường? Bạch Đức Thế Tôn, thọ là vô thường. Vật chi vô thường, vật ấy khổ hay vui? Bạch đức Thế Tôn, vật ấy là khổ. Vật

chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường, thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng? Bạch đức Thế Tôn, chẳng nên.

Này các Thầy Tỳ khuru!

Các người cho Tướng là thường hay vô thường? Bạch Đức Thế Tôn, tướng là vô thường. Vật chi vô thường, vật ấy khổ hay vui? Bạch đức Thế Tôn, vật ấy là khổ.

Vật chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường, thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng? Bạch đức Thế Tôn, chẳng nên.

Này các Thầy Tỳ khuru!

Các người cho Hành là thường hay vô thường? Bạch Đức Thế Tôn, hành là vô thường. Vật chi vô thường, vật ấy khổ hay vui? Bạch đức Thế Tôn, vật ấy là khổ. Vật chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường, thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng? Bạch đức Thế Tôn, chẳng nên.

Này các Thầy Tỳ khuru!

Các người cho Thức là thường hay vô thường? Bạch Đức Thế Tôn, thức là vô thường. Vật chi vô thường, vật ấy khổ hay vui? Bạch đức Thế Tôn, vật ấy là khổ. Vật chi vô thường là khổ, có sự biến đổi theo lẽ thường, thì nên cho vật đó là của ta, đó là ta, đó là thân ta chăng? Bạch đức Thế Tôn, chẳng nên.

Này các Thầy Tỳ khuru!

Cho nên sắc nào dầu trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc quý cao. Sắc nào xa hoặc gần, các sắc ấy đều chỉ là sắc thô. Các người nên xem sắc ấy bằng Trí tuệ trong sạch

theo chơn lý như vậy: Đó chẳng phải là của ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Thọ nào trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc quý cao. Thọ nào xa hoặc gần, các thọ ấy đều chỉ là thọ thôi. Các người nên xem thọ ấy bằng Trí tuệ trong sạch theo chơn lý như vậy: Đó chẳng phải là của ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Tướng nào trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc quý cao. Tướng nào xa hoặc gần, các tướng ấy đều chỉ là tướng thôi. Các người nên xem tướng ấy bằng Trí tuệ trong sạch theo chơn lý như vậy: Đó chẳng phải là của ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Hành nào trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc quý cao. Hành nào xa hoặc gần, các hành ấy đều chỉ là hành thôi. Các người nên xem hành ấy bằng Trí tuệ trong sạch theo chơn lý như vậy: Đó chẳng phải là của ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Thức nào trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại, bên trong, bên ngoài, thô thiển, vi tế, hèn hạ hoặc quá cao. Thức nào xa hoặc gần, các thức ấy đều chỉ là thức thôi. Các người nên xem thức ấy bằng Trí tuệ trong sạch, theo chơn lý, như vậy: Đó chẳng phải là của ta, đó chẳng phải là ta, đó chẳng phải là thân ta.

Này các Thầy Tỳ khưu!

Các bậc Thánh Văn được nghe và thấy như thế rồi, các Ngài chán nản trong sắc, chán nản trong thọ, chán

nản trong tướng, chán nản trong hành và chán nản trong thức. Khi đã chán nản như thế thì được lánh xa tình dục, tâm được giải thoát. Khi tâm được giải thoát, trí tuệ của bậc Thinh Văn phát sanh rõ rệt, mà biết rằng tâm của ta đã giải thoát rồi. Các bậc Thinh-Văn cũng biết rõ rằng: Sự sanh của ta đã chấm dứt, Pháp cao thượng ta đã đắc rồi, phận sự nên hành, ta cũng đã hành rồi.

Đức Phật đã giảng giải dứt kinh này. Năm Thầy Tỳ khưu nghe được khẩu truyền của đức Thế Tôn, lấy làm hoan hỷ. Khi Đức Phật đang giảng kinh này, thì tâm của 5 thầy Tỳ khưu được giải thoát các vi tế phiền não, không còn chấp thủ nữa.

# HỒI HƯỚNG

## THẬP QUÁN SA MÔN HẠNH

Xuất gia nghi mạo khác đời,  
 Sống nương đàn Việt thanh thoi cửa thiền.  
 Tư cách bốn phận cần chuyên,  
 Oai nghi giới hạnh không phiền đến ai.  
 Nếu đồng phạm hạnh chê bai,  
 Sớm lo cảnh tỉnh miệt mài tu thân.  
 Nhân vật yêu mến xa gần,  
 Vô thường tan hợp xoay vần hợp tan.  
 Nghiệp là tài sản đa<sup>7</sup> mang,  
 Nghiệp là quyến thuộc lại càng chớ khinh.  
 Nghiệp là sở y sở sinh,  
 Nhân quả thiện ác phân minh nhiệm mầu.  
 Ngày đêm thất thoát bóng câu,  
 Làm gì xứng hạnh tầm cầu vô sanh.  
 Trong không tịnh xứ tịnh cần,  
 Độc cư thiền tịnh phá dần tham sân.  
 Tu hành pháp bậc cao nhân,  
 Ngộ thánh tri kiến giả chân tỏ tường.  
 Đến khi sanh mạng vô thường,  
 Các đồng phạm hạnh tư lương hỏi han.  
 Xét mình tâm đã bình an,  
 Ra đi chẳng thẹn cùng hàng sa môn.

---

<sup>7</sup> Đa – đây ý nói là nhiều

## KỆ THÁNH TĂNG XUẤT HẠNH - RAṬṬHAPĀLA

Tôi đã thấy biết bao người giàu có  
 Chưa bao giờ từ bỏ tánh tham lam  
 Vẫn mãi mê ham của cải bạc vàng  
 Vẫn khao khát chạy hoài theo khoái lạc

Tôi đã thấy biết bao là vua chúa  
 Chưa bao giờ an phận với giang san  
 Dầu biên cương giáp bốn biển ngút ngàn  
 Vẫn muốn nữa, muốn biên thùy rộng mãi

Người thế gian, từ bần dân, vua chúa  
 Trước tử thân, tâm vẫn còn tham  
 Tiếc công danh, tiếc sự nghiệp chưa thành  
 Nhưng phải bỏ, tay buông xuôi, nhắm mắt

Quanh người chết bao người than, kẻ khóc  
 “Hỡi người thân! Sao vội bỏ ra đi!”  
 Trong áo quan, người nằm đó im lìm  
 Lửa thiêu đốt, xác thân thành tro bụi

Mang theo gì, trên mình mang vải liệm!  
 Còn lại chi, bia mộ khắc đôi hàng!  
 Dầu muốn về trở lại cõi trần gian  
 Nhưng phải chịu tái sanh theo nghiệp định

Người còn sống đang tranh giành thừa kế  
 Kẻ chết này chỉ có nghiệp đem theo  
 Khi ra đi tay trắng chẳng mang gì  
 Bỏ con cái, bạn đời cùng của cải.

Bách niên đại thọ bạc tiền nào mua nổi  
 Biển ngọc rừng vàng sao tránh khỏi già nua

Lời thánh nhân nhắc nhở lẽ Vô Thường  
Ngẩn ngủi lắm! Kiếp người, nên ghi nhớ!

Bậc có trí quán tưởng luôn sự chết  
Phút lâm chung tâm bình thản an nhiên  
Kẻ phàm phu không quán tưởng thường xuyên  
Nên phút cuối lâm chung đầy sợ hãi

Trí tuệ quý hơn tiền tài của cải  
Trí tuệ giúp người đạt Đạo Quả Vô Sanh  
Kẻ si mê biết bao kiếp đạt thành  
Trôi nổi mãi trong luân hồi vô tận

Từ bào thai người sanh về cõi khác  
Tiếp tục hành trình đi mãi không thôi  
Còn vô minh, nghiệp quả trói thân mình  
Hết Sanh-Tử-Tái Sanh vòng luẩn quẩn

Như kẻ cướp bị luật đòi phân xử  
Nghiệp chúng sanh, luật nhân quả nghiêm minh  
Để đời sau, nghiệp cũ bước theo mình  
Trở quả dữ, khổ người gây ác nghiệp

Dục lạc ngũ trần, vị ngọt ngon thơm ngát  
Làm động lòng, làm xao xuyến tâm can  
Thấy hiểm nguy trong vị ngọt ẩn tàng  
Làm ả sĩ, tôi sống đời thanh thản.

Kiếp người mong manh như nhánh cây đầy trái  
Gió rung cành, trái xanh, chín, rụng rơi!  
Bối hiểu thế, tôi đắp y cạo tóc  
Làm Tỷ khưu vui đạo sống thanh bần./.

## KINH KHÔNG TƯỚC

Mặt trời ánh sáng như vàng  
 Chiếu trong thế giới khắp tràn bốn châu  
 Tự do soi cả đầu đầu  
 Là trông con mắt hoàn cầu sanh linh  
 Cho nên tôi mới nghiêng mình  
 Cúi đầu cung kính tỏ trình Ân cao  
 Các Ngài luân chuyển cùng nhau  
 Thay phiên trị nhật vị nào đêm nay  
 Chúng tôi ở dưới quyền này  
 Xin nhờ ủng hộ đêm rày an vui  
 Làm cho ác độc phai phui  
 Cho dù oan trái mưu thù cũng hư  
 Thiên tăng đạo sĩ các Sư  
 Tu hành đắc pháp hoặc cư xa gần  
 Từ bi soi đến kẻ cần  
 Biết nay tôi kính tự thân yêu cầu  
 Nương nhờ quyền lực Pháp mầu  
 Đặt cho tránh khỏi nạn sâu đêm nay  
 Phạm thiên, Thiên chúng các Ngài  
 Thọ tôi kính lạy hiện nay xin tường  
 Bảo tồn khỏi sự bất lương  
 Trọn đêm cho được tránh đường họa tai  
 Cúi đầu lạy cả Như Lai  
 Các hàng Bồ tát chư Ngài Thánh Tăng  
 Với cùng Pháp bảo siêu thăng  
 Đêm nay nhớ tụng để ngăn các điều.

## RẢI TÂM TỪ

- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng đông, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.
- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng đông nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.
- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.
- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng tây nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.
- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng tây, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy được yên vui.
- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng tây bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.
- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng bắc đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.
- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng đông bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.
- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng trên, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.
- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng dưới, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sanh đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui, đừng có khổ, đừng làm hại lẫn nhau, đừng hẹp lượng, hãy cho được sống lâu,

đừng có bệnh hoạn, hãy cho được thành tựu đầy đủ, hãy giữ mình cho được sự yên vui. Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi, xin đừng cho kinh sợ, đến sự thương tiếc rồi, xin đừng cho thương tiếc. *(lay)*

## TỪ BI NGUYỆN

Nguyện cầu tám hướng mười phương  
 Chúng sanh muôn loại hãy thường an vui  
 Dứt trừ oan trái nhiều đời  
 Bao nhiêu đau khổ đến hồi duyên tan  
 Hại nhau chỉ chuốc lầm than  
 Mê si điên đảo vô văn lệ châu  
 Chúng sanh vô bệnh sống lâu  
 Nguyện cho thành tựu phước sâu đức dày  
 Nguyện cho an lạc từ nay  
 Dứt trừ thống khổ đắng cay oán hờn  
 Dứt trừ kinh sợ tai ương  
 Bao nhiêu phiền não đoạn trường vĩnh ly  
 Nguyện cầu Tam Bảo chứng tri  
 Sống đời thanh tịnh từ bi vẹn toàn. *(lay)*

## KỆ HỒI HƯỚNG SAU KHI TỤNG KINH

Ngưỡng cầu các đấng chư thiên,  
 Trong vòng tịnh xá ngự yên hằng ngày.  
 Ngự nơi đền tháp xưa nay,  
 Những nơi biệt thất nơi cây bồ đề.  
 Chúng con xin hội họp về,  
 Sẽ dùng pháp thí tiện bề cúng dâng.  
 Rồi xin hộ độ chư tăng,  
 Cửa từ ẩm nấu phước hằng hà sa.  
 Tỳ khuru chẳng luận trẻ già,  
 Cao hạ trung hạ hoặc là mới tu.  
 Thiện nam tính nữ công phu,  
 Điều là thí chủ đồng phù trợ nhân.  
 Những người trong khắp thôn lân,  
 Kiêu cư châu quận được phần an khương.  
 Chúng sanh bốn loại thông thường,  
 Noãn thai thấp hóa khi nương pháp lành.  
 Giải thoát pháp bảo nên hành,  
 Đặng mà dứt khổ truyền quanh đọa đày.  
 Cầu cho hưng thịnh lâu dài,  
 Pháp thiện trí thức các Ngài mở mang.  
 Bạc tu xin được bình an,  
 Cầu cho tăng chúng các hàng hòa nhau.  
 Lại thêm phẩm hạnh thanh cao,  
 Những quả lợi ích kết mau kịp thì.  
 Cầu xin Pháp bảo hộ trì,  
 Cho người tu đã qui y Phật rồi.  
 Xin cho cả thầy chúng con,  
 Tấn hóa trong Pháp Phật roi giáo truyền.

## HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN

Chư Thiên ngự trên hư không  
Địa cầu thượng ngự rõ thông mọi điều  
Long vương thần lực có nhiều  
Đồng xin hoan hỷ phước đều chúng con  
Hộ trì Phật giáo Tăng bồi  
Các bậc Thầy tổ an vui lâu dài  
Quyến thuộc tránh khỏi nạn tai  
Chúng sanh được hưởng phước dài bền lâu  
Chúng con vui thú đạo mầu  
Tu hành tinh tấn ngộ hầu siêu sinh. (lay)

## KỆ TIỀN CHƯ THIÊN

Nguyên cầu uy đức Phật Bảo  
 Nguyên cầu uy đức Pháp Bảo  
 Nguyên cầu uy đức Tăng Bảo  
 Xin Tam Bảo gia hộ  
 Ngăn ngừa mọi tai ương  
 Những hiện tượng bất tường  
 Những mộng mị xấu xa  
 Những nghịch duyên trở ngại  
 Thấy đều mau tan biến.

Nguyên muôn loài chúng sanh  
 Người khổ xin hết khổ  
 Người sợ hết sợ hãi  
 Người sầu hết sầu bi  
 Biết cho với niềm tin  
 Biết hộ trì giới hạnh  
 Biết lạc trú trong thiền.

Chư thiên đã vân tập  
 Xin tùy hỷ phước lành  
 Được cát tường như ý  
 Rồi phản hồi thiên xứ.

Chư Toàn Giác đại lực  
 Chư Độc Giác đại lực  
 Thánh Văn Giác đại lực  
 Nguyên tổng trì uy đức  
 Cầu phúc lành phát sanh.

## KINH HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Phước căn con đã tạo thành,  
 Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên.  
 Đều là phước báu vững bền,  
 Có thể tiếp chúng độ lên thiên đàng.  
 Cung trời Đao Lợi thọ nhàn,  
 Chúng sanh hữu tướng như gian Ta bà.  
 Chư Thiên Phạm Thiên cùng là,  
 Bậc trời vô tướng được mà hưởng an.  
 Phước con hồi hướng dâng ban,  
 Chúng sanh hay biết hoàn toàn lãnh thân.  
 Bằng ai chưa rõ lời cầu,  
 Xin cùng Thiên chúng đến hầu mách ngay.  
 Có người làm phước được rày,  
 Lại đem hồi hướng hiện nay khắp cùng.  
 Chúng sanh hoan hỉ lãnh chung,  
 Hưởng được phước quý ung dung thanh nhàn.  
 Chúng sanh thế giới các hàng,  
 Bởi nhờ thọ thực sanh an mạng trường.  
 Xin thân phước báu cúng dường,  
 Hóa thành thực phẩm mùi hương thỏa lòng.  
(lay)

## HÔI HƯƠNG CHO NGƯỜI QUÁ VẮNG

Con xin hồi hương quả này,  
 Thấu đến quyền thuộc nơi đây cho tường;  
 Cùng là thân thích tha phương,  
 Hoặc đã quá vắng hoặc thường hiện nay;  
 Chúng sanh ba giới bốn loài,  
 Vô tướng hữu tướng chẳng nài đâu đâu;  
 Nghe lời thành thật thỉnh cầu,  
 Xin mau tựu hội lãnh thâu quả này;  
 Bằng ai xa cách chưa hay,  
 Cầu xin Thiên chúng mách ngay với cùng;  
 Thấy đều thọ lãnh hưởng chung,  
 Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai;  
 Nguyên nhiều Tăng chúng đức tài.  
 Đạt thành Thánh quả hoằng khai đạo lành;  
 Nguyên cho Phật Pháp thanh hành.  
 Năm ngàn năm chấn phước lành thế gian. (lay)

## HỒI HƯỚNG

- Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc đã quá vãng, cầu mong cho các vị ấy hằng được yên vui.
- Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc còn hiện tại, cầu mong cho các vị ấy hằng được sự yên vui.
- Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là món duyên lành, để dứt khỏi những điều ô nhiễm, ngủ ngầm nơi tâm trong ngày vị lai. (lạy)

## QUYỀN GỒI LỄ BÁI PHẬT PHÁP TẶNG

- ***Araham sammāsambuddho Bhagavā Buddham bhagavantam abhivādemī.***

Nhất tâm đánh lễ đức Thế Tôn bậc A la hán, Chánh đẳng, chánh giác, ngài là thiên nhân từ phụ, bi trí vẹn toàn. (1 lạy)

- ***Svākhato Bhagavatā dhammo dhammam namassāmi***

Nhất tâm lễ bái Giáo pháp do đức Thế tôn khéo thuyết giảng, đạo chuyên mê khai ngộ, thiết thực hiện tiền, vượt thời gian. (1 lạy)

- ***Suppaṭipanno Bhagavato sāvakaśaṅgho sangham namāmi.***

Nhất tâm đánh lễ chư Thánh hiền tăng đệ tử của đức Thế tôn, các ngài là bậc hoằng truyền chánh pháp, xứng đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường. (1 lạy)

## KẾT THÚC

## **PHẦN II - KINH NHẬT TỤNG NGUYÊN THỦY (TIẾNG PĀḲĪ)**

# ***RATANATTAYAPUJĀ*** **LỄ BÀI TAM BẢO**

## **BÀI THỈNH CHƯ THIÊN**

Sagge kāme ca rū pe girisikharatate cantalikkhe vimāne  
Dīpe raṭṭthe ca gāme taruvanagahane gehavatthumhi  
khetṭe Bhumṃ cāyantu devā jalathalavisame yak-  
khagandhabbanāgā Tiṭṭhantā santike yaṃ  
munivaravacanāṃ sādhavo me suṇantu.

Dhammassavanakālo ayambhadantā.

Dhammassavanakālo ayambhadantā.

Dhammassavanakālo ayambhadantā. (lạy)

## **LỄ DÂNG CÚNG TAM BẢO**

Imehi dīpadhū pādisakkārehi Buddhāṃ Dhammāṃ  
Saṅghāṃ abhipū jayāmi mātā-pitādīnaṃ  
guṇavantānañca mayhañca dīgharattaṃ atthāya hitāya  
sukhāya

## BUDDHARATANAPAṆĀMA

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.  
 Namō tassa bhagavato arahato sammāsambudhassa.  
 Namō tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

## LỄ BÁI PHẬT BẢO

Yo sannisinno varabodhimū le mārāṃ sasenaṃ mahatiṃ  
 vijeyyo sambodhimāgacchi anantañāno lokuttamotaṃ  
 panamāmi buddhaṃ.

Ye ca buddhā atītā ca Ye ca buddhā anāgatā  
 paccuppannā ca ye buddhā Ahaṃ vandāmi sabbadā.

## BUDDHA GUṆA - ÂN ĐỨC PHẬT

Itipi so Bhagavā Arahaṃ Sammā-sambuddho  
 Vijjācarana-sampanno Sugato Lokavidū Anuttaro  
 Purisadammasārathi Satthādevamanussānaṃ Buddho  
 Bhagavāti

## BUDDHA ATTAPAṬIÑÑĀ

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ Buddho me saraṇaṃ varaṃ  
 Etena saccavajjena Hotu me jayamaṅgalam.

## BUDDHA KHAMĀPANA

Uttamaṅgena vandehaṃ Pādapaṃ suṃ varuttamaṃ  
 Buddhē yo khalito doso Buddho khamatu taṃ mamaṃ.

~~~~~

DHAMMARATANAPANĀMA

Atṭhaṅgikāriyapatho janānaṃ
Mokkhappavesāya ujū ca maggo
Dhammo ayaṃ santikaro pañīto
Nīyāniko taṃ panamāmi dhammaṃ .

LỄ BÁI PHÁP BẢO

Ye ca dhammā atītā ca Ye ca dhammā anāgatā
Paccuppannā ca ye dhammā Ahaṃ vandāmi sabbadā.

DHAMMA GUṆA - ÂN ĐỨC PHÁP BẢO

Svākkhāto Bhagavatā Dhammo Sandiṭṭhiko Akāliko
Ehipassiko Opanayiko Paccattaṃ veditabbo viññū hīti.

DHAMMA ATTAPAṬIÑÑĀ

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ Dhammo me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena Hotu me jayamaṅgalaṃ .

DHAMMA KHAMĀPANA

Uttamaṅgena vandehaṃ Dhammañca duvidhaṃ varaṃ
Dhamme yo khalito doso Dhammo khamatu taṃ
mamaṃ .

~~~~~

## SAṄGHARATANAPANĀMA

Saṅgho visuddho varadakkhiṇeyyo  
 Santindriyo sabbamalappahīno  
 Guṇehinekehi samiddhipatto  
 Anāsavo taṃ panamāmi Saṅghaṃ.  
 Ye ca saṅghā atītā ca ye ca saṅghā anāgatā paccuppannā  
 ca ye saṅghā ahaṃ vandāmi sabbadā.

## SAṄGHA GUṆA - ÂN ĐỨC TẶNG BẢO

Suppaṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho.  
 Ujupaṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho.  
 Ñayaṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho.  
 Sāmīcipaṭipanno bhagavato sāvaka-saṅgho.  
 Yadidaṃ cattāri purisa-yugāni. Aṭṭha purisa-puggalā.  
 Esa Bhagavato sāvaka-saṅgho Āhuneyyo Pāhuneyyo  
 Dakkhiṇeyyo Añjalikaraṇīyo. Anuttaraṃ  
 puñṇakkhettaṃ lokassāti.

## SAṆA ATTAPATIÑÑĀ

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ Saṅgho me saraṇaṃ varaṃ  
 Etena saccavajjena Hotu me jaya-maṅgalaṃ.

## SAṄGHA KHAMĀPANA

Uttamaṅgena vadehaṃ Saṅghaṅca duvidhottamaṃ  
 Saṅghe yo khalito doso Saṅgho khamatu taṃ mamaṃ.

Yo kappakotī hipi appameyyaṃ kālaṃ karonto  
 atidukkarāṇi khedaṃ gato lokahitāya nātho namo  
 mahākāruṇikassa tassa asambuddhaṃ buddhanisevitaṃ  
 yaṃ bhavābhavaṃ gacchati jīvaloko namo avijjādikile-  
 sajālaṃ viddhaṃsino dhammavarassa tassa guṇehi yo  
 sīlasamādhipaṇṇā vimuttiṇṇāṇappabhūtīhi yutto khettañ-  
 janānaṃ kusalatthikānaṃ tamariyasaṅghaṃ sirisā namā-  
 mi iccevamaccantanamassaneyyaṃ namassamāno  
 ratanattayaṃ yaṃ puṇṇā bhisandaṃ vipulaṃ alatthaṃ  
 tassānubhāvena hatantarāyo./.

#### BUDDHAPĀDANĀMAKKĀRAGĀTHĀDVADASAPARITTA

Vandāmi buddhaṃ bhavapāraṭiṇṇaṃ

Tilokaketuṃ tibhavekanāthaṃ yo lokaseṭṭho sakalaṃ  
 kilesaṃ chetvāna bodhesi jaṇaṃ anantaṃ yaṃ  
 nammadāya nadiyā puline ca tīre yaṃ saccaban-  
 dhagirike sumanā ca lagge yaṃ tattha yonakapure  
 munino ca pādaṃ taṃ pādalañchanamahāṃ sirasānamā-  
 mi suvaṇṇamālike suvaṇṇapabbate sumanakūṭe yo  
 nakapure nammadāya nadiyā pañca pādavaraṃ thānaṃ  
 ahaṃvandāmi dūrato./.

#### LỄ BÁI XÁ LỢI

Vandāmi cetiyaṃ sabbhaṃ sabbatṭhāmesupatitṭhitaṃ  
 sārīrikadhātu mahābodhiṃ buddharū paṃ sakalaṃ sadā.

## SAMBUDDHE

1. Sambuddhe aṭṭhavīsaṇ ca dvādasāṇ ca saḥassake pañcasatasahassāni namāmi sirasā ahaṃ. Tesāṃ dhammaṇca saṅghaṇca ādarena namāmihaṃ namakārānubhāvena hantvā sabbe upaddave anekā antarāyāpi vinassantu asesato.
2. Sambuddhe pañca paññāsaṇca catuvīsa tisahassake dasasatasahassāni namāmi sirasā ahaṃ. Tesāṃ dhammaṇca saṅghaṇca ādarena namāmihaṃ namakārānubhāvena hantvā sabbe upaddave anekā antarāyā pi vinassantu asesato.
3. Sambuddhe navuttarasate aṭṭhacattālī-sasahassake vīsatisatasahassāni namāmi sirasā ahaṃ. Tesāṃ dhammaṇca saṅghaṇca ādarena namāmihaṃ namakārānubhāvena hantvā sabbe upaddave anekā antarāyā pi vinassantu asesato.

## TI SARANAM

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

## QUÁN TƯỚNG TỨ VẬT DỤNG

### \* Quán tưởng yếu tố tứ vật dụng

- Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetam yadidaṃ cīvaraṃ tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño.
- Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetam yadidaṃ piṇḍapāto tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño.
- Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetam yadidaṃ senāsaṇaṃ tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño.
- Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetam yadidaṃ gilānapaccayabhesajjaparikkāro tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño

### \* Quán tưởng sự đáng chán của tứ vật dụng

- Sabbāni pan'imāni cīvarāni ajigucchānīyāni imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchānīyāni jāyanti.
- Sabbo panāyaṃ piṇḍapāto ajigucchānīyo imaṃ pūtikāyaṃ patvā ativiya jigucchānīyo jāyati.
- Sabbāni pan'imāni senāsaṇāni ajigucchānīyāni imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchānīyāni jāyanti.

- Sabbo panāyaṃ gilānapaccayabhesajjaparikkhāro ajigucchanīyo imaṃ pūtikāyaṃ patvā ativiya jigucchanīyo jāyati.

**\* Quán tướng khi đang thọ dụng tứ vật dụng**

- Paṭisaṅkhā yoniso cīvaram paṭisevāmi, yāvadeva sītassa paṭighātāya, uṇhassa paṭighātāya, daṃsamakasavātātapasirimsapasamphassānaṃ paṭighātāya yāvadeva hirikopinapaṭicchādanatthaṃ.
- Paṭisaṅkhā yoniso piṇḍapātaṃ paṭisevāmi neva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya yāvadeva imassa kāyassa ṭhitiya yāpanāya vihiṃsuparatiyā brahmacariyānuggahāya iti puraṇaṇca vedanaṃ paṭihaṅkhāmi navaṇca vedanaṃ na uppādessāmi yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsuvihāro cāti.
- Paṭisaṅkhā yoniso senāsaṇaṃ paṭisevāmi, yāvadeva sītassa paṭighātāya, uṇhassa paṭighātāya, daṃsamakasavātātapasirimsapasamphassānaṃ paṭighātāya yāvadeva utuparissayavinodanaṃ paṭisallānārāmatthaṃ.
- Paṭisaṅkhā yoniso gilānapaccayabhesajjaparikkhāraṃ paṭisevāmi yāvadeva uppannānaṃ veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya abyāpajjhaparamatāyāti

**\* Quán tưởng lại tứ vật dụng đã dùng trong ngày**

- Ajja mayā apaccavekkhitvā yaṃ cīvaram paribhuttaṃ taṃ yāvadeva sītassa paṭighātāya uñhassa paṭighātāya daṃsamakasavātā tapasirīm-sapasamphassānaṃ paṭighātāya yāvadeva hirikopinappaṭicchādanatthaṃ.
- Ajja mayā apaccavekkhitvā yo piṇḍapāto paribhutto so neva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya yāvadeva imassa kāyassa ṭhitīyā yāpanāya vihiṃsūparatiyā brahmacariyā-nuggahāya. Iti purāṇaṃ vedanaṃ paṭihanākhāmi navaṇa vedanaṃ na uppādessāmi, yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsuvihāro cāti.
- Ajja mayā apaccavekkhitvā yaṃ senāsanaṃ paribhuttaṃ, taṃ yāvadeva sītassa paṭighātāya, uñhassa paṭighātāya, daṃsamakasavātā tapasirīm-sapasamphassānaṃ paṭighātāya, yāvadeva utuparissayavinodanaṃ paṭisallānārāmatthaṃ.
- Ajja mayā apaccavekkhitvā yo gilā-napaccayabhesajjaparikkhāro paribhutto, so yāvadeva uppānānaṃ veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya, abyāpajjhapaṃmatāyāti.

# KINH NHẬT TỤNG TRONG TUẦN

|                                 |           |
|---------------------------------|-----------|
| Kinh tụng ngày thứ 2: ... ..    | trang 130 |
| Kinh tụng ngày thứ 3: ... ..    | trang 155 |
| Kinh tụng ngày thứ 4: ... ..    | trang 176 |
| Kinh tụng ngày thứ 5: ... ..    | trang 186 |
| Kinh tụng ngày thứ 6: ... ..    | trang 194 |
| Kinh tụng ngày thứ 7: ... ..    | trang 201 |
| Kinh tụng ngày Chủ nhật: ... .. | trang 208 |

~~~~~

KINH TỤNG NGÀY THỨ 2

KINH PHẬT LỰC (*Buddhajayamaṅgalagāthā*)

1. Bāhuṃ sahaṣṣamabhinimmitasāvudhantaṃ
grīmekhalaṃ uditaghorasasenamāraṃ
dānādidhammavidhinā jitavā munindo
tantejasā bhavatu te jayamaṅgalāni
2. Mārātirekamabhiyujjhitasabbarattiṃ
ghorampanālavakamakhamathaddha
yakkhaṃ khantīsudantavidhinā jitavā munindo
tantejasā bhavatu te jayamaṅgalāni
3. Nālāgiriṃ gajavaraṃ atimattabhūtaṃ
dāvaggicakkamasanīva sudāruṇantaṃ
mettambusekavidhinā jitavā munindo
tantejasā bhavatu te jayamaṅgalāni
4. Ukkhittakhaggamatihatthasudāruṇantaṃ
dhāvantiyojanapaṭhaṅgulimālavantaṃ
iddhībhisaṅkhatamano jitavā munindo
tantejasā bhavatu te jayamaṅgalāni
5. Katvāna kaṭṭhamudaraṃ iva gabbhinīyā
ciñcāya duṭṭhavacanaṃ janakāyamajjhe
santena somavidhinā jitavā munindo
tantejasā bhavatu te jayamaṅgalāni

6. Saccam vihāya matisaccakavāda ketum
vādābhiropitamanam atiandhabhūtam
paññāpadīpajalito jitavā munindo
tantejasā bhavatu te jayamaṅgalāni
7. Nandopanandabhujagam vibudham
mahiddhiṃ puttena therā bhujagena damāpayanto
iddhūpadesavidhinā jitavā munindo
tantejasā bhavatu te jayamaṅgalāni
8. Duggāhaditṭhibhujagena sudatṭhahattham
brahman visuddhijutimiddhiva kābhidhānam
ñāṇāgadena vidhinā jitavā munindo
tantejasā bhavatu te jayamaṅgalāni

Etāpi buddhajayamaṅgalātṭhagāṭhā
yo vācano dinadine sarate matandī
hitvānanekavividhāni cupaddavāni
mokkham sukham adhigameyya naro sapañño./.

KINH HUÂN TẬP CÔNG ĐỨC

(Nidhikaṇḍasuttaṃ)

Nidhiṃ nidheti puriso
 Gambhīre udakantike
 Atthe kicce samuppanne
 Atthāya me bhavissati.

Rājato vā duruttassa
 Corato pīlitassa vā
 Iṇassa vā pamokkhāya
 Dubbhikkhe āpadāsu vā
 Etadatthāya lokasmiṃ
 Nidhi nāma nidhīyati.

Tāvassunihito santo
 Gambhīre udakantike
 Na sabbo sabbadā yeva
 Tassa taṃ upakappati.

Nidhi vā ṭhānā cavati
 Saññā vāssa vimuyhati
 Nāgā vā apanāmenti
 Yakkhā vāpi haranti naṃ

Appiyā vāpi dāyādā
 Uddharanti apassato
 Yadā puññakkhayo hoti
 Sabbametam vinassati.

Yassa dānena sīlena
 Saññamena damena ca

Nidhī sunihito hoti
 Itthiyā purisassa vā
 Cetiyamhi ca saṅghe vā
 puggale atithīsu vā
 Mātari pitari vāpi
 Atho jeṭṭhamhi bhātari

Eso nidhi sunihito
 Ajeyyo anugāmiko
 Pahāya gamanīyesu
 Etaṃ ādāya gacchati.

Asādhāraṇamaññesaṃ
 Acorāharaṇo nidhi
 Kayirātha dhīro puññāni
 Yo nidhi anugāmiko.

Esa devamanussānaṃ
 Sabbakāmadado nidhi
 Yaṃ yadevābhipatthenti
 Sabbametena labbhati.

Suvaṇṇatā susaratā
 Susaṇṭhānaṃ surūpatā
 Ādhipacca parivāro
 sabbametena labbhati.

Padesarajjaṃ issariyaṃ
 cakkavattisukhaṃ piyaṃ
 Devarajjampi dibbesu
 Sabbametena labbhati.

Mānusikā ca sampatti
 Devaloke ca yā rati
 Yā ca nibbāṇasampatti
 Sabbametena labbhati.

Mittasampadamāgamma
 Yonisova payuñjato
 Vijjāvimuttivasībhāvo
 Sabbametena labbhati.

Paṭisambhidā vimokkhā ca
 Yā ca sāvakaṇāramī
 Paccekabodhi buddhabhūmi
 Sabbametana labbhati.

Evam mahatthikā esā
 Yadidaṃ puññasampadā
 Tasmā dhīrā paṣaṃsanti
 Paṇḍitā katapuññatanti.

KINH TỨ NIỆM XÚ (*Satipaṭṭhānasutta*)

Evam me sutam: ekam samayaṃ bhagavā kurūsu viharati kammāsadhammaṃ nāma kurūnaṃ nigamo Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi: bhikkhavoti Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum Bhagavā etadavoca:

Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo sattānaṃ visudhiyā sokaparidevānaṃ samatikkamāya dukkhadomanassānaṃ atthaṅgamāya ñāyassa adhigamāya nibbānassa sacchikiriyaṃ yadidaṃ cattāro satipaṭṭhānā Katame cattāro? Idha bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhiijhādo manassaṃ. Vedanāsu vedanānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhiijhādomanassaṃ. Cितte cittānupassī viharati ātāpī sampajānosatimā vineyya loke abhiijhādomanassaṃ. Dhammesu dhammānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhiijhādomanassaṃ Kathaṃ pana bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati? Idha bhikkhave bhikkhu araṇṇagato vā rukkhamū-lagato vā suñṇāgāragato vā nisīdati pallaṅkaṃ ābhujitvā ujum kāyaṃ paṇidhāya parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā. So satova assasati satova passasati. Dīghaṃ vā assasanto dīghaṃ assasāmīti pajānāti. Dīghaṃ vā passasanto dīghaṃ passasāmīti pajānāti. Rassaṃ vā assasanto rassaṃ assasāmīti pajānāti. Rassaṃ vā passasanto rassaṃ

passasāmīti pajānāti. Sabbakāyapaṭisaṃvedī assasis-sāmīti sikkhati. Sabbakāyapaṭisaṃvedī passasis-sāmīti sikkhati. Passambhayam kāyasaṅkhāram assasis-sāmīti sikkhati. Passambhayam kāyasaṅkhāram passasissāmīti sikkhati.

Seyyathāpi bhikkhave dakkho bhamakāro vā bhamakārantevāsī vā dīgham vā añchanto dīgham añchāmīti pajānāti, rassam vā añchanto rassam añchāmīti pajānāti, evameva kho bhikkhave bhikkhu dīgham vā assasanto dīgham assasāmīti pajānāti Dīgham vā passasanto dīgham passasāmīti pajānāti Rassam vā assasanto rassam assasāmīti pajānāti Rassam vā passasanto rassam passasāmīti pajānāti Sabbakāyapaṭisaṃvedī assasissāmīti sikkhati. Sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmīti sikkhati Passambhayam kāyasaṅkhāram assasissāmīti sikkhati Passambhayam kāyasaṅkhāram passasissāmīti sikkhati. Iti ajjhattam vā kāye kāyānupassī viharati Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi kāyoti vā panassasati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi kho bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

Puna caparam bhikkhave bhikkhu gacchanto vā gacchāmīti pajānāti. ṭhito vā ṭhitomhīti pajānāti Nisinno vā nisinnomhīti pajānāti. Sayāno vā sayānomhīti

pajānāti. Yathā yathā vā panassa kāyo paṇihito hoti tathā tathā naṃ pajānāti. Iti ajjhataṃ vā kāye kāyānupassī viharati. Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu abhikkante paṭikkante sampajānakārī hoti. Ālokite vilokite sampajānakārī hoti Sammiñjite pasārite sampajānakārī hoti. Saṅghāṭipattacīvaradhāraṇe sampajānakārī hoti Asite pīte khāyite sāyite sampajānakārī hoti Uccārapassāvakamme sampajānakārī hoti Gate ṭhite nisinne sutte jāgarite bhāsīte tuṇhībhāve sampajānakārī hoti. Iti ajjhataṃ vā kāye kāyānupassī viharati bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi kho bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu imameva kāyaṃ uddhaṃ pādatalā adho kesamatthakā tacapariyaṇtaṃ

pūraṃ nānappakārassa asucino paccavekkhati: atthi imasmiṃ kāye kesā lomā nakhā dantā taco maṃsaṃ nahārū atṭhī atṭhimiñjaṃ vakkhaṃ hadayaṃ yakaṇaṃ kilomakaṃ pihakaṃ papphāsaṃ antaṃ antagaṇaṃ udariyaṃ karīsaṃ pittaṃ semhaṃ pubbo lohitaṃ sedo medo assu vasā kheḷo siṅghāṇikā lasikā muttanti.

Seyyathāpi bhikkhave ubhatomukhā putoli pūrā nānāvihitassa dhañṇassa seyyathidaṃ: sālīnaṃ vīhīnaṃ muggānaṃ māsānaṃ tilānaṃ taṇḍulānaṃ, tamenāṃ cakkhumā puriso muñcivā paccavekkheyya: ime sālī ime vīhī ime muggā ime māsā ime tilā ime taṇḍulāti evameva kho bhikkhave bhikkhu imameva kāyaṃ uddhaṃ pādatalā adho kesamatthakā tacapariyantaṃ pūraṃ nānappakārassa asucino paccavekkhati: atthi imasmiṃ kāye kesā lomā nakhā dantā taco maṃsaṃ nahārū atṭhī atṭhimiñjaṃ vakkhaṃ hadayaṃ yakaṇaṃ kilomakaṃ pīhakaṃ papphāsaṃ antaṃ antagaṇaṃ udariyaṃ karīsaṃ pittaṃ semhaṃ pubbo lohitaṃ sedo medo assu vasā kheḷo siṅghāṇikā lasikā muttanti.

Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati. Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhat-tabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi kho bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu imameva kāyaṃ yathāṭṭhitam yathāpaṇihi taṃ dhātuso paccavekkhati: atthi imasmiṃ kāye paṭhavīdhātu āpodhātu tejodhātu vāyodhātūti.

Seyyathāpi bhikkhave dakkho goghātako vā goghātakantevāsī vā gāviṃ vadhitrā caturmahāpathe bilaso paṭivibhajitrā nisinno assa evameva kho bhikkhave bhikkhu imameva kāyaṃ yathāṭṭhitam yathāpaṇihitam dhātuso paccavekkhati atthi imasmiṃ kāye paṭhavīdhātu āpodhātu tejodhātu vāyodhātūti.

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyānupassī viharat Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi kho bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīraṃ sīvathikāya chaḍḍitaṃ ekāhamataṃ vā dvīhamataṃ vā tīhamataṃ vā uddhumātakam vinīlakam vipubbakajātaṃ, so imameva kāyaṃ upasaṃharati: ayampi kho kāyo evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatītoti.

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyānupassī viharati bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Vayadhammānupassī vā kāyasmim

viharati Samudayavayadham mānupassī vā kāyasmim viharati Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattā-ya Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi kho bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīraṃ sīvathikāya chaḍḍitaṃ kākehi vā khajjamānaṃ kulalehi vā khajjamānaṃ gijjhehi vā khajjamānaṃ kaṅkehi vā khajjamānaṃ sunakhehi vā khajjamānaṃ byagghehi vā khajjamānaṃ dīpīhi vā khajjamānaṃ singālehi vā khajjamānaṃ vividhehi vā paṇakajātehi khajjamānaṃ, so imameva kāyaṃ pasaṃharati: ayampi kho kāyo evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatītoti.

Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati Bahiddhā vākāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi kho bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīraṃ sīvathikāya chaḍḍitaṃ aṭṭhikasaṅkhalikaṃ samaṃsalohitaṃ nahārusam-bandhaṃ, so imameva kāyaṃ upasaṃharati: ayampi kho kāyo evaṃ dhammo evambhāvī etaṃ anatītoti.

Iti ajjhattam vā kāye kāyānupassī viharati. Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.

Puna caparam bhikkhave bhikkhu seyyathāpi passeyya sarīram sīvathikāya chaḍḍitam aṭṭhikāni setāni saṅkhavaṇṇupanibhāni, so imeva kāyam upasaṃharati ayampi kho kāyo evaṃ dhammo evaṃ bhāvī evaṃ anatītoti. Iti ajjhattam vā kāye kāyānupassī viharati. Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati. Atthi kāyoti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati. Kathaṇca kho bhikkhave bhikkhu vedanāsu vedanānupassī viharati?

Idha bhikkhave bhikkhu sukham vedanam vediyamānosukham vedanam vediyāmīti pajānāti. Dukkham vedanam vediyamāno dukkham vedanam vediyāmīti pajānāti. Adukkhamasukham vedanam vediyamāno dukkhamasukham vedanam vediyāmīti

pajānāti. Sāmisam vā sukham vedanam vediyamāno sāmisam sukham vedanam vediyāmīti pajānāti. Nirāmisam vā sukham vedanam vediyamāno nirāmisam sukham vedanam vediyāmīti pajānāti. Sāmisam vā dukkham vedanam vediyamāno sāmisam dukkham vedanam vediyāmīti pajānāti. Nirāmisam vā dukkham vedanam vediyamāno nirāmisam dukkham vedanam vediyāmīti pajānāti. Sāmisam vā adukkhamasukham vedanam vediyamāno sāmisam adukkhamasukham vedanam vediyāmīti pajānāti. Nirāmisam vā adukkhamasukham vedanam vediyamāno nirāmisam adukkhamasukham vedanam vediyāmīti pajānāti.

Iti ajjhattam vā vedanāsu vedanānupassī viharati. Bahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati. Ajjhatabahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā vedanāsu viharati. Vayadhammānupassī vā vedanāsu viharati. Samudayavayadhammānupassī vā vedanāsu viharati. Atthi vedanāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho bhikkhave bhikkhu vedanāsu vedanānupassī viharati.

Kathañca pana bhikkhave bhikkhu citte cittānupassī viharati? Idha bhikkhave bhikkhu sarāgam vā cittam sarāgam cittanti pajānāti. Vītarāgam vā cittam vītarāgam cittanti pajānāti. Sadosam vā cittam sadosam cittanti pajānāti. Vītadosam vā cittam vītadosam cittanti pajānāti samoham vā cittam samoham cittanti pajānāti. Vītamoham vā cittam vītamoham cittanti pajānāti.

Saṅkhittam vā cittaṃ saṅkhittam cittaṃti pajānāti.
 Vikkhittam vā cittaṃ vikkhittam cittaṃti pajānāti.
 Mahaggatam vā cittaṃ mahaggatam cittaṃti pajānāti.
 Amahaggatam vā cittaṃ amahaggatam cittaṃti pajānāti.
 Sauttaram vā cittaṃ sauttaram cittaṃti pajānāti. Anut-
 taram vā cittaṃ anuttaram cittaṃti pajānāti. Samāhitam
 vā cittaṃ samāhitam cittaṃti pajānāti. Asamāhitam vā
 cittaṃ asamāhitam cittaṃti pajānāti. Vimuttam vācittam
 vimuttam cittaṃti pajānāti. Avimuttam vā
 cittaṃvimuttam cittaṃti pajānāti.

Iti ajjhattam vā citte cittaṇupassī viharati. Bahiddhā
 vā citte cittaṇupassī viharati. Ajjhatabhiddhā vā citte
 cittaṇupassī viharati. Samudayadhammāṇupassī vā
 cittasmiṃ viharati. Vayadhammāṇupassī vā cittasmiṃ
 viharati samudayavayadhammāṇupassī vā cittasmiṃ
 viharati. Atthi cittaṃti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti
 yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca
 viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho
 bhikkhave bhikkhu citte cittaṇupassī viharati.

Kathaṇca bhikkhave bhikkhu dhammesu
 dhammāṇupassī viharati? Idha bhikkhave bhikkhu
 dhammesu dhammāṇupassī viharati pañcasu nīvaraṇesu.

Kathaṇca pana bhikkhave bhikkhu dhammesu
 dhammāṇupassī viharati pañcasu nīvaraṇesu?

Idha bhikkhave bhikkhu santam vā ajjhattam
 kāmacchandam atthi me ajjhattam kāmacchandoti
 pajānāti. Asantam vā ajjhattam kāmacchandam
 natthi me ajjhattam kāmacchandoti pajānāti. Yathā ca
 anuppannassa kāmacchandassa uppādo hoti, taṇca

pajānāti. Yathā ca uppannassa kāmacchandassa pahānaṃ hoti, tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa kāmacchandassa āyatimaṃ anuppādo hoti, tañca pajānāti.

Santaṃ vā ajjhattaṃ byāpādaṃ atthi me ajjhattaṃ byāpādoti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhattaṃ byāpādaṃ natthi me ajjhattaṃ byāpādoti pajānāti. Yathā ca anuppannassa byāpādassa uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa byāpādassa pahānaṃ hoti, tañcapajānāti. Yathā ca pahīnassa byāpādassa āyatimaṃ anuppādo hoti, tañca pajānāti.

Santaṃ vā ajjhattaṃ thīnamiddhaṃ atthi me ajjhattaṃ thīnamiddhanti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhattaṃ thīnamiddhaṃ natthi me ajjhattaṃ thīnamiddhanti, pajānāti. Yathā cānup-pannassa thīnamiddhassa uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa thīnamiddhas-
sa pahānaṃ hoti, tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa thīnamiddhassa āyatimaṃ anuppādo hoti, tañca pajānāti.

Santaṃ vā ajjhattaṃ uddhaccakukkuccaṃ atthi me ajjhattaṃ uddhaccakukkucanti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhattaṃ uddhaccakukkuccaṃ natthi me ajjhattaṃ uddhaccakukkucanti pajānāti. Yathā ca anuppannassa uddhaccakukkucassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa uddhaccakukkucassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa uddhaccakuk-
kucassa āyatimaṃ anuppādo hoti, tañca pajānāti.

Santaṃ vā ajjhattaṃ vicikicchāṃ atthi me ajjhattaṃ vicikicchāti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhattaṃ vicikicchāṃ natthi me ajjhattaṃ vicikicchāti pajānāti. Yathā ca

anuppannāya vicikicchāya uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannāya vicikicchāya pahānaṃ hoti, tañca pajānāti. Yathā ca pahīnāya vicikicchāya āyatim anuppādo hoti, tañca pajānāti.

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Ajjhattabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Vayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Samudayavayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Atthi dhammāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu nīvaraṇesu.

Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu upādānakkhandhesu. Kathanca bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu upādānakkhandhesu? Idha bhikkhave bhikkhu " iti rūpaṃ, iti rūpassa samudayo, iti rūpassa atthaṅgamo. Iti vedanā, iti vedanāya samudayo, iti vedanāya atthaṅgamo. Iti saññā, iti saññāya samudayo, iti saññāya atthaṅgamo. Iti saṅkhārā, iti saṅkhārānaṃ samudayo, iti saṅkhārānaṃ atthaṅgamo. Iti viññāṇaṃ iti viññāṇassa samudayo, iti viññāṇassa atthaṅgamoti. Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānu passī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Ajjhattabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati.

Samudayadhammānu passī vā dhammesu viharati.
 Vayadhammānupassī vā dhammesu viharati.
 Samudayavayadhammānupassī vā dhammesu viharati.
 Atthi dhammāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti
 yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca
 viharati na ca kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho bhikkhave
 bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati pañcasu
 upādānakkhandhesu. Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu
 dhammesu dhammānupassī viharati chasu
 ajjhattikabāhiresu āyatanesu. Kathaṇca bhikkhave
 bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati chasu
 ajjhattikabāhiresu āyatanesu?

Idha bhikkhave bhikkhu cakkhuṇca pajānāti. Rūpe ca
 pajānāti. Yaṇca tadubhayam paṭicca uppajjati
 saṃyojanam taṇca pajānāti. Yathā ca anuppannassa
 saṃyojanassa uppādo hoti taṇca pajānāti. Yathā ca
 uppannassa saṃyojanassa pahānam hoti taṇca pajānāti.
 Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti
 taṇca pajānāti.

Sotaṇca pajānāti. Sadde ca pajānāti yaṇca
 tadubhayam paṭicca uppajjati saṃyojanam taṇca
 pajānāti. Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo
 hoti taṇca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa
 pahānam hoti taṇca pajānāti. Yathā ca pahīnassa
 saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti taṇca pajānāti.

Ghāṇaṇca pajānāti. Gandhe ca pajānāti yaṇca
 tadubhayam paṭicca uppajjati saṃyojanam taṇca
 pajānāti. Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo
 hoti taṇca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa

pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti.

Jivhañca pajānāti. Rase ca pajānāti yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ tañca pajānāti. Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti.

Kāyañca pajānāti. Phoṭṭhabbeca pajānāti yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ tañca pajānāti Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃ hoti tañca pajānāti. Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti. Manañca pajānāti. Dhamme ca pajānāti yañca tadubhayaṃ paṭicca uppajjati saṃyojanaṃ tañca pajānāti. Yathā ca anuppannassa saṃyojanassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa saṃyojanassa pahānaṃhoti tañca pajānāti Yathā ca pahīnassa saṃyojanassa āyatim anuppādo hoti tañca pajānāti.

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Ajjhatabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Vayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Samudayavayadham mānupassī vā dhammesu viharatiAtthi dhammāti vā panassa sati paccupatṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evaṃ kho

bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati chasu ajjhattikabāhiresu āyatanesu.

Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati sattasubojjhaṅgesu. Kathañca bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati sattasu bojjhaṅgesu?

Idha bhikkhave bhikkhu santaṃ vā ajjhattaṃ satisambojjhaṅgaṃ atthi me ajjhattaṃ satisambojjhaṅgoti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhattaṃ satisambojjhaṅgaṃ natthi me ajjhattaṃ satisambojjhaṅgoti pajānāti. Yathā ca anuppannassa satisambojjhaṅgassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathāca uppannassa satisambojjhaṅgassa bhāvanāpāripūrī hoti tañca pajānāti.

Santaṃ vā ajjhattaṃ dhammavicayasambojjhaṅgaṃ atthi me ajjhattaṃ dhammavicayasambojjhaṅgoti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhattaṃ dhammavicayasambojjhaṅgaṃ natthi me ajjhattaṃ dhammavicayasambojjhaṅgoti pajānāti. Yathā ca anuppannassa dhammavicayasambojjhaṅgassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa dhammavicayasambojjhaṅgassa bhāvanāpāripūrī hoti tañca pajānāti.

Santaṃ vā ajjhattaṃ viriyasambojjhaṅgaṃ atthi me ajjhattaṃ viriyasambojjhaṅgoti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhattaṃ viriyasambojjhaṅgaṃ natthi me ajjhattaṃ viriyasambojjhaṅgoti pajānāti. Yathā ca anuppannassa viriyasambojjhaṅgassa uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa viriyasambojjhaṅgassa bhāvanāpāripūrī hoti tañca pajānāti.

Santaṃ vā ajjhataṃ pītisaṃbojjhaṅgaṃ atthi me ajjhataṃ pītisaṃbojjhaṅgoti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhataṃ pītisaṃbojjhaṅgaṃ natthi me ajjhataṃ pītisaṃbojjhaṅgoti pajānāti. Yathā ca anuppannassa pītisaṃbojjhaṅgassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa pītisaṃbojjhaṅgassa bhāvanāpāripūrī hoti tañca pajānāti.

Santaṃ vā ajjhataṃ passaddhisambojjhaṅgaṃ atthi me ajjhataṃ passaddhisambojjhaṅgoti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhataṃ passaddhisambojjhaṅgaṃ natthi me ajjhataṃ passaddhisambojjhaṅgoti pajānāti. Yathāca anuppannassa passaddhisambojjhaṅgassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa passaddhisambojjhaṅgassa bhāvanāpāripūrī hoti tañcapajānāti. Santaṃ vā ajjhataṃ samādhisambojjhaṅgaṃ atthi me ajjhataṃ samādhisambojjhaṅgoti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhataṃ samādhisambojjhaṅgaṃ natthi me ajjhataṃ samādhisambojjhaṅgoti pajānāti. Yathā ca anuppannassa samādhisambojjhaṅgassa uppādo hoti, tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa samādhisambojjhaṅgassa bhāvanāpāripūrī hoti tañca pajānāti.

Santaṃ vā ajjhataṃ upekkhāsambojjhaṅgaṃ atthi me ajjhataṃ upekkhāsambojjhaṅgoti pajānāti. Asantaṃ vā ajjhataṃ upekkhāsambojjhaṅgaṃ natthi me ajjhataṃ upekkhāsambojjhaṅgoti pajānāti. Yathā ca anuppannassa upekkhāsambojjhaṅgassa uppādo hoti tañca pajānāti. Yathā ca uppannassa upekkhāsambojjhaṅgassa bhāvanāpāripūrī hoti tañca pajānāti.

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Ajjhattabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Vayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Samudayavayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Atthi dhammāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi kho bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati sattasu bojjhaṅgesu.

Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati catūsu ariyasaccesu. Kathañca bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati catūsu ariyasaccesu? Idha bhikkhave bhikkhu idaṃ dukkhanti yathābhūtaṃ pajānāti. Ayaṃ dukkhasamudayoti yathābhūtaṃ pajānāti. Ayaṃ dukkhanirodhoti yathābhūtaṃ pajānāti. Ayaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ti yathābhūtaṃ pajānāti.

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati. Ajjhattabahiddhāvā dhammesu dhammānupassī viharati. Samudayadhammānupassī vā dhammesu viharati vayadhammānupassī vā dhammesu viharati. Samudayavaya dhammānupassī vā dhammesu viharati. Atthi dhammāti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya. Anissito ca viharati. Na ca kiñci loke upādiyati. Evampi kho

bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati catūsu ariyasaccesu.

Yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya satta vassāni, tassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave satta vassāni, yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya chabbassāni tassadvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave chabbassāni, yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya pañcavassāni tassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave pañcavassāni, yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya cattāri vassāni tassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave cattāri vassāni, yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya tīṇi vassānitassa dvinnaṃ phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave tīṇi vassāni yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya dve vassāni

tassa dvinnam phalānam aññataram
phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā
upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave dve vassāni yo hi koci bhikkhave
ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya ekaṃ vassaṃ
tassa dvinnam phalānaṃañ-ñataram phalam
pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese
anāgāmitā.

Tiṭṭhatu bhikkhave ekaṃ vassaṃ, yo hi koci
bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya satta
māsāni, tassa dvinnam phalānam aññataram phalam
pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese
anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave satta māsāni, yo hi koci
bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya
cha māsāni tassa dvinnam phalānam aññataram phalam
pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā sati vā upādisese
anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave cha māsāni, yo hi koci
bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya
pañca māsāni tassa dvinnam phalānam aññataram
phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā
upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave pañca māsāni, yo hi koci
bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya
cattāri māsāni tassa dvinnam phalānam aññataram
phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā
upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave cattāri māsāni, yo hi koci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya tīṇi māsāni tassa dvinnam phalānam aññataram phalam pāṭikaṅkhamdiṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave tīṇi māsāni, yo hi koci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya dve māsāni tassa dvinnam phalānam aññataram phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhantu bhikkhave dve māsāni, yo hi koci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya māsaṃ tassa dvinnam phalānam aññataram phalam pāṭikaṅkham diṭṭheva dhamme aññā sati vā upādisese anāgāmitā.

Tiṭṭhatu bhikkhave māsaṃ, yo hi koci bhikkhave ime cattāro sati satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyyā addhamāsaṃ tassa dvinnam phalānam aññataram phalam pāṭikaṅkham diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā tiṭṭhatu bhikkhave addhamāso, yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya sattāhaṃ tassa dvinnam phalānam aññataram phalam pāṭikaṅkham: diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo sattānaṃ visuddhiyā sokaparidevānaṃ samatikkamāya dukkhado-manassānaṃ atthaṅgamāya ñāyassa adhigamāya nibbānassa sacchikiriyaṃ yadidaṃ cattāro satipaṭṭhānā-ti, iti yaṃ taṃ vuttaṃ idametam paṭicca vuttanti.

Idamavoca bhagavā. Attamanā te bhikkhū bhagavato
bhāsitam abhinanduntī.

KINH TỤNG NGÀY THỨ 3

HẠNH PHÚC KINH (*Maṅgalasuttārambho*)

Bố Cáo

Ye santā santacittā tisaṇasaraṇā ettha lokantare vā.
Bhummā bhummā ca devā guṇagaṇagahaṇabyāvaṭā
sabbakālaṃ. Ete āyantu devā varakanakamaye merurāje
vasanto. Santo santo sahetuṃ munivaravacanaṃ
sotumaggaṃ samaggaṃ.

Sabbesu cakkavālesu, Yakkhā devā ca brahmuno,
Yaṃ amhehi kataṃ puññaṃ, Sabbasampattisādhakaṃ.
Sabbe taṃ anumoditvā, Samaggā sāsane ratā,
Pamādarahitā hontu, Ārakkhāsu visesato.

Sāsanassa ca lokassa, Vuḍḍhī bhavatu sabbadā,
Sāsanampi ca lokañca, Devā rakkhantu sabbadā.
Saddhiṃ hontu sukhī sabbe, Parivārehi attano, Anīghā
sumanā hontu, Saha sabbehi ñātibhi. Yañca dvādasa
vassāni, Cintayimsu sadevakā, Cirassaṃ cintayantāpi,
Neva jānimsu maṅgalaṃ, Cakkavālasahassesu, Dasasu
yena tattakaṃ, Kālaṃ kolāhalaṃ jātaṃ, Yāva
brahmanivesanā.

Yaṃ lokanātho desesi, Sabbapāpavināsaṇaṃ, Yaṃ
sutvā sabbadukkhehi, Muñcantāsaṅkhiyā narā,
Evamādiḡuṇūpetāṃ, Maṅgalantambhaṇāma he.

KINH HẠNH PHÚC (*Maṅgalasutta*)

Evam me sutam:

Ekam samayaṃ bhagavā sāvatthiyaṃ viharati
jetavane anāṭṭhapiṇḍikassa ārāme. Atha kho aññatarā
devatā abhikkantāya rattiyaṃ abhikkantavaṇṇā kevalakap-
paṃ jetavanaṃ obhāsetvā yena bhagavā tenupasaṅkami
upasaṅkamitvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ
aṭṭhāsi. Ekamantaṃ ṭhitā kho sā devatā bhagavantaṃ
gāṭhāya ajjhabhāsi.

Bahū devā manussā ca
Maṅgalāni acintayum
Ākaṅkhamānā sotthānaṃ
Brūhi maṅgalamuttamaṃ.

1. Asevanā ca bālānaṃ
Paṇḍitānañca sevā
Pūjā ca pūjaneyyānaṃ
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.
2. Paṭirūpadesavāso ca
Pubbe ca katapuññatā
Attasammāpaṇidhi ca
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.
3. Bāhusaccañ ca sippaṇca
Vinayo ca susikkhito
Subhāsītā ca yā vācā
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.

4. Mātāpitu upatṭhānaṃ
Puttadārassa saṅgaho
Anākulā ca kammantā
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.
5. Dānañca dhammacariyā ca
Ñātakānañca saṅgaho
Anavajjāni kammāni
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.
6. Āratī viratī pāpā
Majjapānā ca saññaṃ
Appamādo ca dhammesu
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.
7. Gāravo ca nivāto ca
Santutṭhī ca kataññutā
Kālena dhammassavanaṃ
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.
8. Khantī ca sovacassatā
Samañānañca dassanaṃ
Kālena dhammasākacchā
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.
9. Tapo ca brahmacariyañca
Ariyasaccānadassanaṃ
Nibbānasacchikiriyaṃ ca
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.
10. Phuṭṭhassa lokadhammehi
Cittaṃ yassa na kampati
Asokaṃ virajaṃ khemaṃ
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.

Etādisāni katvāna
Sabbatthamaparājītā
Sabbattha sotthiṃ gacchanti
Taṃ tesam maṅgalamuttamanti.

KINH HỒI HUỚNG VONG LINH

Tiroduḍḍesu tiṭṭhanti
 Sandhisinḥhāṭakesu ca
 Dvārabāhāsu tiṭṭhanti
 Āgantvāna sakam gharam.

Pahūte annapānamhi
 Khajjabhojje upatṭhite
 Na tesam koci sarati
 Sattānam kammappaccayā.

Evam dadanti ñātīnam
 Ye honti anukampakā
 Sucim paṇītam kālena
 Kappiyam pānabhojanam
 Idam vo ñātīnam hotu
 Sukhitā hontu ñātayo.

Te ca tattha samāgantvā
 Ñātīpetā samāgatā
 Pahūte annapānamhi
 Sakkaccam anumodare.

Ciram jīvantu no ñātī.
 Yesam hetu labhāmase
 Amhākam ca katā pūjā
 Dāyakā ca anipphalā.

Na hi tattha kasī atthi.
 Gorakkhettha na vijjati
 Vāṇijjā tādīsī natthi

Hiraññaena kayokayaṃ
 Ito dinnena yāpentī
 Petā kālakantā tahiṃ.

Unname udakaṃ vuṭṭhaṃ
 Yathā ninnāṃ pavattati
 Evameva ito dinnāṃ
 Petānaṃ upakappati.

Yathā vārivahā pūrā
 Paripūrentī sāgaraṃ
 Evameva ito dinnāṃ
 Petānaṃ upakappati.

Adāsi me akāsi me
 Ñātimittā sakhā ca me
 Petānaṃ dakkhiṇaṃ dajjā
 Pubbe katamanussaraṃ.

Na hi ruṇṇaṃ vā soko vā
 yā vaññaṃ paridevaṇā
 Na taṃ petānamatthāya
 Evaṃ tiṭṭhanti ñātayo.

Ayaṃ kho dakkhiṇā dinnā
 Saṅghamhi suppatitṭhitā
 Dīgharattaṃ hitāyassa
 tṭhānaso upakappati.

So ñātidhammo ca ayaṃ nidassito
 Petānapūjā ca katā ulārā
 Balañca bhikkhūnāmanuppadinnaṃ
 Tumhehi puññaṃ pasutaṃ anappakaṃ

KINH LỄ BÁI SÁU PHƯƠNG (*Siṅgalovadasutta*)

Evam me sutam – ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veluvane kalandakanivāpe. Tena kho pana samayena siṅgālako gahapatiputto kālasseva utthāya rājagahā nikkhamitvā allavattho allakeso pañjaliko puthudisā namassati – puratthimaṃ disaṃ dakkhiṇaṃ disaṃ pacchimaṃ disaṃ uttaraṃ disaṃ hetthimaṃ disaṃ uparimaṃ disaṃ.

Atha kho bhagavā pubbaṇhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaramādāya rājagahaṃ piṇḍāya pāvisi. Addasā kho bhagavā siṅgālakaṃ gahapatiputtaṃ kālasseva vutthāya rājagahā nikkhamitvā allavatthaṃ allakesaṃ pañjalikaṃ puthudisā namassantaṃ – puratthimaṃ disaṃ dakkhiṇaṃ disaṃ pacchimaṃ disaṃ uttaraṃ disaṃ hetthimaṃ disaṃ uparimaṃ disaṃ. Disvā siṅgālakaṃ gahapatiputtaṃ etadavoca – “kiṃ nu kho tvam, gahapatiputta, kālasseva utthāya rājagahā nikkhamitvā allavattho allakeso pañjaliko puthudisā namassasi – puratthimaṃ disaṃ dakkhiṇaṃ disaṃ pacchimaṃ disaṃ uttaraṃ disaṃ hetthimaṃ disaṃ uparimaṃ disanti? “Pitā maṃ, bhante, kālaṃ karonto evaṃ avaca – ‘disā, tāta, namasseyyāsi’ti. So kho ahaṃ, bhante, pituvacanaṃ sakkaronto garuṃ karonto mānento pūjento kālasseva utthāya rājagahā nikkhamitvā allavattho allakeso pañjaliko puthudisā namassāmi – puratthimaṃ disaṃ dakkhiṇaṃ disaṃ pacchimaṃ disaṃ uttaraṃ disaṃ hetthimaṃ disaṃ uparimaṃ disanti.

“Na kho, gahapatiputta, ariyassa vinaye evaṃ cha disā namassitabbā”ti. “Yathā kathaṃ pana, bhante, ariyassa vinaye cha disā namassitabbā? Sādhū me, bhante, bhagavā tathā dhammaṃ desetu, yathā ariyassa vinaye cha disā namassitabbā”ti.

“Tena hi, gahapatiputta suṇohi sādhukaṃ manasikarohi bhāsissāmī”ti. “Evaṃ, bhante”ti kho siṅgālako gahapatiputto bhagavato paccassosi. Bhagavā etadavoca

—
 “Yato kho, gahapatiputta, ariyasāvakassa cattāro kammakilesā pahīnā honti, catūhi ca tṭhānehi pāpakammaṃ na karoti, cha ca bhogānaṃ apāyamukhāni na sevati, so evaṃ cuddasa pāpakāpagato chaddisāpaṭicchādī ubholokavijayāya paṭipanno hoti. Tassa ayañceva loko āraddho hoti paro ca loko. So kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggamaṃ lokaṃ upapajjati.

Cattārokammakilesā

“Katamassa cattāro kammakilesā pahīnā honti? Pāṇātipāto kho, gahapatiputta, kammakilesa, adinnādānaṃ kammakilesa, kāmesumicchācāro kammakilesa, musāvādo kammakilesa. Imassa cattāro kammakilesā pahīnā hontī”ti. Idamavoca bhagavā, idaṃ vatvāna sugato athāparaṃ etadavoca satthā —

“Pāṇātipāto adinnādānaṃ, musāvādo ca vuccati;

Paradāragamanañceva, nappasaṃsanti paṇḍitā”ti.

Catuṭṭhānaṃ

“Katamehi catūhi ṭhānehi pāpakammaṃ na karoti? Chandāgatiṃ gacchanto pāpakammaṃ karoti, dosāgatiṃ gacchanto pāpakammaṃ karoti, mohāgatiṃ gacchanto pāpakammaṃ karoti, bhayāgatiṃ gacchanto pāpakammaṃ karoti. Yato kho, gahapatiputta, ariyasāvako neva chandāgatiṃ gacchati, na dosāgatiṃ gacchati, na mohāgatiṃ gacchati, na bhayāgatiṃ gacchati; imehi catūhi ṭhānehi pāpakammaṃ na karotī”ti. Idamavoca bhagavā, idaṃ vatvāna sugato athāparam etadavoca satthā –

“Chandā dosā bhayā mohā, yo dhammaṃ ativattati;
Nihīyati yaso tassa, kāḷapakkheva candimā.

“Chandā dosā bhayā mohā, yo dhammaṃ nātivattati;
Āpūراتi yaso tassa, sukkapakkheva candimā”ti.

Cha apāyamukhāni

“Katamāni cha bhogānaṃ apāyamukhāni na sevati? Surāmerayamajjappamādatṭhānānuyogo kho, gahapatiputta, bhogānaṃ apāyamukhaṃ, vikālavisikhā-cariyānuyogo bhogānaṃ apāyamukhaṃ, samajjā-bhicaṇaṃ bhogānaṃ apāyamukhaṃ, jūtappamā-datṭhānānuyogo bhogānaṃ apāyamukhaṃ, pāpamittānuyogo bhogānaṃ apāyamukhaṃ, ālasyānuyogo

bhogānaṃ apāyamukhaṃ.

Surāmerayassa cha ādīnavā

“Cha khome, gahapatiputta, ādīnavā surāmerayamaj-jappamādaṭṭhānānuyoge. Sandiṭṭhikā dhanajāni, kalahappavaḍḍhanī, rogānaṃ āyatanam, akittisañjananī, kopīnanidaṃsanī, paññāya dubbalikaraṇītveva chaṭṭhaṃ padaṃ bhavati. Ime kho, gahapatiputta, cha ādīnavā surāmerayamajjappamādaṭṭhānānuyoge.

Vikālacariyāya cha ādīnavā

“Cha khome, gahapatiputta, ādīnavā vikālavisikhā-cariyānuyoge. Attāpissa agutto arakkhito hoti, puttadāropissa agutto arakkhito hoti, sāpateyyaṃpissa aguttaṃ arakkhitaṃ hoti, saṅkiyo ca hoti pāpakesu ṭhānesu, abhūtavacanañca tasmaṃ rūhati, bahūnañca dukkhadhammānaṃ purakkhato hoti. Ime kho, gahapatiputta, cha ādīnavā vikālavisikhācariyānuyoge.

Samajjābhicaraṇassa cha ādīnavā

“Cha khome, gahapatiputta, ādīnavā samajjābhicaraṇe. Kva naccaṃ, kva gītaṃ, kva vādiṭṭhaṃ, kva akkhānaṃ, kva pāṇissaraṃ, kva kumbhathunanti. Ime kho, gahapatiputta, cha ādīnavā samajjābhicaraṇe.

Jūtappamādassa cha ādīnavā

“Cha khome, gahapatiputta, ādīnavā jūtappamādaṭṭhānānuyoge. Jayam veram pasavati, jino vittamanuso-cati, sandiṭṭhikā dhanajāni, sabhāgatassa vacanam na rūhati, mittāmaccānam paribhūto hoti, āvāhavivāhakānam apatthito hoti – ‘akkhadhutto ayam purisapuggalo nālam dārabharaṇāyā’ti. Ime kho, gahapatiputta, cha ādīnavā jūtappamādaṭṭhānānuyoge.

Pāpamittatāya cha ādīnavā

“Cha khome, gahapatiputta, ādīnavā pāpamittānuyoge. Ye dhuttā, ye soṇḍā, ye pipāsā, ye nekatikā, ye vañcanikā, ye sāhasikā. Tyāssa mittā honti te sahāyā. Ime kho, gahapatiputta, cha ādīnavā pāpamittānuyoge.

Ālasyassa cha ādīnavā

“Cha khome, gahapatiputta, ādīnavā ālasyānuyoge. Atisītanti kammaṃ na karoti, atiuṇhanti kammaṃ na karoti, atisāyanti kammaṃ na karoti, atipātoti kammaṃ na karoti, atichātosmīti kammaṃ na karoti, atidhātosmīti kammaṃ na karoti. Tassa evam kiccāpadesabahulassa viharato anuppannā ceva bhogā nuppajjanti, uppannā ca bhogā parikkhayam gacchanti. Ime kho, gahapatiputta, cha ādīnavā ālasyānuyoge’’ti. Idamavoca bhagavā, idam vatvāna sugato athāparam etadavoca satthā –

“Hoti pānasakhā nāma,
Hoti sammiyasammiyo;
Yo ca atthesu jātesu,

Sahāyo hoti so sakhā.

“Ussūraseyyā paradārasevanā,
Verappasavo ca anattatā ca;
Pāpā ca mittā sukadariyatā ca,
Ete cha ṭhānā purisaṃ dhaṃsayanti.

“Pāpamitto pāpasakho,
Pāpaācāragocarō;
Asmā lokā paramhā ca,
Ubhayā dhaṃsate naro.

“Akkhitthiyo vāruṇī naccagītaṃ,
Divā soppaṃ pāricariyā akāle;
Pāpā ca mittā sukadariyatā ca,
Ete cha ṭhānā purisaṃ dhaṃsayanti.

“Akkhehi dibbanti suraṃ pivanti,
Yantitthiyo pāṇasaṃ paresaṃ;
Nihīnasevī na ca vuddhasevī,
Nihīyate kālapakkheva cando.

“Yo vāruṇī addhano akiñcano,
Pipāso pivaṃ papāgato;
Udakamiva iṇaṃ vigāhati,
Akulaṃ kāhiti khippamattano.

“Na divā soppasīlena, rattimuṭṭhānadessinā;
Niccaṃ mattenā soṇḍena, sakkā āvasituṃ gharaṃ.

“Atisītaṃ atiunhaṃ, atisāyamidaṃ ahu;
Iti vissatṭhakammante, atthā accenti māṇave.

“Yodha sītañca unhañca, tiṇā bhiyyo na maññati;
Karaṃ purisakiccāni, so sukhaṃ na vihāyatī”ti.

Mittapatirūpakā

“Cattārome, gahapatiputta, amittā mittapatirūpakā
veditabbā. Aññadatthuharo amitto mittapatirūpako
veditabbo, vacīparamo amitto mittapatirūpako
veditabbo, anuppiyabhāṇī amitto mittapatirūpako
veditabbo, apāyasahāyo amitto mittapatirūpako
veditabbo.

“Catūhi kho, gahapatiputta, ṭhānehi aññadatthuharo
amitto mittapatirūpako veditabbo.

“Aññadatthuharo hoti, appena bahumicchati ;
Bhayassa kiccaṃ karoti, sevati atthakāraṇā.

“Imehi kho, gahapatiputta, catūhi ṭhānehi aññadat-
thuharo amitto mittapatirūpako veditabbo.

“Catūhi kho, gahapatiputta, ṭhānehi vacīparamo amitto
mittapatirūpako veditabbo. Atītena paṭisantharati,
anāgatena paṭisantharati, niratthakena saṅgaṇhāti,
paccuppannesu kiccesu byasanaṃ dasseti. Imehi kho,
gahapatiputta, catūhi ṭhānehi vacīparamo amitto
mittapatirūpako veditabbo.

“Catūhi kho, gahapatiputta, ṭhānehi anuppiyabhāṇī amitto mittapatirūpako veditabbo. Pāpakāṃpissa anujānāti, kalyāṇāṃpissa anujānāti, sammukhāssa vaṇṇaṃ bhāsati, parammukhāssa avaṇṇaṃ bhāsati. Imehi kho, gahapatiputta, catūhi ṭhānehi anuppiyabhāṇī amitto mittapatirūpako veditabbo.

“Catūhi kho, gahapatiputta, ṭhānehi apāyasahāyo amitto mittapatirūpako veditabbo. Surāmeraya majjappamādaṭṭhānānuyoge sahāyo hoti, vikāla visikhā cariyānuyoge sahāyo hoti, samajjābhicaraṇe sahāyo hoti, jūtappamādaṭṭhānānuyoge sahāyo hoti. Imehi kho, gahapatiputta, catūhi ṭhānehi apāyasahāyo amitto mittapatirūpako veditabbo”ti.

Idamavoca bhagavā, idaṃ vatvāna sugato athāparaṃ etadavoca satthā –

“Aññadatthuharo mitto, yo ca mitto vacīparo;
Anuppiyañca yo āha, apāyesu ca yo sakhā.

Ete amitte cattāro, iti viññāya paṇḍito;
Ārakā parivajjeyya, maggaṃ paṭibhayaṃ yathā”ti.

Suhadamitto

“Cattārome, gahapatiputta, mittā suhadā veditabbā. Upakāro mitto suhado veditabbo, samānasukhadukkho mitto suhado veditabbo, atthakkhāyī mitto suhado

veditabbo, anukampako mitto suhado veditabbo.

“Catūhi kho, gahapatiputta, ṭhānehi upakāro mitto suhado veditabbo. Pamattaṃ rakkhati, pamattassa sāpateyyaṃ rakkhati, bhītassa saraṇaṃ hoti, uppannesu kiccakaraṇīyesu taddiguṇaṃ bhogaṃ anuppadeti. Imehi kho, gahapatiputta, catūhi ṭhānehi upakāro mitto suhado veditabbo.

“Catūhi kho, gahapatiputta, ṭhānehi samā-nasukhadukkho mitto suhado veditabbo. Guyhamassa ācikkhati, guyhamassa parigūhati, āpadāsu na vijahati, jīvitam-pissa atthāya pariccattaṃ hoti. Imehi kho, gahapatiputta, catūhi ṭhānehi samānasukhadukkho mitto suhado veditabbo.

“Catūhi kho, gahapatiputta, ṭhānehi atthakkhāyī mitto suhado veditabbo. Pāpā nivāreti, kalyāṇe niveseti, assutaṃ sāvetai, saggassa maggaṃ ācikkhati. Imehi kho, gahapatiputta, catūhi ṭhānehi atthakkhāyī mitto suhado veditabbo.

“Catūhi kho, gahapatiputta, ṭhānehi anukampako mitto suhado veditabbo. Abhavenassa na nandati, bhavenassa nandati, avaṇṇaṃ bhaṇamānaṃ nivāreti, vaṇṇaṃ bhaṇamānaṃ pasamsati. Imehi kho, gahapatiputta, catūhi ṭhānehi anukampako mitto suhado veditabbo”ti.

Idamavoca bhagavā, idaṃ vatvāna sugato athāparaṃ etadavoca satthā –

“Upakāro ca yo mitto, sukhe dukkhe ca yo sakhā;
Atthakkhāyī ca yo mitto, yo ca mittānukampako.

“Etepi mitte cattāro, iti viññāya paṇḍito;
Sakkaccaṃ payirupāseyya, mātā puttāṃ va orasaṃ;
Paṇḍito sīlasampanno, jalaṃ aggīva bhāsati.

“Bhoge saṃharamānassa, bhamarasseva irīyato;
Bhogā sannicayaṃ yanti, vammikovupacīyati.

“Evaṃ bhoge samāhatvā, alamatto kule gihī;
Catudhā vibhaje bhoge, sa ve mittāni ganthati.

“Ekena bhoge bhuñjeyya, dvīhi kammaṃ payojaye;
Catutthañca nidhāpeyya, āpadāsu bhavissatī”ti.

Chaddisāpaṭicchādanakaṇḍaṃ

“Kathañca, gahapatiputta, ariyasāvako chaddisāpaṭicchādī hoti? Cha imā, gahapatiputta, disā veditabbā. Puratthimā disā mātāpitāro veditabbā, dakkhiṇā disā ācariyā veditabbā, pacchimā disā puttadārā veditabbā, uttarā disā mittāmacca veditabbā, heṭṭhimā disā dāsakammakarā veditabbā, uparimā disā samaṇabrāhmaṇā veditabbā.

“Pañcahi kho, gahapatiputta, tṭhānehi puttena puratthimā disā mātāpitāro paccupaṭṭhātabbā — bhato ne bharissāmi, kiccaṃ nesaṃ karissāmi, kulavaṃsaṃ

ṭhapessāmi, dāyajjaṃ paṭipajjāmi, atha vā pana petānaṃ kālāṅkatānaṃ dakkhiṇaṃ anuppadassāmīti. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi puttena puratthimā disā mātāpitaro paccupaṭṭhitā pañcahi ṭhānehi puttaṃ anukampanti. Pāpā nivārenti, kalyāṇe nivesenti, sippaṃ sikkhāpentī, patirūpena dārena saṃyojenti, samaye dāyajjaṃ niyyādentī. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi puttena puratthimā disā mātāpitaro paccupaṭṭhitā imehi pañcahi ṭhānehi puttaṃ anukampanti. Evamassa esā puratthimā disā paṭicchannā hoti khemā appaṭibhaya.

“Pañcahi kho, gahapatiputta, ṭhānehi antevāsinā dakkhiṇā disā ācariyā paccupaṭṭhātabbā – uṭṭhānena upaṭṭhānena sussusāya pāricariyāya sakkaccaṃ sippapaṭiggahaṇena. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi antevāsinā dakkhiṇā disā ācariyā paccupaṭṭhitā pañcahi ṭhānehi antevāsiṃ anukampanti – suvinītaṃ vinenti, suggahitaṃ gāhāpentī, sabbasippassutaṃ samakkhāyino bhavanti, mittāmaccesu paṭiyādentī, disāsu parittānaṃ karonti. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi antevāsinā dakkhiṇā disā ācariyā paccupaṭṭhitā imehi pañcahi ṭhānehi antevāsiṃ anukampanti. Evamassa esā dakkhiṇā disā paṭicchannā hoti khemā appaṭibhaya.

“Pañcahi kho, gahapatiputta, ṭhānehi sāmikena pacchimā disā bhariyā paccupaṭṭhātabbā – sammānanāya anavamānanāya anaticariyāya issariyavossaggena alaṅkāranuppadānena. Imehi kho, gahapatiputta,

pañcahi ṭhānehi sāmikena pacchimā disā bhariyā paccupaṭṭhitā pañcahi ṭhānehi sāmikaṃ anukampati – susaṃvihitakammantā ca hoti, saṅgahitaparijanā ca, anaticārinī ca, sambhatañca anurakkhati, dakkhā ca hoti analasā sabbakiccesu. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi sāmikena pacchimā disā bhariyā paccupaṭṭhitā imehi pañcahi ṭhānehi sāmikaṃ anukampati. Evamassa esā pacchimā disā paṭicchannā hoti khemā appaṭibhayā.

“Pañcahi kho, gahapatiputta, ṭhānehi kulaputtena uttarā disā mittāmaccā paccupaṭṭhātabbā – dānena peyyavajjena atthacariyāya samānattatāya avisaṃvādanatāya. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi kulaputtena uttarā disā mittāmaccā paccupaṭṭhitā pañcahi ṭhānehi kulaputtaṃ anukampanti – pamattaṃ rakkhanti, pamattassa sāpateyyaṃ rakkhanti, bhīssa saraṇaṃ honti, āpadāsu na vijahanti, aparapajā cassa paṭipūjenti. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi kulaputtena uttarā disā mittāmaccā paccupaṭṭhitā imehi pañcahi ṭhānehi kulaputtaṃ anukampanti. Evamassa esā uttarā disā paṭicchannā hoti khemā appaṭibhayā.

“Pañcahi kho, gahapatiputta, ṭhānehi ayyirakena heṭṭhimā disā dāsakammakarā paccupaṭṭhātabbā – yathābalaṃ kammantasamvidhānena bhattavetanānuppadānena gilānupaṭṭhānena acchariyānaṃ rasānaṃ saṃvibhāgena samaye vossaggena. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi ayyirakena heṭṭhimā disā dāsakammakarā paccupaṭṭhitā pañcahi ṭhānehi ayyirakaṃ anukampanti – pubbuṭṭhāyino ca honti,

pacchā nipātino ca, dinnādāyino ca, sukatakammakarā ca, kittivaṇṇaharā ca. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi ayyirakena heṭṭhimā disā dāsakammakarā paccupaṭṭhitā imehi pañcahi ṭhānehi ayyirakaṃ anukampanti. Evamassa esā heṭṭhimā disā paṭicchannā hoti khemā appaṭibhayā.

“Pañcahi kho, gahapatiputta, ṭhānehi kulaputtana uparimā disā samaṇabrāhmaṇā paccupaṭṭhātabbā – mettena kāyakammena mettena vacīkammena mettena manokammena anāvaṭadvāratāya āmisānuppādānena. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi kulaputtana uparimā disā samaṇabrāhmaṇā paccupaṭṭhitā chahi ṭhānehi kulaputtaṃ anukampanti – pāpā nivārenti, kalyāṇe nivesenti, kalyāṇena manasā anukampanti, assutaṃ sāventi, suttaṃ pariyodāpentī, saggassa maggaṃ ācikkhanti. Imehi kho, gahapatiputta, pañcahi ṭhānehi kulaputtana uparimā disā samaṇabrāhmaṇā paccupaṭṭhitā imehi chahi ṭhānehi kulaputtaṃ anukampanti. Evamassa esā uparimā disā paṭicchannā hoti khemā appaṭibhayā”ti.

Idamavoca bhagavā. Idaṃ vatvāna sugato athāparaṃ etadavoca satthā –

“Mātāpitā disā pubbā, ācariyā dakkhiṇā disā; Puttadārā disā pacchā, mittāmaccā ca uttarā.

“Dāsakammakarā heṭṭhā, uddhaṃ samaṇabrāhmaṇā; Etā disā namasseyya, alamatto kule gihī.

“Paṇḍito sīlasampanno, saṇho ca paṭibhānavā;
Nivātavutti atthaddho, tādiso labhate yasaṃ.

“Uṭṭhānako analaso, āpadāsu na vedhati;
Acchinnavutti medhāvī, tādiso labhate yasaṃ.

“Saṅgāhako mittakaro, vadaññū vītamaccharo;
Netā vinetā anunetā, tādiso labhate yasaṃ.

“Dānañca peyyavajjañca, atthacariyā ca yā idha;
Samānattatā ca dhammesu, tattha tattha yathārahaṃ;
Ete kho saṅgahā loke, rathassāṇīva yāyato.

“Ete ca saṅgahā nāssu, na mātā puttakāraṇā;
Labhetha mānaṃ pūjaṃ vā, pitā vā puttakāraṇā.

“Yasmā ca saṅgahā ete, sammapekkhanti paṇḍitā;
Tasmā mahattaṃ papponti, pāsaṃsā ca bhavanti te”ti.

Evam vutte, siṅgālako gahapatiputto bhagavantam etadavoca — “abhikkantaṃ, bhante! Abhikkantaṃ, bhante! Seyyathāpi, bhante, nikkujjitaṃ vā ukkujjeyya, paṭicchannaṃ vā vivareyya, mūlhassa vā maggaṃ ācikkheyya, andhakāre vā telapajjotaṃ dhāreyya ‘cakkhumanto rūpāni dakkhanti’ti. Evamevaṃ bhagavatā anekapariyāyena dhammo pakāsito. Esāhaṃ, bhante, bhagavantam saraṇaṃ gacchāmi dhammañca bhikkhusaṃghañca. Upāsakaṃ maṃ bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃti.

KINH TỤNG NGÀY THỨ 4

KINH CHÂU BÁU (*Ratanasutta*)

Bố cáo

Paṇḍhānato paṭṭhāya tathāgatassa dasa
 Pāramiyo dasa upapāramiyo dasa
 Paramatthapāramiyo pañca mahāpariccāge
 Tisso cariyā pacchimabbhave gabbhā
 Vakkantiṃ jātiṃ abhinikkhamanaṃ
 Padhānacariyaṃ bodhipallaṅke mārāvija-
 Yaṃ sabbaññutaññāṇappaṭivedhaṃ nava
 Lokuttaradhammeti sabbe pime buddhagūṇe
 āvajjitvā vesāliyā tīsu pākārantaresu
 Tiyaṃmarattiṃ parittaṃ karonto āyasmā
 ānandatthero viya kāruññacittaṃ
 Upaṭṭhapetvā koṭisatasahassesu cakkavāḷesu devatā
 yassānampatiggaṇhanti yañca Vesāliyaṃpure rogā
 manussadubbhikkha sambhūtantividhaṃ bhayaṃ
 khippamantaradhāpesi parittantaṃ bhaṇāma he./.

Chánh kinh Châu báo

Yānīdha bhūtāni samāgatāni
 Bhummaṇi vā yāniva antalikkhe
 Sabbe va bhūtā sumanā bhavantu
 Athopi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ
 Tasmā hi bhūtāni sāmetha sabbe
 Mettaṃ karotha mānusiyaṃ pajāya

Divā ca ratto ca haranti ye balim
 Tasmā hi ne rakkhatha appamattā
 Yaṅkiñci vittaṃ idha vā huram vā
 Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ
 Na no samaṃ atthi tathāgatena
 Idampi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ
 Etena saccena suvatthi hotu.

Khayaṃ virāgaṃ amataṃ paṇītaṃ
 yadajjhagā sakyamunī samāhito
 Na tena dhammena samatthi kiñci
 idaṃ pi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ
 etena saccena suvatthi hotu

Yaṃ buddhasettṭho parivaṇṇayī sucim
 samādhimānantarikaññaṃāhu
 samādhinā tena samo na vijjati
 idaṃ pi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ
 etena saccena suvatthi hotu

Ye puggalā atṭhasataṃ pasatṭhā
 cattāri etāni yugāni honti
 te dakkhiṇeyyā sugatassa sāvakā
 etesu dinnāni mahapphalāni
 idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
 etena saccena suvatthi hotu

Ye suppayuttā manasā daḷhena
 nikkāmino gotamasāsanamhi
 te pattipattā amataṃ vigayha
 laddhā mudhā nibbutiṃ bhuñjamānā

idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
etena saccena suvatthi hotu

Yathindakhīlo paṭhaviṃ sito siyā
catubbhi vātebhi asampakampiyo
tathūpamaṃ suppurisaṃ vadāmi
yo ariyasaccāni aveccapassati
idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
etena saccena suvatthi hotu

Ye ariyasaccāni vibhāvayanti
gambhīrapaññaṇa sudesitāni
kiñcāpi te honti bhusappamattā
na te bhavaṃ aṭṭhamamādiyanti
idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
etena saccena suvatthi hotu

Sahāvassa dassanasampadāya
tayassu dhammā jahitā bhavanti
sakkāyadiṭṭhi vicikicchitañca
sīlabbatam vāpi yadatthi kiñci
catūhapāyehi ca vipparamutto
cha cābhiṭṭhānāni abhabbo kātuṃ
idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
etena saccena suvatthi hotu

Kiñcāpi so kammaṃ karoti
pāpakam kāyena vācāyuda cetasā vā
abhabbo so tassa paṭicchadāya
abhabbatā diṭṭhapadassa vuttā
idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
etena saccena suvatthi hotu

Vanappagumbe yathā phussitagge
 gimhānamāse paṭhamasmim̐ gimhe
 tathūpamaṃ dhammavaraṃ adesayi
 nibbānagāmiṃ paramaṃ hitāya
 idaṃ pi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ
 etena saccena suvatthi hotu

Varo varaññū varado varāharo
 anuttaro dhammavaraṃ adesayi
 Idaṃ pi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ
 etena saccena suvatthi hotu

Khīṇaṃ purāṇaṃ navaṃ natthisambhavaṃ
 virattacittāyatike bhavasmim̐
 te khīṇabījā avirulhichandā
 nibbanti dhīrā yathāyampadīpo
 idaṃ pi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
 etena saccena suvatthi hotu

Yānīdha bhūtāni samāgatāni
 bhum māni vā yāniva antalikkhe
 tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ
buddhaṃ namassāma suvatthi hotu

Yānīdha bhūtāni samāgatāni
 bhum māni vā yāniva antalikkhe
 tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ
dhammaṃ namassāma suvatthi hotu

Yanītha bhūtāni samāgatāni
 bhum māni vā yāniva antalikkhe
 tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ
saṅghaṃ namassāma suvatthi hotu

KINH THẮNG HẠNH
(*Jayaparitta*)

Mahākāruṇiko nātho
hitāya sabbapāṇinaṃ
pūretvā pāramī sabbā
patto sambodhimuttamaṃ
etena saccavajjena
hotu me jayamaṅgalaṃ.

Jayanto bodhiyā mūle
sakyānaṃ nandivaḍḍhanaṃ
evaṃ tvaṃ vijayo hohi
jayassu jayamaṅgale.

Aparājitapallaṅke
sīse paṭhavipokkhare
abhiseke sabbabuddhānaṃ
aggappatto pamodati.

Sunakkhattaṃ sumaṅgalaṃ
supabhātaṃ suhutthitaṃ
sukhaṇo sumuhutto ca
suyiṭṭhaṃ brahmacārīsu.

Padakkhiṇaṃ kāyakammaṃ
vācākammaṃ padakkhiṇaṃ
padakkhiṇaṃ manokammaṃ
paṇidhī te padakkhiṇā
padakkhiṇāni katvāṇa
labhantatthe padakkhiṇe.

Te atthaladdhā sukhitā viruḷhā buddhasāsane
arogā sukhitā hotha saha sabbehi ñātibhi.

Āṭānāṭiyaparittam

Namo me sabbabuddhānaṃ
Uppannānaṃ mahesinaṃ
Taṇhaṅkaro mahāvīro
Medhaṅkaro mahāyaso
Saraṇaṅkaro lokahito
Dipaṅkaro jutindharo
Koṇḍañño janapāmokkho
Maṅgalo purisāsabho
Sumano sumano dhīro
Revato rativaḍḍhano
Sobhito guṇasampanno
Anomadassī januttamo
Padumo lokapajjoto
Nārado varasārathī
Padumuttaro sattasāro
Sumedho appaṭipuggalo
Sujāto sabbalokaggo
Piyadassī narāsabho
Atthadassī kāruṇiko
Dhammadassī tamonudo
Siddhattho asamo loke
Tisso ca vadatam varo
Pusso ca varado buddho
Vipassī ca anūpamo
Sikhī sabbahito satthā

Vessabhū sukhadāyako
 Kakusandho sattavāho
 Konāgamano raṇaṇjaho
 Kassapo sirisampanno,
 Gotamo sakyapuṅgavoti./.

KINH GIẢI VỀ LỬA PHIỀN NÃO
 (*Ādittapariyāyasutta*)

Evam me sutam.

Ekam samayaṃ Bhagavā Gayāyaṃ viharati Gayāsīse saddhiṃ bhikkhusahassena. Tatra kho Bhagavā bhikkhu āmantesi. Sabbam bhikkhave ādittam. Kiñca bhikkhave sabbam ādittam. Cakkhum bhikkhave ādittam. Rūpā ādittā. Cakkhuvīññāṇam ādittam. Cakkhusamphasso āditto. Yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā upajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā. Tampi ādittam. Kena ādittam? Ādittam rāgagginā dosagginā mohagginā ādittam jātiyā jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi upāyāsehi ādittanti vadāmi. Sotaṃ ādittam. Saddā ādittā. Sotaviññāṇam ādittam. Sotasam-phasso āditto. Yampidaṃ sotasamphassapaccayā upajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā aduk-khamasukhaṃ vā.

Tampi ādittam. Kena ādittam? Ādittam rāgagginā dosagginā mohagginā ādittam jātiyā jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi upāyāsehi

āditanti vadāmi. Ghānaṃ āditttaṃ. Gandhā ādittā. Ghānaviññāṇaṃ āditttaṃ. Ghānasamphasso āditto.

Yampidaṃ ghānasamphassapaccayā upajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā. Tampi āditttaṃ. Kena āditttaṃ? Āditttaṃ rāgagginā dosagginā mohagginā āditttaṃ jātiyā jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi upāyāsehi āditanti vadāmi.

Jivhā ādittā. Rasā ādittā. Jivhāviññāṇaṃ āditttaṃ. Jivhāsamphasso āditto. Yampidaṃ jivhāsamphasapaccayā upajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā. Tampi āditttaṃ. Kena āditttaṃ? Āditttaṃ rāgagginā dosagginā mohagginā āditttaṃ jātiyā jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi upāyāsehi āditanti vadāmi.

Kāyo āditto. Phoṭṭhabbā ādittā. Kāyaviññāṇaṃ āditttaṃ. Kāyasamphasso āditto. Yampidaṃ kāyasamphasapaccayā upajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā. Tampi āditttaṃ. Kena āditttaṃ? Āditttaṃ rāgagginā dosagginā mohagginā āditttaṃ jātiyā jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi upāyāsehi āditanti vadāmi.

Mano āditto. Dhammā ādittā. Manoviññāṇaṃ āditto. Manosamphasso āditto. Yampidaṃ manosamphassapaccayā upajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā. Tampi āditttaṃ? Kena

āditam? Āditam rāgagginā dosagginā mohagginā
āditam jātiyā jarāmarañena sokehi paridevehi dukkhehi
domanassehi upāyāsehi ādittanti vadāmi.

Evam passam bhikkhave sutavā ariyasāvako cakkhus-
mimpi nibbindati rūpesupi nibbindati cakkhuviññāṇepi
nibbindati cakkhusamphassepi nibbindati. Yampidaṃ
cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ
vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmimpi
nibbindati. Sotasmimpi nibbindati saddesupi nibbindati
sotaviññāṇepi nibbindati sotasamphassepi nibbindati.

Yampidaṃ sotasamphassapaccayā uppajjati
vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ
vā tasmimpi nibbindati. Ghānasmimpi nibbindati
gandhesupi nibbin-dati ghānaviññāṇepi nibbindati
ghānasamphassepi nibbindati. Yampidaṃ ghānasam-
phassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ
vā adukkhamasukhaṃ vā tasmimpi nibbindati.
Jivhāyapi nibbindati rasesupi nibbindati jivhāviññāṇepi
nibbindati jivhāsamphassepi nibbindati. Yampidaṃ
jivhāsamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā
dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmimpi nibbindati.

Kāyasmimpi nibbindati phoṭṭhabbesupi nibbindati
kāyaviññāṇepi nibbindati kāyasamphassepi nibbindati.
Yampidaṃ kāyasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ
sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmimpi
nibbindati. Manasmimpi nibbindati dhammesupi
nibbinpati manoviññāṇepi nibbindati manosamphassepi

nibbindati. Yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā tasmimpi nibbindati .

Nibbindaṃ virajjati virāgā vimuccati. Vimuttasmiṃ vimuttamiti ñāṇaṃ hoti. Khīṇā jāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karaṇīyaṃ nāparaṃ itthattāyāti pajānātīti. Idamavoca Bhagavā Attamanā te bhikkhu Bhagavato bhāsitaṃ abhinandumaṃ. Imasmiṃca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññaṃāne tassa bhikkhusahassassa anupādāya āsavehi cittāni vimuccimāsūti.

KINH TỤNG NGÀY THỨ 5

BỐ CÁO KINH TỪ BI

Yassānubhāvato yakkhā,
 Neva dassenti bhiṃsanam,
 Yamhi cevānuyuñjanto,
 Rattindivamatandito,
 Sukham supati sutto ca,
 Pāpaṃ kiñci na passati,
 Evamādiguṇūpetam,
 Parittantambhaṇāma he./.

KINH TỪ BI (*Karaṇīyamettasutta*)

Karaṇīyamatthakusalena
 Yantaṃ santaṃ padaṃ abhisamecca
 Sakko ujū ca suhujū ca
 Suvaco cassa mudu anatimānī.

Santussako ca subharo ca
 Appakicco ca sallahukavutti
 Santindriyo ca nipako ca
 Appagabbho kulesu ananugiddho.

Na ca khuddaṃ samācare kiñci
 Yena viññū pare upavadeyyuṃ
 Sukhino vā khemino hontu
 Sabbe sattā bhavantu sukhitattā

Ye keci pāṇabhūtatthi
 Tasā vā ṭhāvarā vā anavasesā
 Dīghā vā ye mahantā vā
 Majjhimā rassakānukathullā.

Diṭṭhā vā ye ca aḍḍitthā
 Ye ca dūre vasanti avidūre
 Bhūtā vā sambhavesī vā
 Sabbe sattā bhavantu sukhittā.

Na paro paraṃ nikubbetha
 Nātimaññetha katthaci naṃ kiñci
 Byārosanā paṭighasaññā
 Nāññamaññassa dukkhamiccheyya.

Mātā yathā niyaṃ puttāṃ
 āyusā ekaputtamanurakkhe
 Evampi sabbabhūtesu
 Mānasā bhāvaye aparimāṇaṃ.

Mettañ ca sabbalokasmiṃ
 Mānasā bhāvaye aparimāṇaṃ
 Uddhaṃ adho ca tiriyañca
 Asambādhaṃ averaṃ asapattaṃ.

Titṭhañcaram nisinno vā
 Sayāno vā yāvatassa vigatamiddho
 Etaṃ satiṃ adhiṭṭheyya
 Brahmametā vihāraṃ idhamāhu.

Diṭṭhiñca anupagamma sīlavā
 Dassanena sampanno

Kāmesu vineyya gedhaṃ
Na hi jātu gabbhaseyyaṃ punaretīti

KHANDHAPARITTA GĀTHĀ

Virū pakkhehi me mettaṃ
mettaṃ erāpathehi me
chabyāputtehi me mettaṃ
mettaṃ kanhāgotamakehi ca
apādakehi me mettaṃ
mettaṃ dipādakehi me
catuppadehi me mettaṃ
mettaṃ bahuppadehi me
māmaṃ apādako hiṃsi
māmaṃ hiṃsi dipādako
māmaṃ catuppado hiṃsi
māmaṃ hiṃsi bahuppado.

Sabbe sattā sabbe pāṇā
sabbe bhūtā ca kevalā
sabbe bhadraṇi passantu
mā kiñci pāpamāgamā.

Appamāṇo Buddho appamāṇo Dhammo appamāṇo
Saṅgho pamāṇa vantāni sirimṣapāni ahivicchikā
satabadī uṇṇānābhī sarabū mū sikā katā me rakkhā katā
me parittā paṭikkamantu phūtāni. So haṃ namo
Bhagavato namo sattannaṃ Sammāsambuddhānanti.

KÊ SÁM HỎI PHỤ MẪU
(Mātāpitupaṇāmagāthā)

Yadājāto ca yo vāhaṃ
 Dukkhaṃ mātāpitūhime
 Anubhūtaṃ navaṇṇitaṃ
 Hatthaṃ pagayha vandito
 Doṣaṃ khamathameyeva
 Tumhe dethābhayaṃpi ca
 Ruditassevame tumhe
 Sugītamuppagettha ve
 Nipajjāpetha maṃ amhaṃ
 Malamuttampi sakala
 Hatthena te gahetvā va
 Dhovitthāpi ca sabbaso
 Tumhe anāgate kāle
 Amma kāruṇṇike have
 Puttadhītuttamā tāta
 Buddhāyeva bhaveyyātha.

LỜI CHỈ GIÁO TÓM TẮT
(*Bhāsitovādasāṅkhepa*)

Ukāsa.

Yo pana dhammānudhammapaṭipanno viharati
sāmīcipaṭipanno anudhammacārī so Tathāgataṃ
sakkaroti garukaroti māneti pūjeti paramāya pūjāya
paṭipattipūjāya.

Sabbapāpassa akaraṇaṃ.

Kusalassāpasampadā.

Sacittapariyodapanāṃ.

Etaṃ Buddhānasāsaṇaṃ.

Khantī paramaṃ tapo titikkhā,

Nibbānaṃ paramaṃ vadanti buddhā,

Na hi pabbajito parūpaghātī,

Samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayanto.

Anūpavādo anūpaghāto.

Paṭimokkhe ca saṃvaro.

Mattaññutā ca bhattasmiṃ.

Pantañca sayanāsaṇaṃ,

Adhicitte ca āyogo,

Etaṃ Buddhānasāsaṇaṃ.

Sīlasamādhiguṇānaṃ,

Khantī padhānakāraṇaṃ,

Sabbepi kusaladhammā,

Khantīyāeva vaddhanti te.

Kevalānaṃpi pāpānaṃ,

Khanti mūlaṃ nikantati,

Garahakalahādīnaṃ,

Mūlaṃ khaṇati khantiko.

Khantī dhīrassalaṅkāro.
 Khantī tapo tapassino.
 Khantī balaṃ va yatīnaṃ.
 Khantī hitasukhāvahā.
 Khantiko mettavā lābhī,
 Yasassī sukhasīlavā,
 Piyo devamanussānaṃ,
 Manāpo hoti khantiko.
 Attanopi paresāṅca,
 Atthāvahova khantiko,
 Saggamokkhagamaṃ maggaṃ
 Āruḷho hoti khantiko.
 Satthuno vacanovādaṃ,
 Karotiyeva khantiko,
 Paramāya ca pūjāya,
 Jinaṃ pūjeti khantiko.
 Dullabhaṅca manussattaṃ,
 Buddhuppādo ca dullabho,
 Dullabhā khaṇasampatti,
 Saddhammo paramadullabho.
 Sukho buddhānamuppādo,
 Sukhā saddhammadesanā,
 Sukhā saṅghassa sāmaggī,
 Samaggānaṃ tapo sukho.
 Sukho viveko tuṭṭhassa,
 Sutadhammassa passato.
 Abyāpajjhaṃ sukhaṃ loke
 Pāṇabhūtesu saññaṃ.
 Sukhā virāgatā loke,
 Kāmānaṃ samatikkamo,

Asmimānassa vinayo,
 Etaṃ ve paramaṃ sukhaṃ.
 Kiccho manussapaṭilābho.
 Kicchaṃ maccāna jīvitaṃ.
 Kicchaṃ saddhammassavanaṃ.
 Kiccho buddhānamuppādo.
 Satthuno saddhammaṃ sutvā,
 Sabbasmim jinasāsane,
 Kappāni satasahassāni,
 Duggatiṃ so na gacchatī.
 Pubbaṇhe piṇḍapātaṇca,
 Sāyaṇhe dhammadesanaṃ,
 Padose bhikkhu ovādaṃ,
 Aḍḍharatte devapañhanaṃ,
 Paccūseva gate kāle,
 Bhabbābhabbe vilokanaṃ,
 Ete pañcavidhe kicce,
 Visodheti munipuṅkavoti.
 Kukkuṭe gabbhavāso ca,
 Soṇe cudaranikkhami,
 Usabhe rājasampatti,
 Sase pabbajito jino.
 Kukkuṭe sabbaññū buddho,
 Tattha cakkamaṃ pavattayī,
 Nibbānagamaṃ sappe,
 Sahassaṃ pañca mūsike.
 Okkanto ca guruvārasmiṃ,
 Sukkavāre ca nikkhami,
 Sambuddho buddhavārasmiṃ,
 Aṅgāre parinibbuto.

Āsaḥapunaṇṇamokkanto,
 Visākhe yeva nikkhami,
 Visākhapunaṇṇamī sambuddho,
 Visākhe parinibbuto.
 Nibbute Iokaṇāthamhi,
 Sambuddhe aggapuggale,
 Paṭimā bodhirukkhā ca,
 Thūpā ca jinadhātuyo,
 Caturāsītisahassa,
 Dhammakkhandhā sudesitā,
 Aggappavattanaṭṭhāne,
 Ṭhapitā honti pāṇiṇaṃ.

Iti sammāsambuddhena desitaṃ ovādaṃ citte
 ṭhapetvā sammāsambuddhena vuttappakārena
 paṭipattipūjāya pūjaṃ karontena lokiya lokuttara
 sampattisiddhaṃ kātabbaṃ.

Ukāsa ārādhaṇaṃ karomi.

KINH TỤNG NGÀY THỨ 6

KINH ĐÁO BỈ NGẠN (*Dasapāramī*)

Itipi so bhagavā **dānapāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā dānaupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā dānaparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavā **sīlapāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā sīlaupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā sīlaparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavā **nekkhammapāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā nekkhammaupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā nekkhammaparamatthapāramī
 sampanno.

Itipi so bhagavā **paññāpāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā paññāupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā paññāparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavā **viriyapāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā viriyaupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā viriyaparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavā **khantīpāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā khantīupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā khantīparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavā **saccapāramī** sampanno.
 Itipi so bhagavā saccaupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā saccaparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavā **adhiṭṭhānapāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā adhiṭṭhānaupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā adhiṭṭhānaparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavā **mettāpāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā mettāupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā mettāparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavā **upekkhāpāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā upekkhāupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā upekkhāparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavā **dasapāramī** sampanno
 Itipi so bhagavā dasaupapāramī sampanno
 Itipi so bhagavā dasaparamatthapāramī sampanno.

Itipi so bhagavāti.

KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN
(*Dhammacakkappavattanasutta*)

Evam me sutam.

Ekam samayam bhagavā bārāṇasiyam viharati isipatane migadāye. Tatra kho bhagavā pañcavaggiye bhikkhū āmantesi.

Dve me bhikkhave antā pabbajitena na sevitabbā. Katame dve?

- Yo cāyam kāmesu kāmasukhallikānuyogo hīno, gammo, pothujjaniko, anariyo, anatthasañhito.
- Yo cāyam attakilamathānuyogo dukkho, anariyo, anatthasañhito.

Ete te kho bhikkhave ubho ante anupagamma majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

Katamā ca sā bhikkhave majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā, cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati?

Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. Seyyathīdam? Sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo, sammāvācā, sammā-kammanto, sammāājīvo, sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhī.

Ayam kho sā bhikkhave majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhaṃ ariyasaccaṃ: jātipi dukkhā jarāpi dukkhā byādhipi dukkhā maraṇampi dukkhaṃ appiyehi sampayogo dukkho piyehi vippayogo dukkho yampiccham na labhati. Tampi dukkhaṃ saṅkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā.

Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhasamudayo ariyasaccaṃ yāyaṃ taṇhā ponobbhavikā nandirāgasahagatā. Tatratatrābhinandinī seyyathīdaṃ kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā.

Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhanirodham ariyasaccaṃ yo tassāyeva taṇhāya asesavirāgaṇirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.

Idaṃ kho panabhikkhave dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo seyyathīdaṃ? Sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo, sammāvācā, sammākammanto, sammāājīvo, sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhī.

Idaṃ dukkhaṃ ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahātabbanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahīnanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Idaṃ dukkhanirodho ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesucakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikātabbanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikatanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabbanti me bhikkhave pubbe

ananussutesu dhammesu cakkhum udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitanti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum udapādi ñāṇaṃ udapādi paññā udapādi vijjā udapādi āloko udapādi.

Yāvakīvañcame bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evanti parivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ na suvisuddhaṃ ahosi.

Neva tāvāhaṃ bhikkhave sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho paccāññāsim.

Yato ca kho me bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evanti parivattaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ suvisuddhaṃ ahosi.

Athāhaṃ bhikkhave sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho paccāññāsim.

Ñāṇaṇca pana me dassanaṃ udapādi akuppā me vimutti ayamantimā jāti natthidāni punabbhavoti.

Idamavoca bhagavā attamanā pañcavaggiyā bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinandaṃ imasmiṇca pana veyyākaraṇasmim bhaññamāne āyasmato koṇḍaññaṃ virajaṃ vītamalaṃ dhammacakkhum udapādi yaṅkiñci samudayaadhammaṃ sabbantaṃ nirodhadhammanti.

Pavattite ca bhagavatā dhammacakke bhumma devā saddamanussāvesuṃ etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ

pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā brāhmaṇena vā
devena vā mārena vā brāhmaṇā vā kenaci vā lokasminti.

Bhummaṇaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā cātummahārā-
jikā devā saddamanussāvesuṃ.

Cātummahārājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā
tāvatimsā devā saddamanussāvesuṃ.

Tāvatimsānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā yāmā devā
saddamanussāvesuṃ

Yāmānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā tusitā devā
saddamanussāvesuṃ.

Tusitānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā nimmānaratī devā
saddamanussāvesuṃ.

Nimmānaratīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā paranim-
mitavasavattī devā saddamanussāvesuṃ.

Paranimmitavasavattīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā
brahmakāyikā devā saddamanussāvesuṃ etaṃ
bhagavatā bārāṇasiyaṃ isipātane migadāye anuttaraṃ
dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā
brāhmaṇena vā devena vā mārena vā brahmaṇā vā
kenaci vā lokasminti.

Itiha tena khaṇena tena muhuttaṇa yāva brahmalokā
saddo abbhuggachi ayaṇca dasasahassī lokadhātu
saṅkampi sampakampi sampavedhi.

Appamaṇo ca ulāro obhāso loke pāturahosi
atikkammeva devānaṃ devānubhāvanti.

Atha kho bhagavā udānaṃ udānesi aññāsi vata bho
koṇḍañño aññāsi vata bho koṇḍaññoti.

Iti hidaṃ āyasmato koṇḍaññassa aññākoṇḍañño tveva
nāmaṃ ahoṣīti. /.

KINH TỤNG NGÀY THỨ 7

KINH DUYÊN SINH (*Paṭiccasamuppāda*)

Avijjāpaccayā saṅkhārā
 Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ
 Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ
 Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ
 Saḷāyatanapaccayā phasso
 Phassapaccayā vedanā
 Vedanāpaccayā taṇhā
 Taṇhāpaccayā upādānaṃ
 Upādānapaccayā bhavo
 Bhavapaccayā jāti
 Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ

Sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā saṃbhavanti
 Evame tassa kavalassa dukkhakkhandhassa
 samudayo hoti

Avijjāya tveva asesa virāganirodhā
 Saṅkhāranirodho saṅkhāranirodhā
 Viññāṇanirodho viññāṇanirodhā
 Nāmarūpanirodho nāmarūpanirodhā
 Saḷāyatananirodho saḷāyatananirodhā
 Phassanirodho phassanirodhā
 Vedanānirodho vedanānirodhā
 Taṇhānirodho taṇhānirodhā

Upādānanirodho upādānanirodhā
Bhavanirodho bhavanirodhā
Jātinirodho jātinirodhā
Jarāmaranaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā
nirujjhanti evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa
nirodho hoti./.

KINH GIRIMĀNANDA (*Girimānandasutta*)

Evam me sutam.

Ekam samayaṃ bhagavā sāvattthiyaṃ viharati
jetavane anāṭhapiṇḍikassa ārāme.

Tena kho pana samayena āyasmā girimānando ābā-
dhiko hoti dukkhito bālḥagilāno.

Atha kho āyasmā ānando yena bhagavā tenupasañ-
kami upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekaman-
taṃ nisīdi ekamantaṃ nisinno kho āyasmā ānando
bhagavantam etadavoca

Āyasmā bhante girimānando ābādhiko hoti dukkhito
bālḥagilāno. Sādhū bhante bhagavā yenāyasmā
girimānando tenupasaṅkamatu anukampaṃ upādāyā ti.

Sace kho tvaṃ ānanda girimānandassa bhikkhuno
upasaṅkamitvā dasa saññā bhāseyyāsi. Tānaṃ kho
panetaṃ vijjati yaṃ girimānandassa bhikkhuno dasa
saññā sutvā so ābādho tḥānaso paṭippassambheyya.

Katamā dasa ?

Aniccasaññā, anattasaññā, asubhasaññā,
ādinavaññā, pahānasaññā, virāgasaññā, nirodhasaññā,
sabbaloke anabhiratasaññā, sabbasaṅkhāresu anic-
casaññā, ānāpānassati.

Katamā cānanda aniccasaññā? Idhānanda bhikkhu
araññagato vā rukkhamaḷagato vā suññāgāragato vā
itipaṭisaṅcikkhati rūpaṃ aniccaṃ vedanā aniccā saññā

aniccā saṅkhārā aniccā vinñāṇaṃ aniccanti Iti imesu pañcasu upādānakkhandhesu aniccānupassī viharati Ayaṃ vuccatānanda aniccasaññā.

Katamā cānanda anattasaññā? Idhānanda bhikkhu araññagato vā rukkhamaṇagato vā suññāgāragato vā itipaṭisañcikkhati cakkhuṃ anattā rūpā anattā soṭaṃ anattā saddā anattā, ghāṇaṃ anattā gandhā anattā jivhā anattā rasā anattā kāyo anattā phoṭṭhabbā anattā mano anattā dhammā anattāti. Iti imesu chasu ajjhakkabāhiresu āyatanesu anattānupassī viharati ayaṃ vuccatānanda anattasaññā.

Katamā cānanda asubhasaññā? Idhānanda bhikkhu imameva kāyaṃ uddhaṃ pādatalā adho kesamatthakā tacapariyantaṃ pūraṇṇāṇappakarassa asucino paccavekkhati atthi imasmiṃ kāye kesā lomā nakhā dantā taco maṃsaṃ nahārū atṭhī atthimiñjaṃ vakkhaṃ hadayaṃ yakaṇaṃ kilomaṃ pihakaṃ papphāsaṃ antaṃ antagaṇaṃ udariyaṃ karisaṃ pittaṃ semhaṃ pubbo lohitaṃ sedo medo assu vasā kheḷo siṅghāṇikā lasikā muttanti. Iti imasmiṃ kāye asubhānupassī viharati ayaṃ vuccatānanda asubhasaññā.

Katamā cānanda ādīnavasaññā? Idhānanda bhikkhu araññagato vā rukkhamaṇagato vā suññāgāragato vā itipaṭisañcikkhati bahudukkho kho ayaṃ kāyo bahu ādīnavoti. Iti imasmiṃ kāye vividhā ābādhaṃ uppajjanti. Seyyathidaṃ cakkhurogo sotarogo ghāṇarogo jivhārogo kāyaro go sīsaro go kaṇṇaro go mukharogo dantarogo kāsō sāso pināsō dāho jaro kucchirogo mucchā pakkhandikā sulā visūcikaṃ kuṭṭhaṃ gaṇḍo kilāso soso

apamāro dandu kaṇḍu kacchu rakhasā vitacchikā lohitam pittam madhumeho aṃsā piḷakā bhagaṇḍalā pittasamuṭṭhānā ābādhā semhasamuṭṭhānā ābādhā vātasamuṭṭhānā ābādhā sannipātakā ābādhā utupariṇāmajā ābādhā visamaparihārajā ābādhā opakkamikā ābādhā kammavipākajā ābādhā sītam uṇham jighacchā pipāsā uccāro passāvoti. Iti imasmiṃ kāye ādīnavānupassī viharati. Ayaṃ vuccatānanda ādīnavasaññā.

Katamā cānanda pahānasaññā? Idhānanda bhikkhu uppannam kāmavitakkaṃ nādhivāseti pajahati vinodeti byantīkaroti anabhāvaṃ gameti uppannam byāpādavitakkaṃ nādhivāseti pajahati vinodeti byantīkaroti anabhāvaṃ gameti. Uppannam vihiṃsāvitakkaṃ nādhivāseti pajahati vinodeti byantīkaroti anabhāvaṃ gameti. Uppannuppanne pāpake akusale dhamme nādhivāseti pajahati vinodeti byantīkaroti anabhāvaṃ gameti ayaṃ vuccatānanda pahānasaññā.

Katamā cānanda virāgasaññā? Idhānanda bhikkhu araññagato vā rukkhamaṇḍagato vā suññāgāragato vā itipatisaṅcikkhati etaṃ santaṃ etaṃ paṇītaṃ yadidaṃ sabbasaṅkhā-rasamatho sabbūpadhipaṭinissaggo taṇhakkhayo virāgo nibbānanti ayaṃ vuccatānanda virāgasaññā.

Katamā cānanda nirodhasaññā? Idhānanda bhikkhu araññagato vā rukkhamaṇḍagato vā suññāgāragato vā itipatisaṅcikkhati etaṃ santaṃ etaṃ paṇītaṃ yadidaṃ sabbasaṅkhārasamatho sabbūpadhipaṭinissaggo taṇhakkhayo nirodho nibbānanti ayaṃ vuccatānanda nirodhasaññā.

Katamā cānanda sabbaloke anabhiratasañ-ñā ?
 Idhānanda bhikkhu ye loke upāyupādānā cetaso
 adhiṭṭhānābhinivesānusayā te pajahanto viramati na
 upādiyanto ayaṃ vuccatānanda sabbaloke
 anabhiratasaññā.

Katamā cānanda sabbasaṅkhāresu aniccasaññā?
 Idhānanda bhikkhu sabbasaṅkhārehi aṭṭiyati harāyati
 jigucchati ayaṃ vuccatānanda sabbasaṅkhāresu
 aniccasaññā.

Katamā cānanda ānāpānassati? Idhānanda bhikkhu
 araññaḡato vā rukkhamaḡagato vā suññaḡāragato vā
 nisīdati pallaṅkaṃ ābhujitvā ujum kāyaṃ paṇidhāya
 parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā so sato vā assasati sato
 passasati dīghaṃ vā assasanto dīghaṃ ssasāmītipajānāti
 dīghaṃ vā passasanto dīghaṃ passasāmīti pajānāti
 rassaṃ vā assasanto rassaṃ assasissāmīti pajānāti
 rassaṃ vā passasanto rassaṃ passasāmīti pajānāti.
 Sabbakāyapaṭisaṃvedī assasissāmīti sikkhati sabbakā-
 yapaṭisaṃvedī passasissāmīti sikkhati. Passambhayaṃ
 kāyasaṅkhārāṃ assasissāmītisikkhati passambhayaṃ
 kāyasaṅkhārāṃ passasissāmīti sikkhati. Pītipaṭisaṃvedī
 assasissāmīti sikkhati pītipaṭisaṃvedī passasissāmīti
 sikkhati Sukhapaṭisaṃvedī assasissāmīti sikkhati
 sukhapaṭi saṃvedī passasissāmīti sikkhati
 Cittasaṅkhārapaṭisaṃvedī assasissāmīti sikkhati
 cittasaṅkhārapaṭisaṃvedī passasissāmīti sikkhati
 passambhayaṃ cittasaṅkhārāṃ assasissāmīti sikkhati
 Passambhayaṃ cittasaṅkhārāṃ passasissāmīti sikkhati.

Cittapaṭisaṃvedī assasissāmīti sikkhati cittapaṭisaṃvedī passasissāmīti sikkhati Abhippamodayaṃ cittaṃ assasissāmīti sikkhati abhippamodayaṃ cittaṃ passasissāmīti sikkhati Samādahaṃ cittaṃ assasissāmīti sikkhati samādahaṃ cittaṃ passasissāmīti sikkhati Vimocayaṃ cittaṃ assasissāmīti sikkhati vimocayaṃ cittaṃ passasissāmīti sikkhati Aniccānupassī assasissāmīti sikkhati aniccānupassī passasissāmīti sikkhati Virāgānupassī assasissāmīti sikkhati virāgānupassī passasissāmīti sikkhati Nirodhānupassī assasissāmīti sikkhati nirodhānupassī passasissāmīti sikkhati Paṭinissaggānupassī assasissāmīti sikkhati paṭinissaggānupassī passasissāmīti sikkhati ayaṃ vuccatānanda ānāpānassati.

Sace kho tvaṃ ānanda girimānandassa bhikkhuno upasaṅkamitvā imā dasa saññā bhāseyyāsi tṭhānaṃ kho panetaṃ vijjati yaṃ girimānandassa bhikkhuno imā dasa saññā sutvā so ābādho tṭhānaso paṭippassambheyyāti. Athakho āyasmā ānando bhagavato santike imā dasa saññā uggahetvā yenāyasmā girimānando tenupasaṅkami upasaṅkamitvā āyasmato girimānandassa imā dasa saññā abhāsi.

Atha kho āyasmato girimānandassa imā dasa saññā sutvā so ābādho tṭhānaso paṭippassambhi vuṭṭhahi cāyasmā girimānando tamhā ābādhā tathā-pahīno ca panāyasmato girimānandassa so ābādho ahoṣīti.

KINH TỤNG NGÀY CHỦ NHẬT

KINH VẠN PHÁP TỔNG TRÌ (*Dhammasaṅgī*)

1. Kusalā dhammā,
Akusalā dhammā,
Abyākatā dhammā
2. Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā,
Dukkhāya vedanāya sampayuttā dhammā,
Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā dhammā.
3. Vipākā dhammā,
Vipākadhammadhammā,
Nevavipākanavipākadhammadhammā,
4. Upādinnaupādāniyā dhammā,
Anupādinnaupādāniyā dhammā,
Anupādinnaupādāniyā dhammā,
5. Saṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā
Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā
Asaṅkiliṭṭhāsaṅkilesikā dhammā
6. Savitakkasavicārā dhammā
Avitakkavicāramattā dhammā
Avitakkāvicārā dhammā
7. Pīṭisahagatā dhammā,
Sukhasahagatā dhammā
Upekkhāsahagatā dhammā

8. Dassanena pahātabbā dhammā
Bhāvanāya pahātabbā dhammā
Nevadassanena na bhāvanāya pahātabbā dhammā
9. Dassanena pahātabbahetukā dhammā,
Bhāvanāya pahātabbahetukā dhammā,
Nevadas-sanena na bhāvanāya pahātabbahetukā
dhammā
10. Ācayagāmino dhammā,
Apacayagāmino dhammā
Nevācayagāmino nāppacayagāmino dhammā
11. Sekkhā dhammā,
Asekkhā dhammā,
Nevasekkhānāsekkhā dhammā
12. Parittā dhammā,
Mahaggatā dhammā,
Appamāṇā dhammā
13. Parittārammaṇā dhammā,
Mahaggatārammaṇā dhammā,
Appamāṇārammaṇā dhammā
14. Hīnā dhammā,
Majjhimā dhammā,
Paṇītā dhammā
15. Micchattaniyatā dhammā,
Sammattaniyatā dhammā,
Aniyatā dhammā
16. Maggārammaṇā dhammā,
Maggahetukā dhammā,

Maggādhīpatino dhammā.

17. Uppannā dhammā,
Anuppannā dhammā,
Uppādino dhammā.
18. Atītā dhammā,
Anāgatā dhammā,
Paccuppannā dhammā.
19. Atītārammaṇā dhammā,
Anāgatārammaṇā dhammā,
Paccuppannārammaṇā dhammā.
20. Ajjhattā dhammā,
Bahiddhā dhammā,
Ajjhatabhiddhā dhammā.
21. Ajjhattārammaṇā dhammā,
Bahiddhārammaṇā dhammā,
Ajjhatabhiddhārammaṇā dhammā.
22. Sanidassanasappaṭighā dhammā,
Anidassanasappaṭighā dhammā,
Anidassanāppaṭighā dhammā.

Bāvīsattīkamātikā dhamma saṅgaṇīpakaraṇaṃ
nāma samattaṃ./.

KINH VÔ NGÃ TUỞNG (*Anattalakkhaṇasutta*)

Evam me sutam.

Ekam samayaṃ bhagavā bārāṇasiyaṃ viharati isipatane migadāye. Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhū āmantesi bhikkhavoti. Bhadante'ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca.

Rūpaṃ bhikkhave anattā. Rūpañca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya saṃvatteyya. Labbhettha ca rūpe evaṃ me rūpaṃ hotu evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣīti. Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ anattā tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati. Naca labbhati rūpe, evaṃ me rūpaṃ hotu evaṃ me rūpaṃ mā ahoṣīti.

Vedanā anattā. Vedanā ca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa nayidaṃ. Vedanā ābādhāya saṃvatteyya. Labbhettha ca vedanāya, evaṃ me vedanā hotu evaṃ me vedanā mā ahoṣīti. Yasmā ca kho bhikkhave vedanā anattā, tasmā vedanā ābādhāya saṃvattati na ca labbhati vedanāya evaṃ me vedanā hotu evaṃ me vedanā mā ahoṣīti.

Saññā anattā. Saññā ca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa nayidaṃ saññā ābādhāya saṃvatteyya labbhettha ca saññāya evaṃ me saññā hotu evaṃ me saññā mā ahoṣīti. Yasmā ca kho bhikkhave saññā anattā, tasmā saññā ābādhāya saṃvattati na ca labbhati saññāya evaṃ me saññā hotu evaṃ me saññā mā ahoṣīti.

Saṅkhārā anattā. Saṅkhārā ca hidaṃ bhikkhave attā abhavissaṃsu nayidaṃ saṅkhārā ābādhāya saṃvatteyyuṃ. Labbhettha ca saṅkhāresu evaṃ me saṅkhārā hontu evaṃ me saṅkhārā mā ahesunti. Yasmā ca kho bhikkhave saṅkhārā anattā tasmā saṅkhārā ābādhāya saṃvattanti na ca labbhati saṅkhāresu evaṃ me saṅkhārā hontu evaṃ me saṅkhārā mā ahesunti.

Viññāṇaṃ anattā. Viññāṇaṃ hidaṃ bhikkhave attā abhavissa nayidaṃ viññāṇaṃ ābādhāya saṃvatteyya. Labbhettha ca viññāṇe evaṃ me viññāṇaṃ hotu evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣīti. Yasmā ca kho bhikkhave viññāṇaṃ anattā tasmā viññāṇaṃ ābādhāya saṃvattati. Na ca labbhati viññāṇe evaṃ me viññāṇaṃ hotu evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣīti.

- Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā ti? Aniccaṃ bhante.
- Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā ti? Dukkhaṃ bhante
- Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ etaṃ mama esohamasmi eso me attāti ? No hetuṃ bhante.
- Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave vedanā niccā vā aniccā vā ti? Aniccaṃ bhante
- Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā ti? Dukkhaṃ bhante.
- Yampanāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ etaṃ mama esohamasmi eso me attāti ? No hetuṃ bhante
- Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave saññā niccā vā aniccā vā ti? Aniccaṃ bhante.

- Yampanāniccam dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā ti ? Dukkhaṃ bhante.
- Yampanāniccam dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ etaṃ mama eso hamasmi eso me attāti ? No hetam bhante.
- Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave saṅkhārā niccā vā aniccā vāti? Aniccam bhante.
- Yampanāniccam dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā ti ? Dukkhaṃ bhante.
- Yampanāniccam dukkhaṃ vipariṇāma dhammaṃ kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ etaṃ mama esohamasmi eso me attāti ? No hetam bhante.
- Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave viññānaṃ niccam vā aniccam vā ti? Aniccam bhante.
- Yampanāniccam dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā ti ? Dukkhaṃ bhante.
- Yampanāniccam dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ etaṃ mama eso hamasmi eso me attāti ? No hetam bhante.

Tasmā tiha bhikkhave yaṅkiñci rūpaṃ atītānā-gatapaccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahiddhā vā oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā sabbaṃ rūpaṃ. Netam mama neso hamasmi na meso attāti evametam yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.

Yā kāci vedanā atītānāgatapaccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahiddhā vā oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yandūre santike vā sabbā vedanā. Netam

mama neso hamasmi na meso attāti evametam
yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.

Yā kāci saññā atītānāgatapaccuppannam ajjhattam vā
bahiddhā vā oḷārikam vā sukhumam vā hīnam vā
paṇītam vā yandūre santike vā sabbā saññā. Netam
mama neso hamasmi na meso attāti evametam
yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.

Ye keci saṅkhārā atītānāgatapaccuppannam ajjhattam
vā bahiddhā vā oḷārikam vā sukhumam vā hīnam vā
paṇītam vā yandūre santike vā sabbe saṅkhārā. Netam
mama neso hamasmi na meso attāti evametam
yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.

Yaṇ kiñci viññāṇam atītānāgatapaccuppannam
ajjhattam vā bahiddhā vā oḷārikam vā sukhumam vā
hīnam vā paṇītam vā yandūre santike vā sabbam
viññāṇam. Netam mama nesohamasmi na meso attāti
evametam yathābhūtam sammappaññāya datṭhabbam.

Evam passam bhikkhave sutvā ariyasāvako
rūpasmimpi nibbindati vedanāyapi nibbindati saññāsupi
nibbindati saṅkhāresupi nibbindati viññāṇasmimpi
nibbindati. Nibbindam virajjati virāgā vimuccati
vimuttasmiṃ vimuttamīti ñāṇam hoti. Khīṇā jāti
vusitam brahmacariyam katam karaṇīyam nāparam
itthattāyāti pajānātīti.

Idamavoca bhagavā. Attamanā pañcavaggiyā bhikkhū
bhagavato bhāsitam abhinandum.

Imasmiñca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne
pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi
cittāni vimuccimṣūti.

HỒI HƯỚNG

DASADHAMMASUTTAM⁸

Dasa-ime bhikkhave dhammā pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā. Katame dasa?

1. ‘*Vevaṇṇiyamhi ajjhupagato*’ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam.
2. ‘*Parapaṭibaddhā me jīvikā*’ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam.
3. ‘*Añño me ākappo karaṇīyo*’ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam.
4. ‘*Kacci nu kho me attā sīlato na upavadatī*’ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam.
5. ‘*Kacci nu kho maṃ anuvicca viññū sabrahmacārī sīlato na upavadantī*’ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam.
6. ‘*Sabbehi me piyehi manāpehi nānābhāvo vinābhāvo*’ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam./.

⁸ Pabbajita-abhiñhasuttam, Ānguttaranikāya.

RAṬṬHAPĀLA-GĀTHĀ⁹

1. “Passāmi loke sadhane manusse,
Laddhāna vittaṃ na dadanti mohā;
Luddhā dhanam sannicayam karonti,
Bhiyyova kāme abhipatthayanti.
2. Rājā pasayhā pathaviṃ vijitvā,
Sasāgarantaṃ mahimāvasanto;
Oraṃ samuddassa atittarūpo,
Pāraṃ samuddassapi patthayetha.
3. Rājā ca aññe ca bahū manussā,
Avītataṇhā maraṇam upenti;
Ūnāva hutvāna jahanti deham,
Kāmehi lokamhi na hatthi titti.
4. Kandanti naṃ ñātī pakiriya kese,
Ahovatā no amarāti cāhu;
Vatthena naṃ pārutaṃ nīharitvā,
Citaṃ samādāya tatoḍahanti.
5. So ḍayhati sūlehi tujjamāno,
Ekena vatthena pahāya bhoge;
Na mīyamānassa bhavanti tāṇā,
Ñātīdha mittā atha vā sahāyā.
6. Dāyādakā tassa dhanam haranti,
Satto pana gacchati yena kammaṃ;
Na mīyamānaṃ dhanamanveti kiñci,
Puttā ca dārā ca dhanañca raṭṭham.

⁹ Majjhimanikāya, Majjhimapapaṇṇāsapāḷi, Rājavaggo, 82. Raṭṭhapālasuttaṃ.

7. Na dīghamāyumuṃ labhate dhanena,
Na cāpi vittenā jaraṃ vihanti;
Appaṃ hidaṃ jīvitamāhu dhīrā,
Asassataṃ vippariṇāmadhammaṃ.
8. Aḍḍhā daliddā ca phusanti phassaṃ,
Bālo ca dhīro ca tatheva phuṭṭho;
Bālo ca bālyā vadhitova seti,
Dhīro ca na vedhati phassaphuṭṭho.
9. Tasmā hi paññāva dhanena seyyo,
Yāya vosānamidhādhiḡacchati;
Abyositattā hi bhavābhavesu,
Pāpāni kammāni karonti mohā.
10. Upeti gabbhañca parañca lokaṃ,
Saṃsāramāpajja paramparāya;
Tassappapañño abhisaddahanto,
Upeti gabbhañca parañca lokaṃ.
11. Coro yathā sandhimukhe gahito,
Sakammunā haññati pāpadhammo;
Evaṃ pajā pecca paramhi loke,
Sakammunā haññati pāpadhammo.
12. Kāmāhi citrā madhurā manoramā,
Virūparūpena mathenti cittaṃ;
Ādīnavaṃ kāmaguṇesu disvā,
Tasmā ahaṃ pabbajitomi rāja.
13. Dumapphalāneva patanti māṇavā,
Daharā ca vuḍḍhā ca sarīrabhedā;
Etampi disvā, etaṃ viditvā pabbajitomi rāja,
Apañṇakaṃ sāmāññaṃeva seyyoti./.

MORAPARITTA

Pūrentaṃ bodhisambhāre, nibbattaṃ morayoniyaṃ;
 Yena saṃvihitārakkhaṃ, mahāsattaṃ vanecarā.
 Cirassaṃ vāyamaṇtāpi, neva sakkhimsu gaṇhituṃ;
 “Brahmamantaṇ”ti akkhātaṃ, parittantaṃbhaṇāma he.

Udetayañcakkhumā (Apetayañcakkhumā) ekarājā
 harissavaṇṇo paṭhavippabhāso taṃ taṃ namassāmi
 harissavaṇṇaṃ paṭhavippabhāsaṃ
 Tayajja guttā viharemu divasaṃ (rattiṃ)
 ye brahmaṇā vedagu sabbadhamme
 te me namo te camaṃ palāyantu
 namatthu Buddhānaṃ namatthu bodhiyā
 namo vimuttānaṃ namo vimuttiyā
 imaṃ so parittaṃ katvā moro carati esanā.
 (vāsamakappayīti)

RĀI TĀM BÁC ÁI (Sabbadisāsu mettāpharaṇaṃ)

Sabbe puratthimāyā disāya sattā averā sukhī hontu.
 Sabbe puratthimāyā anudisāya sattā averā sukhī hontu.
 Sabbe dakkhiṇāyā disāya sattā averā sukhī hontu.
 Sabbe dakkhiṇāyā anudisāya sattā averā sukhī hontu.
 Sabbe pacchimāyā disāya sattā averā sukhī hontu.
 Sabbe pacchimāyā anudisāya sattā averā sukhī hontu.
 Sabbe uttarāyā disāya sattā averā sukhī hontu.
 Sabbe uttarāyā anudisāya sattā averā sukhī hontu.
 Sabbe uparimāyā disāya sattā averā sukhī hontu.
 Sabbe hetṭhimāyā disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe sattā averā hontu, sukhitā hontu niddukkhā hontu
 abyāpajjhā hontu, anīghā hontu dīghāyukā hontu, arogā
 hontu, sampattīhi samijjhaṇtu sukhī attānaṃ pāriharan-
 tu, dukkhappattā ca niddukkhā, bhayappattā ca nib-
 bhayā, sokappattā ca nissokā hontu sabbepi pāṇiṇo.

PAṬIDĀNAGĀTHĀ
KỆ HỒI HƯƠNG QUẢ BỒ THÍ ĐẾN CHƯ THIÊN

Yā devatā santi vihāravāsinī, Thūpe ghare bodhighare
 tahiṃ tahiṃ. Tā dhammadānena bhavantu pūjitā. Sot-
 thiṃ karontedha vihāramaṇdale. Therā ca majjhā
 navakā ca bhikkhavo, Sārāmikā dānapatī upāsakā,
 Gāmā ca desā nigāmā ca issarā, Sappāṇabhūtā sukhitā
 bhavantute.

Jalābujā ye pica aṇḍasambhavā, Saṃsedajātā athavo-
 papātikā, Niyyānikāṃ dhammavaraṃ paticcate, Sabbepi
 dukkhassa karontu samkhayaṃ, Thātu ciraṃ sataṃ
 dhammo. Dhammaddharā ca puggalā. Saṅgho hotu
 samaggo va, Atthāya ca hitāya ca. Amhe rakkhatu sad-
 dhammo, Sabbepi dhammacārino. Vuḍḍhiṃ sampā-
 puṇeyyāma, Dhammāriyappavedite.

~~~~~

**Kinh Vô Úy**  
***Abhayaparittagāthā***

Yandunnimittam avamaṅgalañca  
 yo cāmanāpo sakuṇassa saddo  
 pāpaggaḥo dussupinaṃ akantaṃ  
 buddhānubhāvena vināsamentu  
 Yandunnimittam avamaṅgalañca  
 yo cāmanāpo sakuṇassa saddo  
 pāpaggaḥo dussupinaṃ akantaṃ  
 dhammānubhāvena vināsamentu  
 Yandunnimittam avamaṅgalañca  
 yo cāmanāpo sakuṇassa saddo  
 pāpaggaḥo dussupinaṃ akantaṃ  
 saṅghānubhāvena vināsamentu

Dukkhappattā ca niddukkhā  
 bhayappattā ca nibbhayā  
 sokappattā ca nissokā  
 hontu sabbepi pāṇino  
 ettāvatā ca amhehi  
 sambhataṃ puññasampadam  
 sabbe devānumodantu  
 sabbasampattisiddhiyā  
 dānaṃ dadantu saddhāya  
 sīlaṃ rakkhantu sabbadā  
 bhāvanābhiratā hontu  
 gacchantu devatāgatā

Sabbe buddhā balappattā  
 paccekānañca yaṃ balaṃ

arahantānañca tejena  
rakkhaṃ bandhāmi sabbaso

## HỒI HUỚNG CHU' THIÊN

Akāsaṭṭhā ca bhummaṭṭhā  
Devānāgā mahiddhikā  
Puññaṃ no anumodantu  
Ciraṃ rakkhantu

1. Sāsanaṃ
2. Nogarū (Raṭṭhake)
3. Ñātayo
4. Pānino
5. No sadā.

## KINH HỒI HU'ÔNG

Yam kiñci kusalakammaṃ,  
 kattabbaṃ kiriyam mama,  
 kāyena vācāmanasā,  
 tidase sugataṃ kataṃ,  
 ye sattā saññino atthi,  
 ye ca sattā asaññino,  
 kataṃ puññaphalaṃ mayhaṃ  
 sabbe bhāgī bhavantute,  
 ye taṃ kataṃ,  
 suviditaṃ dinnam puññaphalaṃ mayā,  
 ye ca tattha najānanti,  
 devā gantvā nivedayum,  
 sabbe lokamhi ye sattā,  
 jīvantāhārahetukā,  
 manuññaṃ bhojanaṃ  
 sabbe labhantu mama cetasāti.

Idaṃ no ñātīnaṃ hotu sukhitā hotu ñātayo.

Idaṃ vattame puññaṃ āsavakkhaya vahaṃ hotu./.

## PHẦN III - KINH CẦU SIÊU

Ngôông baich chö Ñäi Ñöc Taêng, caàu xin chö Ñäi Ñöc Taêng, töø bi tuïng kinh caàu sieâu ñeä höông linh Phaät töu ... phaùp danh ... ñöôïc cao sieâu laïc caûnh.

*(laàn thöù nhì, laàn thöù ba)*

## KỆ ĐỘNG TÂM

1. Pháp nào có tên gọi là Vô Thường, là pháp có trạng thái thay đổi không thường, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu, pháp ấy để chung cho nhân loại, súc sanh, luôn đến Chư Thiên, Ma Vương cùng Phạm Thiên cả thấy.

Pháp nào có tên gọi là Khổ Não, là pháp có trạng thái đau đớn buồn rầu, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu, pháp ấy để chung cho nhân loại, súc sanh, luôn đến chư Thiên, Ma Vương cùng Phạm Thiên cả thấy.

Pháp nào có tên gọi là Vô Ngã, là pháp có trạng thái không phải là của ta, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu, Pháp ấy để chung cho nhơn loại, súc sanh, luôn đến chư Thiên, Ma Vương cùng Phạm Thiên cả thấy.

2. Thân này chẳng tồn tại bao lâu đâu, khi tâm thức lìa bỏ rồi, thì nằm để trên mặt đất, như đồng tro tàn, tìm sự lợi ích chẳng có.
3. Tuổi thọ, chất lửa, hoặc tâm thức, khi lìa bỏ thân này trong giờ nào rồi, thân này không nên hoàn để trong

nhà, người đời họ đem liệng bỏ nằm trên mặt đất trong giờ ấy, như đồng tro tàn tìm sự lợi ích chẳng có.

4. Tất cả chúng sanh chỉ sẵn dành để chịu chết đều nhau cả, vì sanh mạng của tất cả chúng sanh chỉ có sự chết là nơi cuối cùng. Tất cả chúng sanh, đều phải chịu quả phước cùng quả tội, vừa theo cái nghiệp của mình đã tạo rồi đi thọ sanh trong kiếp sau, chúng sanh nào làm việc dữ, phải chịu khổ trong cõi địa ngục. Chúng sanh nào, làm việc lành, được thọ vui trong cõi thiên đàng. Cho nên người đời cần phải hối hả, làm việc phước đức, mà các bậc trí tuệ hằng thân thiết, cho đăng làm của để dành, dính theo trong đời vị lai, vì các việc phước đức là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh trong ngày vị lai.
5. Các Pháp Hữu Vi thật không bền vững, nó có tánh sanh diệt là thường, vì như sanh rồi diệt, diệt rồi sanh (nên thường hay có sự khổ não) chỉ có Niết Bàn là Pháp tịch diệt, dứt cả Pháp Hữu Vi ấy được, mới có sự an vui tuyệt đối. (ba lần)

~~~~~

(3 lần hoặc 7 lần, 1 lần nếu tội caùu sieâu)

QUA ÒN TỒ ÒNG

Thế Tôn lời dạy tỏ tường
 Năm điều quán tưởng phải thường xét ra
 Ta đây phải có sự già
 Thế nào tránh thoát lúc qua canh tàn
 Ta đây bịnh tật phải mang
 Thế nào tránh thoát đặng an mạnh lành
 Ta đây sự chết sẵn dành
 Thế nào tránh thoát tử sanh đến kỳ
 Ta đây phải chịu phân ly
 Nhơn vật quý mến ta đi biệt mà
 Ta đi với nghiệp của ta
 Dầu cho tốt xấu tạo ra tự mình
 Theo ta như bóng theo hình
 Ta thọ quả báo phân minh kết thành.

Nhìn ta bọt nước cành sương
 Lầu sò, chợ bễ vô thường biến thôi.
 Mắt kia nhìn thấu lẽ đời
 Tử thần khỏi sợ, sống vui nếp hiền.

Một khi thân chết hiện về,
 Nào ai có thể chở che cho mình.
 Vợ, con, quyến thuộc chí tình,
 Ngậm ngùi chỉ biết đứng nhìn buồn thôi.

Già nua gấm cái hình hài
 Rừng đau thương có lâu dài được đâu.
 Hợp tan đã thấy liền nhau

Khi vui phải có lúc sầu đó ai

Nhìn ta thân thể mỹ miều
 Đồng xương chồng chất bao nhiêu khổ sầu.
 Bận tâm trang điểm, dồi trau,
 Thật không bền vững bấy lâu tưởng lắm

Cho dù bay vút lưng trời
 Cho dù đáy biển trốn thời được đâu.
 Cho dù núi thăm hang sâu,
 Tử thần đã đến bên đào thoát sao.

Đời người như lá héo,
 Diêm xú chực chờ người.
 Đang đứng trước cửa chết,
 Đường trường thiếu tư lương.

Đời người nay sắp tàn,
 Tiến gần đến cõi chết
 Dọc đường không quán trọ
 Dặm trường thiếu tư lương.

Người đời hay sát sanh,
 Nói láo, không chơn thật,
 Lấy của người không cho,
 Qua lại với vợ người,
 Uống rượu men rượu nẫu.
 Đam mê những thứ ấy,
 Là tự chôn đời mình,
 Là búng đào gốc thiện.

“Con tôi, tài sản tôi”,
 Nghĩ quấy người ngu khở,
 Thân ta còn không có,
 Con đâu tài sản đâu ?

Trước kia lỡ dễ duôi
 Sau này không phóng dật
 Rực sáng giữa cõi đời
 Thoát mây trắng vằng vặc.

Khéo dụng các hạnh lành
 Xóa tan các nghiệp ác
 Rực sáng giữa cõi trần,
 Thoát mây trắng chiếu mát.

Bát chánh: đường thù thắng,
 Tứ đế, lý thù thắng,
 Ly tham, pháp thù thắng,
 Pháp nhãn, người thù thắng.

Hãy nói thật, không giận,
 Hãy bố thí chút ít,
 Nhờ ba việc lành này,
 Người đến gần thiên giới.

Hiền nhân không hại ai,
 Thân thường được chế ngự,
 Đạt được cảnh bất tử,
 Đến đây không ưu sầu.

Khát ái không sâu ưu,
 Khát ái sinh sợ hãi,
 Giải thoát được khát ái,
 Không sâu, đâu sợ hãi.

Khách lâu ngày ly hương,
 An ổn từ xa về,
 Bà con cùng thân hữu,
 Hân hoan đón chào mừng.
 Cũng vậy các phước lành
 Đón rước người làm phước
 Sau khi bỏ đời này
 Như rước người thân vậy.

Chớ sống gần người yêu,
 Cũng đừng gần người ghét,
 Yêu phải xa là khổ
 Ghét phải gặp cũng đau.

Lửa nào bằng lửa tham
 Tội nào bằng tội sân
 Khổ nào bằng khổ uẩn
 Lạc nào bằng tịnh lạc

Hiền nhân bỏ tất cả
 Tịnh giả không bàn dục
 Dù cảm thọ lạc, khổ
 Bạc trí không vui buồn

Nêu thấy bậc hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng.
Hãy thân cận người trí,
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt chứ không xấu.

Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người khác không thích.

Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.

Ai sống một trăm năm,
Không thấy đạo bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được đạo bất tử.

KINH HỒI HƯƠNG VONG LINH

Bố cáo

Vua Bim Bí Sá Rá
 Nằm mộng thấy thân nhân
 Bị khổ quả đối lạnh
 Đến bạch hỏi Thế Tôn
 Đức Điều Ngự bi mẫn
 Chỉ dạy cách tạo phước
 Hồi hướng các vong linh
 Thoát ly mọi khổ ách.

Chánh kinh Hồi hướng

Các hương linh quá vãng
 Thường đến nhà thân nhân
 Đứng ngoài vách tựa cửa
 Ngã đường hay cổng thành
 Trông chờ hưởng phước thí
 Nhưng vì kém phước duyên
 Hương linh bị quên lãng

Thân nhân tạo phước lành
 Do công đức bố thí
 Nên phát nguyện bằng lời:
Idaṃ vo ñāṭṭaṃ hotu
Sukhitā hontu ñātayo
 Nguyện thân nhân quá vãng
 Thượng hưởng công đức này
 Được thọ sanh lạc cảnh

Những thân nhân quá vắng
 Vân tập các đạo tràng
 Nhận được phước hồi hướng
 Thường thoát lời cảm kích
 Mong ân nhân của mình
 Được trường thọ phúc lạc
 Người đã tạo công đức
 Chắc chắn được quả lành

Trong cõi khổ nga quỷ
 Không có các sinh kế
 Trồng trọt hoặc chăn nuôi
 Bán buôn hay trao đổi
 Chúng sanh cảnh giới này
 Hằng mong đợi phước báu
 Do thân nhân hồi hướng

Như nước trên gò cao
 Chảy xuống vùng đất thấp
 Phước lành đã hồi hướng
 Có diệu năng cứu khổ
 Như trăm sông tuôn chảy
 Cùng hướng về đại dương
 Nguyên công đức đã tạo
 Thấu đến chư hương linh

Khi người nhớ ân trước
 Do tình nghĩa thân bằng
 Do tương duyên quyến thuộc

Hãy cúng dường trai Tăng
Hồi hướng phước đã tạo

Sự khổ sâu thương cảm
Trước tử biệt sanh ly
Không có lợi ích gì
Cho thân nhân quá vãng

Cách trai Tăng hợp đạo
Gọi Đắc khí na đa ná(Dakkhinādāna)
Cúng dường vô phân biệt
Đến đại chúng Tăng Già
Bậc phạm hạnh giới đức
Bậc vô thượng phước điền
Được vô lượng công đức
Là thắng duyên tế độ
Hương linh trong cảnh khổ

Do thiện sự đã làm
Do hồi hướng đã nguyện
Do Tăng lực đã cầu
Xin tựu thành phúc quả (*lay*)

~~~~~

## KỆ KHUYẾN TU

Việc trần thế khuyên ai phải gẫm:  
 Danh mà chi, lợi lắm mà chi,  
 Bã công danh bọt nước ra gì,  
 Mùi phú quý, như vẩn mây tan hợp.  
 Sang cho mấy cũng rồi một kiếp,  
 Giàu đến đâu cũng hưởng một đời.  
 Lẽ tử-sanh đeo đuổi kiếp người,  
 Thân tứ đại lấy đâu làm chắc,  
 Kia sanh-tử thấy liền trước mắt,  
 Năm cô phần đa thị thiếu niên nhân.  
 Tám thân này vốn thật giả thân,  
 Nay còn đó, mai chưa chắc được.  
 Phần nổi bịnh, nổi già thúc phược,  
 Sống trên đời sống được bao lâu.  
 Mới mảy xanh, kẻ đã bạc đầu.  
 Rồi lại đến hoang khô<sup>10</sup> một năm.

*Ôi! Tam thôn<sup>11</sup> khí tại thiên<sup>12</sup> năng dụng,  
 Nhất đán<sup>13</sup> vô thường vạn sự hư.<sup>14</sup> -*  
 Muôn việc đều nương mấy tất hơi,  
 Hơi vừa dứt, việc đời cũng dứt.

Nào sự việc, thân nhân, tài vật,  
 Nhắm mắt rồi lại nắm tay không.  
 Sinh giả không hề tử giả không,

<sup>10</sup> hoang khô – tức là "gò hoang" (theo từ điển Hán-Việt của Thiều Chửu).

<sup>11</sup> Thôn – có nghĩa là tấc (10 cm)

<sup>12</sup> Thiên – đây có nghĩa là rất (rất mực)

<sup>13</sup> Nhất đán – đây có nghĩa là "một mai"

<sup>14</sup> Hư – đây có nghĩa là "bỏ, ngưng, nghỉ."

Đời vật chất hết mong tồn tại.  
Rồi tử sinh luân hồi mãi mãi,  
Nổi trôi theo bể khổ trầm luân.  
Gầm ngán thay định lý vô thường,  
Khuyên nhân thế tầm đường giải thoát.  
Nếu chí nguyện thanh cao mong đạt,  
Cầu nương theo giáo pháp phật đà.  
Dốc một lòng tự giác giác tha,  
Hành bát chánh, hướng về đạo quả.  
Kịp thức tỉnh mê đồ tốc xả  
Thôi đắm say huyễn hóa hồng trần  
Ly não phiền, phật cảnh cao đăng  
Thành chánh quả vô sanh bất diệt.

## KỆ TỈNH THỨC

Lễ tử sanh xưa nay thường sự  
 Khổ biệt ly muôn thuở đương nhiên  
 Khách hồng trần trăm nỗi đảo điên  
 Bậc thiện trí vượt ngoài hệ lụy  
 Cuộc trầm luân khởi từ vô thủy  
 Nước mắt nhiều hơn bốn đại dương  
 Đã bao đời dâu bể tang thương  
 Xương trắng trái phủ đầy đại địa  
 Dù một kiếp trọn vui không dễ  
 Những phù du hưng phế đổi thay  
 Tuổi thanh xuân gấm có bao ngày  
 Già đau chết hỏi ai tránh khỏi  
 Kia bao cuộc thăng trầm danh lợi  
 Những nhục vinh kết nối liền nhau  
 Khi qua rồi còn lại niềm đau  
 Gió đời thổi phàm tâm xao động  
 Kia yêu thương buồn vui huyền mộng  
 Tình thân nhân bằng hữu phụ thê  
 Thương phải xa ghét phải gần kề  
 Ai trọn kiếp không điều ngang trái  
 Kia sự nghiệp bạc vàng của cải  
 Đổ mồ hôi nước mắt dựng xây  
 Vật ở đời tay lại qua tay  
 Buông tất cả khi tàn hơi thở  
 Kia kiến chấp hữu vô ngã sở  
 Bao tị hiềm cùng chuyện can qua  
 Lắm đời đời trong mắt sát na  
 Hạnh phúc đó nào phiền cũng đó

Người trí hiểu căn nguyên thống khổ  
 Tìm hướng đi thoát ngõ quẩn quanh  
 Ngược dòng mê chánh đạo thực hành  
 Chứng thánh quả đoạn mầm sanh tử

Nương Phật Đà chí tôn chí thánh  
 Nương Pháp mầu đại hạnh đại duyên  
 Nương Tăng Già vô thượng phước điền  
 Nguyện uy đức cao đầy phổ độ

Nam mô Phật Pháp Tăng Tam Bảo  
 Nam mô Phật Pháp Tăng Tam Bảo  
 Nam mô Phật Pháp Tăng Tam Bảo.

## THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

**Vô minh** bất giác là duyên  
 Sinh **hành** tạo tác chẳng yên chút nào  
**Thức tâm** dao động lao xao  
 Kiếm tìm **danh sắc** thai bào thọ sanh  
 Tháng ngày giọt máu lớn nhanh  
**Sáu căn** đầy đủ tượng thành ấu nhi  
 Nghiệp tâm nuôi lớn từng kỳ  
 Chào đời mở mắt biết đi đứng rồi  
**Sáu trần** đối tượng mớm mồi  
**Xúc** sanh cảm **thọ**, biết mùi biết hương  
 Vui buồn, khổ lạc, ghét thương  
 Thế là sân dục tìm đường nổi lên  
**Ái** hà, dòng nước triền miên  
 Lạc thì cố **thủ**, khổ liền cố xua  
 Đầy lòng, trăm chuyện chán, ưa  
 Ngàn muôn xấu, tốt chẳng vừa góp châu  
 Hạt mầm ba cõi ần sâu  
 Tạo thành nghiệp **hữu** dẫn đầu tái sanh  
 Có **sanh, già, lão** sẵn dành  
 Rồi tìm sự chết, mỗi manh có rồi  
 Là **sầu, bi, não** không thôi  
 Là **ưu, hận, khổ** luân hồi trường miên  
 Nếu **vô minh** biết đoạn triền  
 Chánh niệm, tỉnh giác thường xuyên giữ gìn  
 Đâu còn tạo tác, búa vìn  
**Hành** diệt, **thức** diệt, tuệ nhìn sáng trong  
**Danh sắc** tìm kiếm tiêu vong  
**Căn trần xúc** đối giữa lòng nhẹ sao

Lắng nghe cảm **thọ** thế nào  
 Buồn vui, thương ghét chẳng xao động mình  
 Tham sân thấy rõ sự tình  
**Ái** hà, dòng chảy phiêu linh cạn rồi  
 Đâu còn **thủ** giữ giống môi  
 Đâu còn gieo **hữu** sáu nơi, ba đường  
 Không **sanh, già lão** chẳng vương  
 Đâu còn sự **chết** tìm đường ghé thăm  
**Khổ sâu** từ đó biệt tăm  
 Bao nhiêu **ưu não** tí tẩn chẳng còn  
 Thế là **khổ uẩn** tiêu mòn  
 Toàn bộ duyên khởi, khoen tròn lìa tan  
 Đâu còn sanh tử buộc ràng  
 Giác ngộ, giải thoát thênh thang cõi bờ.

## QUÁN TƯỚNG THÂN TỨ ĐẠI

Thân người hiện tại đây, ví như lá cây chín có màu vàng. Tay sai của Diêm chúa, là sự chết đã đến tìm người. Người là nguồn cội của sự vô ngã. Lộ phí là việc lành của người cũng chẳng có. Người chỉ có nương nhờ nơi mình. Người mau cố gắng cho ra bậc thông minh “chẳng nên chịu tối mê nữa”. “Khi đã làm như thế” thì được dứt khỏi trần lao “nhứt là tình dục” chẳng còn phiền não, và đến Thánh-vực, là nơi có Pháp huyền diệu.

## HỒI HƯỚNG ÂN NHÂN

Những người đã làm được việc lành trong hoàn cảnh nào, trước hết phải tưởng đến cha mẹ đã quá vãng. Phải tưởng đến Chư Thiên ngự trong các nơi, như là ngự trong nhà, mà chẳng nên bỏn xén, nên làm việc phước thí. Lại phải tưởng đến Tứ Đại Thiên-Vương hộ trì 4 châu thiên hạ:

Một là đức Vua Kuvera.

Hai là đức Vua Dhatarattha.

Ba là đức Vua Virūpakkha

Bốn là đức Vua Virūlhaka.

Là chúa cả Chư Thiên, có đủ sự sang cả. Chúa Chư Thiên ấy, nếu được người cúng dường do Pháp hồi hướng, người làm đặng phước lành đã hồi hướng ấy, chẳng phải không hiệu quả, mà chắc thật được sự quá báo. Còn như các sự than khóc, uất ức, hoặc thương tiếc, thấy đều vô ích. Như là sự than khóc chẳng ích chi cho người quá vãng. Khi người khóc lóc, thương tiếc, uất ức, ăn năn, sau này đều là sự vô ích không không. Vì người quá vãng chẳng được nghe và biết những điều ấy.

Nếu Dakkhiṇādāna mà người đã cúng dường rồi, là phước thí đến Chư Tăng. Dakkhiṇādāna ấy, mới được kết quả lợi ích lâu dài, đến những quyến thuộc đã quá vãng do nhờ hiệp theo duyên có.

~~~~~

PHẦN IV - CÁC NGHI LỄ THÔNG THƯỜNG

NGHI LỄ THỌ TRÌ TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI

Nếu một Phật tử quy y thì đọc

**Accayo (Accayā) maṃ bhante accagamā yathā bālaṃ
yathā mūḷhaṃ yathā akusalaṃ . Yo (yā) haṃ Bhante
kāyena vā vācāya vā manasā vā Bhagavato
Buddhassa vā Dhammassa vā agāraṃ akāsiṃ
tassa(tassā) me bhante Bhagavā, Ayyo (ayyā)
paṭiggaṇhātu (paṭiggaṇhantu) āyatīṃ saṃ varāya.**

Nếu nhiều Phật tử quy y thì đọc:

Accayo no bhante accagamā yathā bāle [bālā] yathā mū
ḷhe [mū ḷhā] yathā akusale [akusalā] Ye [Yā] mayaṃ
bhante kāyena vā vācāya vā manasā vā Bhagavato
Buddhassa vā Dhammassa vā Sanghassa vā agāraṃ
akasiṃhā tesāṃ [tāsāṃ] no bhante Bhagavā, Ayyo
[Ayya, Saṅgho] accaya ṃ accayato paṭiggaṇhātu
[paṭiggaṇhantu] āyatīṃ saṃvarāya.

Dịch nghĩa:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, vì con là người lầm lạc và không biết chánh đạo, nên đã phạm các tội lỗi. Kính bạch chư tăng, sợ e con đã dễ dãi, không đem lòng thành kính, do thân khẩu, ý của con bất tịnh mà phạm đến Phật, Pháp, Tăng.

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, cầu xin quý ngài xá các tội lỗi ấy cho tôi, bởi các tội lỗi ấy là quá thật, đáng cho con làm những việc lành từ nay về sau.

Chư Tăng chứng minh nói "**Sādhū**" nghĩa là: "Hoan hỷ, tùy hỷ".

Nếu một người quy y đọc:

**Esāhaṃ bhante sucirapariniḥṣṭampi taṃ
bhagavantam saraṇam gacchāmi dhammaṃ
bhikkhusaṅghaṃ.**

**Upāsakaṃ [Upāsikaṃ] maṃ, Ayyo [Ayyā, Saṅgho]
dhāretu [dhārentu], ajjatāgga paṇupetaṃ saraṇam
gataṃ.**

Nếu nhiều người quy y đọc:

Ete [Etā] mayamaṃ bhante sucirapariniḥṣṭampi taṃ
bhagavantam saraṇam gacchāma dhammaṃ
bhikkhusaṅghaṃ.

Upāsake [Upāsikāyo] no, Ayyo [Ayyā, Saṅgho] dhāretu
[dhārentu], ajjatāgga paṇupete saraṇam gate.

Dịch nghĩa:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, chúng con cầu xin thọ Pháp quy y Phật đã nhập Niết Bàn, cầu xin thọ Pháp qui y Pháp, cầu xin thọ Pháp qui y Tăng. Xin chư Đại Đức Tăng, nhận biết cho con là người cận sự Nam, (cận sự Nữ) đã qui y Tam Bảo kể từ ngày nay cho đến trọn đời.

Chư tăng nhận bằng tiếng "*Sādhū*".

~~~~~

## PHÉP THỌ TRÌ TAM QUY

**Ukāsa, Ahaṃ (Mayaṃ) bhante viṣuṃ viṣuṃ  
rakkhanatthāya tisaraṇena saha pañcasīlāni yācāmi  
(ma). Dutiyampi, Tatiyampi.**

Kính bạch Ngài (Chư tăng), Chúng con xin thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới, nơi Tam Bảo, để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Lần thứ nhì, lần thứ ba.

*Chư tăng đọc:*

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa".  
Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ Đức **Bhagavā** đó,  
Ngài là bậc **Arahaṃ** cao thượng, được chứng quả  
Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy."

*Phật tử quy y lặp lại:*

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa".  
Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ Đức **Bhagavā** đó,  
Ngài là bậc **Arahaṃ** cao thượng, được chứng quả  
Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy."

*Chư tăng đọc và Phật tử lặp lại*

**Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**

Tôi đem hết lòng thành kính xin Quy y Phật.

**Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**

Tôi đem hết lòng thành kính xin Quy y Pháp.

**Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**

Tôi đem hết lòng thành kính xin Quy y Tăng.

**Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**

Tôi đem hết lòng thành kính xin Quy y Phật, lần thứ nhì.

**Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**

Tôi đem hết lòng thành kính xin Quy y Pháp, lần thứ nhì.

**Dutiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**

Tôi đem hết lòng thành kính xin Quy y Tăng, lần thứ nhì.

**Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**

Tôi đem hết lòng thành kính xin Quy y Phật, lần thứ ba.

**Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**

Tôi đem hết lòng thành kính xin Quy y Pháp, lần thứ ba.

**Tatiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**

Tôi đem hết lòng thành kính xin Quy y Tăng, lần thứ ba.

*Chư tăng đọc:*

**"Tisaraṇaggahanaṃ paripuṇṇaṃ":** "Phép Quy y Tam Bảo tròn đủ chỉ có bấy nhiêu".

*Phật tử Trả lời:*

**"Āma bhante".** "Dạ xin vâng"

~~~~~

PHÉP THỌ TRÌ NGŨ GIỚI

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ SÁT SANH.

2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ TRỘM CẤP.

3. Kāmesu micchācārā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ TÀ DÂM.

4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ NÓI DỐI.

5. Surāmerayamajjappamādatṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ DỄ DUÔI UỐNG RƯỢU VÀ CÁC CHẤT SAY.

Chư tăng đọc:

"Imāni pañca sikkhāpadāni sādhuṃ katvā appamādena niccakālaṃ sammārakkhitabbam".

Chư phật tử sau khi thọ trì Tam quy và Ngũ Giới nơi Tam bảo, hãy ráng vâng giữ hành theo cho được trong sạch, đến trọn đời, chẳng nên dễ dãi".

Phật tử đọc: "Āma bhante - Dạ, xin vâng".

Chư tăng đọc:

**Sīlena sugatim yanti,
Sīlena bhogasampadā,
Sīlena nibbutim yanti,
Tasmā sīlam visodhaye.**

Các chúng sanh được sanh về cõi Trời cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh được giải thoát nhập Niết-Bàn cũng nhờ giữ giới. Bởi các cơ ấy, nên Chư Phật tử phải ráng thọ trì giới luật cho được trong sạch, đừng để lấm nhơ.

Phật tử trả lời "Sādhu - Lành thay".

~~~~~

## CHÚC NGƯỜI MỚI QUY Y

Ngưỡng cầu Đức Phật ban ơn  
 Độ người chánh kiến tâm chơn đạo thiền  
 Ngưỡng cầu Đức Pháp vô biên  
 Độ người hữu chí cần chuyên đạo hành.  
 Ngưỡng cầu hai bậc Tăng lành  
 Độ người mộ đạo tâm thành quy y  
 Cầu xin Thiên chúng hộ trì  
 Giúp người giới luật luôn khi giữ tròn  
 Chúc cho bạn mới lòng son  
 Tu hành tinh tấn dạ mong Niết bàn  
 Thiện nam Tín nữ lưỡng ban  
 Xin cùng đồng đạo bạn vàng nhận đầu  
 Phước lành đào tạo bấy lâu  
 Đồng xin hồi hướng nguyện cầu quả cao  
 Đạo mâu gắng chí dời trau  
 Thoát đường tội lỗi trần lao dứt lần  
 Tìm người trí thức xa gần  
 Gặp người đạo đức ân cần hỏi han  
 Ngày đêm tụ tập đoàn trang  
 Công phu hành đạo tìm đường siêu sinh  
 Dọn thân khẩu ý trọn lành  
 Kịp thời thoát tục thực hành đạo cao  
 Tìm đường Bát chánh lần vào  
 Siêu phàm nhập Thánh tiêu dao Niết Bàn.

### Thầy truyền giới:

- Giải thích ý nghĩa và lợi ích của sự Quy y Tam bảo để phật tử hoan hỷ.
- Đặt pháp danh \*

## PHÉP THỌ BÁT QUAN TRAI GIỚI

Có 8 ngày Bát quan: mùng 5, 8, 14, 15, 20, 23, 29, 30. Thời gian thọ thông thường 1 ngày và 1 đêm. Có thể thọ 3 tháng, 1 năm tùy hỷ. Phước báu thọ Bát quan rất thù thắng, tương đương như người xuất gia 1 ngày.

*Trước kim thân Phật phát nguyện:*

Ajja Uposatho imaṇca rattim imaṇca divasaṃ uposathiko (kā) bhavissāmi.

Ngày nay là ngày Bát Quan Trai, con nguyện thọ trì giới Bát Quan Trai, trọn ngày nay và đêm nay.

*Trước Chư tăng phát nguyện:*

**Ukāsa ahaṃ (mayam) bhante viṣuṃ viṣuṃ rakkhanatthāya tisaṇaṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposathaṃ yācāmi (ma). Dutiyampi, Tatidampi**

Kính bạch Chư Đại đức tăng, chúng con xin thọ trì Tam quy và Bát Quan Trai giới, để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Lần thứ nhì, lần thứ ba.

*Chư tăng đọc:*

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa".  
Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ Đức **Bhagavā** đó,  
Ngài là bậc **Arahaṃ** cao thượng, được chúng quá  
Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy."

*Phật tử quy y lặp lại:*

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa".

Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ Đức **Bhagavā** đó, Ngài là bậc **Arahant** cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy."

*Chư tăng đọc:*

**1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ SÁT SANH.

**2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ TRỘM CẤP.

**3. Abrahmacariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ THÔNG DÂM.

**4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ NÓI DỐI.

**5. Surāmerayamajjappamādatṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ DỄ DUÔI UỐNG RƯỢU VÀ CÁC CHẤT SAY.

**6. Vikālabhojanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ ĂN SÁI GIỜ.

**7. Naccagītavāditavisūkadassanamālāgandha - vilepanadhāraṇamaṇḍanavibhūsanatṭhānā -** Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa SỰ MÚA HÁT, THÔI ĐÒN KÈN, XEM MÚA HÁT, NGHE

ĐỒN KÈN, TRANG ĐIỂM, THOA VẬT THƠM,  
DỒI PHẤN VÀ ĐEO TRÀNG HOA.

**8. Uccāsayanamahāsayanā veramaṇī sikkhāpadam  
samādiyāmi.**

Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa CHỖ  
NÀM NGỒI NƠI QUÁ CAO VÀ XINH ĐẸP.

*Xong rồi, người xin thọ giới đọc:*

**Imaṃ aṭṭhaṅgasamannāgatam buddhap-paṇṇattam  
uposatham imaṇca rattim imaṇca divasaṃ  
sammadeva abhirakkhituṃ samādiyāmi.**

Tôi xin thọ trì Bát Quan Trai giới trọn đủ tám điều của  
Đức Phật đã giáo truyền, hầu để vâng giữ hành theo cho  
được trong sạch trọn ngày nay và đêm nay, mong cầu  
gieo được giống lành để thấy rõ Niết-Bàn trong ngày vị  
lai.

*Chư tăng đọc khích lệ:*

**Imāni aṭṭha sikkhāpadāni uposathasīla-vasena  
imaṇca rattim imaṇca divasaṃ sādhuḥkaṃ katvā  
appamādena sammāraḥkhitabbam.**

Chư Phật tử nên thọ trì Bát Quan Trai giới cho trong  
sạch trọn ngày nay và đêm nay không nên dễ dãi.

*Phật tử đọc: "Āma bhante - Dạ, xin vâng".*

*Chư tăng đọc:*

**Sīlena sugatim yanti,  
Sīlena bhogasampadā,**

**Sīlena nibbutiṃ yanti,  
Tasmā sīlaṃ visodhaye.**

Các chúng sanh được sanh về cõi Trời cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh được giải thoát nhập Niết-Bàn cũng nhờ giữ giới. Bởi các có ấy, nên Chư Phật tử phải ráng thọ trì giới luật cho được trong sạch, đừng để lấm nhơ.

*Phật tử trả lời "Sādhū - Lành thay"*

~~~~~

KỆ TỤNG KHI NHIỀU PHẬT

Ca sa oai đức chi bằng
 Sắc vàng thanh bạch của hàng Sa Môn
 Noi gương từ phụ Thế Tôn
 Hoằng khai giáo pháp tám muôn bốn ngàn
 Ngày nay Thiện tín các hàng
 Ca sa đại lễ nghiêm trang cử hành
 Dâng y với tấm lòng thành
 Ba vòng nhiều Phật đồng thanh nguyện cầu
 Chư Tăng hoan hỷ lãnh thọ
 Cẩn lành gieo giống để hậu mai sau
 Nguyện mau thoát khỏi trần lao
 Tu hành tinh tấn tiêu dao đạo mầu
 Chúc cho Phật pháp bền lâu
 Thấm nhuần trăm họ năm châu thanh hành
 Chúc cho cả thầy chúng sanh,
 Hồi đầu hướng thiện tâm thành quy y
 Noi theo gương đáng Từ bi,
 Xuất gia hành đạo mang y ngời kẻ
 Tu tâm dưỡng tánh mọi bề,
 Tham sân đoạn tuyệt Bồ đề đến nơi.

~~~~~

## THỈNH PHÁP SƯ

Thuở Phật mới đạt thành quả vị,  
 Có Xá-ham-bá-tí Phạm thiên,  
 Cả trong thế giới các miền,  
 Thanh cao quán chúng cần chuyên đạo màu.  
 Hiện trước Phật đề đầu đánh lễ,  
 Bạch xin Ngài tế thế độ nhơn,  
 Chúng sanh trong khắp cõi trần,  
 Tội mê điên đảo không phân tội tình.  
 Cầu Phật Tổ cao minh ái truat,  
 Hiện oai linh tĩnh thức dất diu,  
 Hoằng khai đạo pháp cao siêu,  
 Tu hành theo đặng kết nhiều thiện duyên.  
 Thế Tôn được mãn viên đạo quý,  
 Tôi hết lòng hoan hỉ tán dương,  
 Nhưng vì hoàn cảnh đáng thương,  
 Không đành bỏ mặc, lạc đường làm thỉnh.  
 Chúng sanh vốn đa tình lắm bậc,  
 Không thông đâu chơn thật giả tà,  
 Vô thường, Khổ não, chấp Ta,  
 Ngày nay sơ ngộ thiết tha nhờ Ngài.  
 Xin mở lượng cao dày răn dạy,  
 Chuyển Pháp Luân diễn giải diệu ngôn,  
 Chúng sanh nghe đặng pháp môn,  
 Thoát vòng khổ não dập dòn bấy lâu.  
 Giải thoát những nguồn sâu câu thúc,  
 Diệt tham lam, ái dục bao vòng,  
 Tôi tấm sẽ được sáng trong,  
 Phát sanh trí tuệ hiểu thông tinh tường.

Thông thấu lẽ vô thường dằng dỏi,  
 Ba tướng trong ba cõi mỏng manh,  
 Vô minh quả của nhân Hành,  
 Cội căn dặt dấn chúng sanh luân hồi.  
 Biển trần khổ nổi trôi chìm đắm,  
 Bị Ngũ Ma vầy nắm chuyển di,  
 Vậy nên cầu đứng Từ Bi,  
 Tạo thuyền Bát nhã trải đi vớt người.  
 Đưa qua chôn tốt tươi yên tịnh,  
 Bờ Niết-Bàn chẳng dính trần ai,  
 Như đèn rọi suốt trong ngoài,  
 Chiếu tia sáng khắp các loài hân hoan.  
 Pháp ví trống khai hoàn rầm rộ,  
 Luật ví như đại cổ hoàng dương,  
 Kinh như dây buộc trên rường,  
 Luận như mặt trống vệt đường vô minh.  
 Tứ Diệu Đế có hình dùi trống,  
 Gióng khua tan giấc mộng trần gian,  
 Chúng sanh tất cả bốn hàng,  
 Như sen trong nước mình quang luống chờ.  
 Trời ló mọcặng nhờ ánh sáng,  
 Trổ hoa lành rải tản mùi hương,  
 Pháp màu ánh sáng phi thường,  
 Chiếu khắp ba cõi rõ đường an vui.

Phạm Thiên vẫn ngậm ngùi khăn khăn,  
 Phật nhậm lời nhưng chẳng dĩ hoi,  
 Quyết lòng mở đạo dạy đời,  
 Nhắm vườn Lộc Giả Ngài dòi chơn sang.  
 Thuyết Pháp độ các hàng đệ tử,

Có năm Thầy thánh dự Pháp từ,  
 Đó là nhóm Kiều Trần Như,  
 Được nếm hương vị Hữu dư Niết bàn.  
 Rồi từ đó mở mang Giáo Pháp,  
 Bốn mươi lăm hạ giáp vẹn toàn,  
 Một lòng chẳng thối không mòn,  
 Những điều lợi ích hằng còn lâu năm.  
 Cả tam giới thừa ân phổ cập,  
 Đám mưa lành rưới khắp thế gian,  
 Bởi nhân cố, tích rõ ràng,  
 Thỉnh Ngài thuyết pháp noi đàn từ bi.  
 Chúng sanh ngồi khắp chốn ni,  
 Tội mê cầu được trí tri vẹn toàn. (lạy)

~~~~~

THỈNH TỤNG KINH CẦU AN

Namo tassa bhagavato arahato ammasambuddhassa.
(*đọc ba lần*)

Vipattiṭṭibāhāya,
Sabbasampattisiddhiyā,
Sabbadukkhavināsāya,
Parittaṃ brūtha maṅgalaṃ.
Dutiyampi.
Tatidampi.

Kính bạch Chư tôn đức Tăng, cầu xin quý Ngài, hoan hỷ khai kinh cầu an, cho toàn thể Phật tử chúng con, nhất là gia đình (Tên thí chủ.....), ngưỡng mong oai lực Tam bảo, Chư thiên, gia hộ cho toàn thể Phật tử chúng con, để ngăn ngừa tránh khỏi, những điều rủi ro tai hại, cho đặng thành tựu những hạnh phúc, khiến cho tất cả sự khổ não, kinh sợ và bệnh hoạn thấy đều tiêu tan. (*lạy*)

~~~~~

## TÁC BẠCH DÂNG THỰC PHẨM CÚNG DƯỜNG

Ayaṃ no bhante piṇḍapāto dhammiko dhammaladdho  
 dhammeneva uppādito mātāpitu- ādike gūṇavante  
 uddissa imaṃ (...) saparikkhāraṃ buddhappamukkhassa  
 saṅghassa dema te gūṇavantādayo imaṃ (...) attano  
 santakaṃ viya maññaṃ mānā anumodantu anumoditvāna  
 yathicchitasampattīhi samijjhantu sabbadukkhā  
 pamañcantu iminā nissandena.

### Dịch nghĩa:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, những lễ phẩm này của chúng con làm, hiệp theo lễ đạo, được cũng hiệp theo lễ đạo, chúng con thành tâm cúng dường đến chư đại đức tăng. Ngưỡng mong Quý ngài hoan hỷ thọ dụng, để chúng con hồi hướng phần phước thanh cao hôm nay, đến Cửu huyền thất tổ, các vị ân nhân của chúng con, nhứt là (Ông, bà.....) đã quá vãng.

Chúng con xin dâng những thực phẩm này, gọi là lễ Trai tăng, Đặt bát có cả các món ăn phụ tùng, xin thành tâm dâng cúng đến Chư Tăng. Ngưỡng mong quý ngài dụng nạp, để gia đình chúng con xin hồi hướng đến quyền thuộc và thầy tổ đã quá vãng.

Hay biết rằng, phước báu của lễ trai tăng này, phát sanh đến quyền thuộc của chúng con. Khi thọ hưởng rồi, thì được thoát khỏi những điều lao khổ, và được kết quả làm người, quả trời cùng quả Niết-Bàn. Lần thứ nhì, lần thứ ba. (*lay*)

Imaṃ bhante sapaṇivāraṃ kaṭhina-cīvaraḍussaṃ  
 bhikkhusaṅghassa oṇojayāma sādhu no bhante  
 bhikkhusaṅgho imaṃ sapaṇivāraṃ kaṭhinacīvaraḍussaṃ  
 paṭiggaṇhātu paṭiggaḥetvā ca iminā ḍussena kaṭhinam  
 attharatu amhākaṃ dīgharattam hitāya sukhāya.

### Dịch nghĩa:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, chúng tôi xin thành kính, dâng y cùng với những vật phụ tùng này đến Tỳ-khưu Tăng. Bạch Đại Đức Tăng, cầu xin Tỳ-khưu Tăng nhận lãnh và thọ dụng y **Kaṭhina** cùng với những vật phụ tùng này, cho chúng con ḍược sự lợi ích, sự yên vui lâu dài. (lạy)

~~~~~

TÁC BẠCH CẦU SIÊU

Kính bạch Chư Đại đức tăng, cầu xin quý ngài hoan hỷ khai kinh Cầu siêu, ḍến hương linh Ông..... (Bà), ngưỡng mong oai lực Tam bảo, Chư thiên, thùỵ từ gia hộ hương linh cao ḍẳng lạc cảnh, tỉnh mê khai ngộ, tỉnh tấn tu hành, sớm thành tựu Phật ḍạo. Lần thứ nhì, lần thứ ba, thành tâm tác bạch.

~~~~~

## NGHI LỄ SÁM HỎI

*(Tụng đêm 14, rằm và 30 trong mỗi tháng)*

Cúi đầu lại trước Bửu Đài  
 Con xin sám hối từ rày ăn năn.  
 Xưa nay lỡ phạm điều răn,  
 Do thân, khẩu, ý bị màn vô minh.  
 Gây ra nghiệp dữ cho mình,  
 Sát sanh hại vật chẳng tình xót thương.  
 Giết ăn hoặc bán không lường,  
 Vì lòng tham lợi quên đường thiện nhân.  
 Oan oan tương báo cõi trần,  
 Trầm luân biển tội chịu phần khổ lao.  
 Xét ra nhơn vật khác nào  
 Hại nhân, nhân hại mắc vào trả vai.  
 Lại thêm trộm sản cướp tài,  
 Công người cực nhọc hằng ngày làm ra.  
 Lòng tham tính bầy lo ba,  
 Mưu kia, kế nọ, lấy mà nuôi thân.  
 Hoặc nuôi quyền thuộc xa gần,  
 Làm cho người phải lấm lèn than van.  
 Tà Dâm tội nặng muôn ngàn,  
 Liệu toan chước sách làm đàng chẳng ngay.  
 Vợ con người phải lấm tay,  
 Mất trinh thất tiết phải tai tiếng đời.  
 Xấu cha, hổ mẹ nhiều lời,  
 Xa lìa chồng vợ rẽ rời lứa đôi.  
 Vọng ngôn giả dối ngoài môi,

Chuyện không nói có, có rồi nói không.  
 Dựng lời đâm thọc hai dòng,  
 Phân chia quyền thuộc, vợ chồng, anh em.  
 Mắng nhiết chửi rửa pha gièm,  
 Xóm làng cô bác chị em không chừa.  
 Nói lời vô ích dây dưa,  
 Phí giờ quý báu, hết trưa đến chiều.  
 Uống rượu sanh hại rất nhiều,  
 Ham ăn mê ngủ nói điều chẳng kiêng.  
 Say sưa ngã gió đi xiên,  
 Nằm bờ té bụi như điên khác nào.  
 Loạn tâm cuồng trí mòn hao,  
 Nhiều người vì rượu biết bao hư nhà.  
 Xan tham những của người ta,  
 Mong sang đoạt được lòng tà mới ưng.  
 Nết sân nóng giận không chừng,  
 Toan làm hại chúng bâng khuâng trong lòng.  
 Si mê tin chạ chẳng phòng,  
 Nghe đâu theo đó không thông chánh tà.  
 Chẳng tin Phật Pháp cao xa,  
 Thậm thâm vì diệu bao la trên đời.  
 Nếu con cố ý phạm lời,  
 Hoặc là vô ý lỗi thời điều răn.  
 Hoặc xúi kẻ khác bảo tàn,  
 Hoặc nghe thấy ác, lòng hoằng vui theo.  
 Phạm nhằm ngũ giới thập điều,  
 Vì nhân thân, khẩu, ý, nhiều lần sai.  
 Lỗi từ kiếp trước lâu dài  
 Đến kiếp hiện tại miệt mài lắm phen.  
 Hoặc vì tà kiến đã quen,

Khinh khi Tam Bảo lòng bèn chẳng tin.  
 Cho rằng người chết hết sinh,  
 Phạm vào đoạn kiến tội tình nặng thay.  
 Hoặc phạm thường kiến tội dày,  
 Sống sao đến thác, sanh lai như thường.  
 Tội nhiều kẻ cũng không lường,  
 Vì con ngu dốt, không tường phân minh.  
 Để duôi Tam Bảo, hại mình,  
 Bởi nhân không thấu vô minh nghiệp tà.  
 Cho nên chơn tánh mới là,  
 Tối tăm chẳng rõ sai ngoa thuở đầu.  
 Hóa nên khờ dại đã lâu,  
 Để cho hoàn cảnh mặc dầu kéo xoay.  
 Khác nào bèo bị gió quay,  
 Linh đình giữa biển dạt bờ sông.  
 Xét con tội nặng chập chồng.  
 Kiếp xưa cho đến hiện trong kiếp này.  
 Con xin sám hối từ đây,  
 Nguyên cho Tam Bảo đức dày độ cho.  
 Tội xưa chẳng hạn nhờ to,  
 Con nguyện dứt cả chẳng cho thêm vào.  
 Tâm lành dốc chí nâng cao,  
 Cải tà qui chánh chú vào Phật ngôn.  
 Cho con khỏi chốn mê hồn,  
 Đến nơi cõi Phật Thế Tôn gần kề.  
 Thoát vòng khổ não tối mê,  
 Hưởng miền Cực Lạc mọi bề thanh thoi.  
 Ngày nay dứt bỏ việc đời,  
 Căn lành gieo giống chẳng rời công phu.  
 Mặc ai danh lợi bên xu,

Con nguyên giữ hạnh người tu thoát trần.  
 Trước là độ lấy bốn thân,  
 Sau giúp quyền thuộc được phần tiêu diêu.  
 Sám hối tội lỗi đủ điều,  
 Duyên lành đều cũng ít nhiều kết xây.  
 Con xin hồi hướng quả này,  
 Thấu đến quyền thuộc nơi đây cho tường.  
 Cùng là thân thích tha phương,  
 Hoặc đã quá vãng hoặc thường hiện nay.  
 Chúng sanh ba giới bốn loài,  
 Vô tướng hữu tướng chẳng nài đâu đâu.  
 Nghe lời thành thật thỉnh cầu,  
 Xin mau tựu lại lãnh châu quả này.  
 Bằng ai xa cách chưa hay,  
 Cầu xin thiên chúng mách ngay với cùng.  
 Thấy đều thọ lãnh hưởng chung,  
 Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai.  
 Nguyện nhiều tăng chúng đức tài,  
 Đạt thành thánh quả hoằng khai đạo lành.  
 Nguyện cho Phật Pháp thanh hành,  
 Năm ngàn năm chẳng phước lành thế gian.

## SÁM NGUYỆN

Cúi đầu kính lễ  
 Ba ngôi Tam Bảo  
 Vô thượng tôn Phật  
 Vi diệu Chánh Pháp  
 Thánh đức Tăng Già  
 Đệ tử bao đời sanh tử trầm luân  
 Bởi không thông lẽ thật  
 Khổ tập diệt đạo  
 Chẳng hiểu đường ngay  
 Tam học bát chánh  
 Nên từ lâu lầm lạc  
 Vô minh bao phủ  
 Ái dục buộc ràng  
 Sở hành bất thiện  
 Ba nghiệp tội dày  
 Nhân quả oan khiên  
 Sát sinh hại vật  
 Trộm đạo tà dâm  
 Nói sai sự thật  
 Hiểm độc rẽ chia  
 Buông lung phiếm luận  
 Tham lam sân ác  
 Tà kiến chấp sai  
 Lắm lúc si mê ngu dại  
 Mạn khinh Tam Bảo  
 Chẳng tin nghiệp báo  
 Lấn lộn chánh tà  
 Giao du bạn ác gần xa

Sống vong ơn tự mãn  
 Xem thường thầy tổ  
 Bất kính sa môn  
 Không màng đại nghĩa  
 Quên nỗi khổ tha nhân  
 Chẳng nghĩ tình đồng loại  
 Nhiều lần vô tâm bất hiếu  
 Không nhớ công sinh dưỡng  
 Phụ rầy mẹ cha  
 Hồn hào phạm thượng  
 Bao kiếp phóng túng loạn tâm  
 Say đắm dục trần  
 Sáu căn buông thả  
 Không tin đạo cả  
 Thiếu chí tu hành  
 Rơi vào sa đọa  
 Nay nhờ pháp Phật soi đường  
 Tự biết bao điều lầm lỗi  
 Thành tâm sám hối  
 Chân thật dọn lòng  
 Quyết tìm về nẻo sáng  
 Làm lành bỏ dữ  
 Thanh lọc tâm ý  
 Thương vật thương người  
 Dưỡng tánh từ bi  
 Tu đức hỉ xả  
 Nguyện hiếu kính mẹ cha  
 Học làm con thảo  
 Trọn đời gìn lòng ngay thẳng  
 Suốt kiếp hướng Tam Bảo tựa nương

## KINH NHẬT TỤNG PHẬT GIÁO NGUYỄN THỦY

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1

ĐT: 3 822 5340 – 3 829 6764 – 3 824 7225

Fax: 84 83 822 2726

Email: [tonghop@nxbhcm.com.vn](mailto:tonghop@nxbhcm.com.vn)

Website: [www.Nxbhcm.com.vn](http://www.Nxbhcm.com.vn) / [www.sachweb.vn](http://www.sachweb.vn)

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập : Cẩm Hồng.

Sửa bản in : Hồng Anh

Trình bày : Tỷ-kheo Siêu Minh

Bìa : Mỹ Hà



Thực hiện liên doanh:

Thư viện Phật Giáo Nguyễn Thủy

171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp HCM

Phone : 090 -387 – 0370

Email : [thaythienminh@gmail.com.vn](mailto:thaythienminh@gmail.com.vn)

Website : [phatgiaonguyenthuy.com](http://phatgiaonguyenthuy.com)

---

In lần thứ I số lượng 2000 cuốn 14.5 x 20.5 cm

Tại xí nghiệp in Fahasa.

Địa chỉ: 774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình, TPHCM.

GPXB số: 903-13/CXB/22-110/THTPHCM ngày 10 / 07 /2013

ISBN: 978-604-58-0648-7

In xong và nộp lưu chiểu tháng 08 / 2012